

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

-----

QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP

**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG  
KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
ĐÔNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050**



Điện Biên,.../2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

-----

**QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN**  
**VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU**  
**HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN**  
**TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY**  
**DỰNG ACUD VIỆT NAM**

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....	7
PHẦN MỞ ĐẦU .....	8
<b>1. Mục đích và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh. ....</b>	<b>8</b>
<b>2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu.....</b>	<b>9</b>
<b>3. Phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>10</b>
<b>4. Căn cứ pháp lý .....</b>	<b>10</b>
PHẦN THỨ NHẤT: KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG .....	15
<b>1. TỔNG QUAN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG .....</b>	<b>15</b>
1.1. Vị trí địa lý và mối liên hệ vùng .....	15
1.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên .....	15
1.3. Khí hậu, thủy văn.....	16
1.4. Hiện trạng môi trường .....	17
1.5. Thực trạng điều kiện xã hội .....	18
1.6. Tài nguyên thiên nhiên .....	20
<b>2. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN.....</b>	<b>27</b>
2.1. Thực trạng về kinh tế .....	27
2.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất.....	29
2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn.....	41
<b>3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>	<b>43</b>
3.1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội.....	43
3.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	44
<b>4. PHÂN TÍCH SWOT .....</b>	<b>51</b>
4.1. Điểm mạnh.....	51
4.2. Điểm Yếu .....	52
4.3. Cơ hội .....	52
4.4. Nguy cơ .....	53
PHẦN THỨ 2: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG THỜI KỲ 2021 -2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050 .....	54
<b>1. BỐI CẢNH VÀ VỊ THẾ VAI TRÒ CỦA HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG .....</b>	<b>54</b>
1.1. Bối cảnh phát triển .....	54
<b>2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .....</b>	<b>56</b>
2.1. Quan điểm phát triển.....	56

2.2. Mục tiêu phát triển.....	57
<b>3. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI.....</b>	<b>59</b>
3.1. Cấu trúc không gian tỉnh Điện Biên.....	59
3.2. Cấu trúc không gian phát triển huyện Điện Biên Đông.....	61
3.3. Định hướng không gian phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn.....	69
3.4. Định hướng không gian phát triển công nghiệp.....	75
3.5. Định hướng không gian phát triển nông-lâm nghiệp thủy sản.....	81
3.6. Định hướng không gian phát triển du lịch.....	91
3.7. Định hướng phân bổ sử dụng đất.....	104
<b>4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI.....</b>	<b>107</b>
4.1. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo.....	107
4.2. Định hướng phát triển y tế.....	109
4.3. Định hướng phát triển Văn hóa – thể thao.....	112
4.4. Định hướng phát triển hạ tầng thương mại.....	117
4.5. Định hướng Khoa học và công nghệ.....	119
<b>5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....</b>	<b>120</b>
5.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật.....	120
5.2. Định hướng phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai.....	123
5.3. Định hướng phát triển giao thông.....	124
5.4. Định hướng cấp nước.....	126
5.5. Định hướng cấp điện.....	130
5.6. Định hướng thông tin truyền thông.....	134
5.7. Định hướng Thoát nước thải, Chất thải rắn, nghĩa trang.....	136
<b>PHẦN THỨ 3: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN.....</b>	<b>141</b>
<b>1. Các giải pháp thực hiện.....</b>	<b>141</b>
1.1. Giải pháp đột phá.....	141
1.2. Giải pháp về phát triển kinh tế.....	141
1.3. Giải pháp phát triển văn hoá – xã hội.....	143
1.4. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực.....	144
1.5. Lao động ngành.....	146
1.6. Giải pháp nâng cao trình độ khoa học công nghệ.....	150
1.7. Giải pháp mở rộng thị trường.....	151
1.8. Giải pháp về quốc phòng – an ninh.....	152
1.9. Phối hợp chặt chẽ giữa quy hoạch và kế hoạch.....	154
<b>2. Nguồn vốn và nguồn lực thực hiện.....</b>	<b>155</b>
<b>3. Các chương trình, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư.....</b>	<b>157</b>
3.1. Nguyên tắc xác định dự án ưu tiên đầu tư.....	157
3.2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của huyện, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án.....	158

## **DANH MỤC BẢNG:**

<i>Bảng 1: Bảng thống kê dân số huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2011-2020.....</i>	<i>18</i>
<i>Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất huyện Điện Biên Đông năm 2020.....</i>	<i>30</i>
<i>Bảng 3: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 .....</i>	<i>36</i>
<i>Bảng 4: Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất huyện Điện Biên Đông đến năm 2030..</i>	<i>104</i>
<i>Bảng 5: Bảng tiêu chuẩn dùng nước .....</i>	<i>126</i>
<i>Bảng 6: Bảng tính toán nhu cầu cấp nước huyện Điện Biên Đông.....</i>	<i>126</i>
<i>Bảng 7: Bảng chỉ tiêu thoát nước thải và thu gom xử lý nước thải.....</i>	<i>136</i>
<i>Bảng 8: Bảng tổng hợp diện tích phân bổ đến thị trấn và các xã .....</i>	<i>138</i>
<i>Bảng 9: Phân cấp nghĩa trang theo qui mô đất đai và loại đô thị .....</i>	<i>140</i>
<i>Bảng 10: Bảng các chỉ tiêu an táng theo cấp nghĩa trang .....</i>	<i>140</i>

## **DANH MỤC HÌNH:**

<i>Hình 1: Bản đồ hiện trạng cấp điện Huyện Điện Biên Đông.....</i>	<i>49</i>
<i>Hình 2: Sơ đồ cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên.....</i>	<i>61</i>
<i>Hình 3: Định hướng phát triển hệ thống đô thị Tỉnh Điện Biên.....</i>	<i>70</i>
<i>Hình 4: Định hướng phát triển hệ thống đô thị huyện Điện Biên Đông .....</i>	<i>72</i>
<i>Hình 5: Định hướng phát triển thị trấn Điện Biên Đông .....</i>	<i>74</i>
<i>Hình 6: Bản đồ phân vùng trồng lúa huyện Điện Biên Đông đến năm 2030.....</i>	<i>86</i>
<i>Hình 7: Bản đồ phân vùng phát triển cây lâu năm, cây hàng năm khác huyện Điện Biên Đông đến năm 2030 .....</i>	<i>87</i>
<i>Hình 8: Bản đồ phân vùng phát triển rừng phòng hộ huyện Điện Biên Đông đến năm 2030.....</i>	<i>89</i>
<i>Hình 9: Bản đồ phân vùng phát triển rừng sản xuất huyện Điện Biên Đông đến năm 2030.....</i>	<i>91</i>
<i>Hình 10: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên.....</i>	<i>93</i>

<i>Hình 11: Định hướng phát triển cấp điện Huyện Điện Biên Đông.....</i>	<i>133</i>
--------------------------------------------------------------------------	------------

## **DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
CCN	: Cụm công nghiệp
CHQS	: Chỉ huy quân sự
CN	: Công nghiệp
CP	: Chính phủ
CSHT	: Cơ sở hạ tầng
CTMTQG	: Chương trình mục tiêu Quốc gia
ĐH	: Đại hội
ĐT	: Đường tỉnh
GD	: Giai đoạn
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KCN	: Khu công nghiệp
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
NĐ	: Nghị định
NQ	: Nghị quyết
NVH	: Nhà văn hóa
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QHSDĐ	: Quy hoạch sử dụng đất
QL	: Quốc lộ
QSDĐ	: Quyền sử dụng đất
SDĐ	: Sử dụng đất
TDTT	: Thể dục thể thao
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
TM&MT	: Tài nguyên và Môi trường
TM-DV	: Thương mại - dịch vụ
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	: Tài nguyên Môi trường
TT	: Thông tư
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp
TTg	: Thủ tướng
UBND	: Ủy ban nhân dân
UBTVQH	: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Mục đích và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh.**

Tỉnh Điện Biên là cửa ngõ phía Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Việt Nam. Điện Biên nằm trên các trục giao thông quan trọng về đường bộ theo hướng Đông - Tây (Quốc lộ 6, Quốc lộ 279); vòng cung Tây Bắc (Quốc lộ 6, Quốc lộ 12, Quốc lộ 4D, Quốc lộ 4H,...); đường hàng không nối với thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Từ Điện Biên có thể đi lại thuận tiện đến với các tỉnh đồng bằng sông Hồng, vùng núi phía Bắc Việt Nam, các tỉnh Thượng Lào và cầu nối đến các nước ASEAN. Tỉnh Điện Biên có phía Tây giáp CHDCND Lào và phía Bắc giáp CHND Trung Hoa, với nhiều cửa khẩu đường bộ như Tây Trang, Huổi Puốc, Na Son, A Pa Chải, Si Pa Phìn. Điện Biên nằm không gian hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), vì vậy giữ vị trí quan trọng đặc biệt đối với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và của cả nước về nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng và an ninh.

#### **+ Mục đích triển khai thực hiện:**

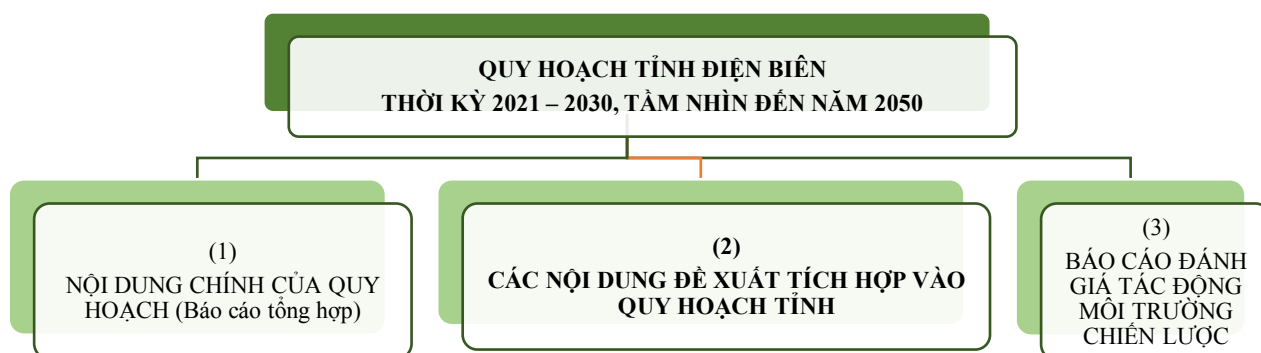
Nội dung đề xuất là một trong những nhiệm vụ được thực hiện trong quá trình lập quy hoạch tỉnh. Nội dung đề xuất được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch sẽ được phân công đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lập và tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình triển khai cần thực hiện, rà soát, đồng nhất số liệu, đánh giá thực trạng phát triển các vấn đề liên quan trong Nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp của liên quan đến góc độ quản lý của các Sở, ngành và địa phương trong thời gian qua để xây dựng phương án phát triển cho thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

Việc sử dụng kết quả nghiên cứu đầu ra của các Nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn lẫn nhau trong hoạt động quy hoạch.

- Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển chung của tỉnh.

#### **+ Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:**





### *Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh*

- Yêu cầu về triển khai và phối hợp thực hiện: căn cứ các quy định của pháp luật về quy trình lập Quy hoạch tỉnh tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Luật Quy hoạch và Khoản 1, 2, Điều 13, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, ***các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm “Đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch”.***

### + Tổng hợp các nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh Điện Biên:

Trên cơ sở Nhiệm vụ được phê duyệt, xác định có 34 nội dung đề xuất tích hợp triển khai thực hiện trong quy hoạch tỉnh như sau:

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU TÍCH HỢP			
SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Đơn vị tổ chức thực hiện)		ĐƠN VỊ TƯ VẤN (Triển khai thực hiện với sự phối hợp của các Sở, ngành và địa phương)	
<b>Sơ Nông nghiệp và PTNT</b> - Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và Nông nghiệp sinh thái. - Phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp. - Phát triển mạng lưới thủy lợi (Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu).	<b>Sơ Tài nguyên và Môi trường</b> - Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. - Thẩm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản. - Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra. - Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	<b>Sơ Xây dựng</b> - Phát triển quy hoạch cấp nước, thoát nước. - Nghiên cứu đề xuất phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện. - Quy hoạch các khu xử lý chất thải và nghĩa trang. - Nghiên cứu đề xuất phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn.	<b>Sơ Công Thương</b> - Phát triển trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm. - Phát triển các khu, cụm công nghiệp. - Phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn.
<b>Sơ LĐTB&amp;XH</b> - Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở dịch vụ việc làm và hỗ trợ xã hội khác thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.	<b>Sơ Giao thông vận tải</b> - Phương án phát triển mạng lưới giao thông.	<b>Sơ Khoa học công nghệ</b> - Phát triển mạng lưới cơ sở khoa học - công nghệ.	<b>Sơ Giáo dục và Đào tạo</b> - Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo.
<b>Sơ Thông tin truyền thông</b> - Phát triển mạng lưới viễn thông.	<b>Sơ Y tế</b> - Phát triển mạng lưới cơ sở y tế.	<b>Sơ VH-TDTT- Du lịch</b> - Phát triển ngành văn hóa, thể dục thể thao và du lịch.	<b>Các huyện và thành phố</b> - Phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
<b>Các Sơ liên quan</b>			
<b>Sơ Tài Chính</b> - Xác định mục tiêu về thu, chi ngân sách thời kỳ quy hoạch.	<b>Ban quản lý các KCN</b> - Phát triển các khu cụm công nghiệp.	<b>BQL Vườn quốc gia Tam Đảo</b> - Phối hợp xây dựng nội dung liên quan đến quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch.	<b>Sơ Nội Vụ</b> - Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu; phối hợp xây dựng nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền.
<b>Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự</b> - Nội dung liên quan đến công tác đảm bảo quốc phòng, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, công tác quân lý, sử dụng, quy hoạch đất quốc phòng.	<b>Sơ Tư Pháp</b> - Cho ý kiến về mặt pháp lý đối với việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quy hoạch.	<b>Cục thông kê</b> - Phối hợp cung cấp tài liệu.	<b>Ban dân tộc</b> - Phối hợp xây dựng nội dung liên quan đến phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## 2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

### + Phạm vi nghiên cứu:

\* Về không gian:

Phạm vi lãnh thổ huyện Điện Biên Đông, có diện tích tự nhiên 1.206,39 km<sup>2</sup>; có tọa độ địa lý từ 21°03' - 21°44' vĩ độ Bắc và 103°06' - 103°44' kinh độ Đông.

\* Về thời gian:

- Tư liệu đánh giá thực trạng từ năm 2011 – 2020;

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên Đông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ **Đối tượng nghiên cứu:**

- Thực trạng phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế-xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên Đông;

- Các định hướng, giải pháp và phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế-xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên Đông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng tổng hợp các phương pháp:

- Phương pháp kế thừa và tích hợp;
- Phương pháp điều tra tổng hợp;
- Phương pháp khảo sát kỹ thuật;
- Phương pháp phân tích kinh tế;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp phân tích GIS;
- Và một số các phương pháp khác có liên quan.

### **4. Căn cứ pháp lý**

- Luật Đất đai năm 2013 của Quốc Hội.
- Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Luật Quy hoạch năm 2017 của Quốc Hội.
- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017.

- Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2019 của UBND huyện Điện Biên Đông về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Điện Biên Đông; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35 ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về Triển khai thi hành Luật Quy hoạch.
- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/ 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Quyết định số 1600/2016/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch kết cấu đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ báo cáo cuối kỳ Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay trên toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1980/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ.

- Thông tư số 28/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên, Chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2021; Hủy bỏ danh mục dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, thông qua trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021, tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định 1492/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và dự toán ngân sách năm 2021;

- Văn bản số 2564/UBND-TNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Điện Biên Đông về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 13 tháng 08 năm 2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Điện Biên Đông lần thứ VI Nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2019 của UBND huyện Điện Biên Đông về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Điện Biên Đông;

- Báo cáo số 484/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Điện Biên Đông về đánh giá thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 huyện Điện Biên Đông.

- Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên Đông về đánh giá hiện trạng, thực trạng và dự báo phát triển ngành, lĩnh vực địa phương phục vụ lập quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo số 462/BC-UBND ngày 23/11/2021 của UBND huyện Điện Biên Đông V/v báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội sau 25 năm thành lập huyện, mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 huyện Điện Biên Đông.

- Các văn bản pháp lý khác liên quan.

**PHẦN THỨ NHẤT: KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA  
BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**

**1. TỔNG QUAN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**

***1.1. Vị trí địa lý và môi liên hệ vùng***

Huyện Điện Biên Đông nằm ở phía Đông Nam tỉnh Điện Biên, có tọa độ địa lý từ 21°03' - 21°44' vĩ độ Bắc và 103°06' - 103°44' kinh độ Đông. Toàn huyện có 14 đơn vị hành chính gồm: thị trấn Điện Biên Đông và các xã: Háng Lìa, Keo Lôm, Mường Luân, Luân Giói, Na Son, Phình Giàng, Phì Nhừ, Pú Nhi, Xa Dung, Chiềng Sơ, Noong U, Pú Hồng, Tà Dinh; và ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Mường Ảng;
- + Phía Đông giáp huyện Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu tỉnh Sơn La;
- + Phía Tây Bắc giáp huyện Điện Biên và Thành Phố Điện Biên Phủ;
- + Phía Tây Nam và phía Nam giáp huyện Điện Biên.

Là huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên, trung tâm huyện cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 47 km về phía Đông Nam. Huyện có tuyến đường tỉnh lộ đi qua là điều kiện thuận lợi góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Huyện Điện Biên Đông có vị trí quan trọng trong chiến lược quốc phòng, an ninh, là đầu mối giao thông quan trọng nối tỉnh Điện Biên với tỉnh Sơn La vì vậy Điện Biên Đông có nhiều điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế – xã hội.

***1.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên***

Huyện Điện Biên Đông là một huyện miền núi thuộc tỉnh Điện Biên; nằm ở phía Đông Nam thành phố Điện Biên Phủ, có độ cao trung bình 900-1000 m. Địa hình hiểm trở, bị chia cắt bởi nhiều khe suối, vực sâu; đồi núi chiếm 90% diện tích đất tự nhiên.

Địa hình của huyện bao gồm 2 dạng địa hình chính:

- *Địa hình đồi núi cao trên 900 m:* đây là kiểu địa hình đặc trưng của Điện Biên Đông, chiếm khoảng 85% diện tích tự nhiên. Phía Bắc là dãy núi Phou Pha Vạt chạy

theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, có đỉnh cao 1.738 m, là đường phân thủy giữa sông Mã và sông Nậm Núa. Phía Nam là dãy Phou Hong chạy theo hướng Tây Đông có đỉnh cao 1.526 m. Phía Đông và Đông Bắc là dãy Phou Cay chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam có đỉnh cao 1.621 m. Nhìn chung dạng địa hình này khá phức tạp, hiểm trở, gây khó khăn trong việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp.

- *Địa hình thung lũng và các bãi bồi ven sông, suối*: đây là loại địa hình nằm xen kẽ giữa các núi cao, dọc theo hệ thống sông, suối, có độ dốc <250. Loại địa hình này phân bố chủ yếu dọc theo sông Mã, Suối Nậm Giỏi, Suối Lư, Pá Nặm, Nậm Ngám...

### **1.3. Khí hậu, thủy văn**

#### **1.3.1. Khí hậu:**

Điện Biên Đông thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, hàng năm chịu ảnh hưởng của 2 khối không khí lớn: không khí phía Bắc khô, lạnh và không khí phía Nam (các tháng 3, 4, 5 chịu ảnh hưởng của khối không khí Tây Nam khô và nóng ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp của nhân dân) nóng ẩm, vì vậy khí hậu ở đây được chia ra làm 2 mùa rõ rệt:

- Mùa lạnh và khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ và lượng nước bốc hơi thấp, mưa ít.

- Mùa nóng ẩm từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ cao, mưa nhiều, lượng nước bốc hơi lớn, độ ẩm không khí cao. Lượng mưa bình quân từ 1238 - 1837 mm/năm, tháng cao nhất đạt 2.069 mm, thấp nhất ở mức 76 mm, lượng mưa chủ yếu tập trung trong các tháng 6, 7, 8 chiếm 80% lượng mưa của cả năm.

- *Nhiệt độ*: Bình quân cả năm 22,9 - 23,8<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là 16,0<sup>0</sup>C (tháng 01 năm 2015), nhiệt độ cao nhất là 28,5<sup>0</sup>C (tháng 05 năm 2019), biến động nhiệt ngày đêm tương đối lớn.

- *Số giờ nắng*: tổng số giờ nắng cả năm 1.819 - 2.519 giờ.

- *Độ ẩm trung bình cả năm* tương đối cao: 82%.



- *Lượng mưa*: trung bình cả năm 1.238 - 1.837 mm, phân bố không đều. Mưa lớn thường tập trung vào các tháng 6, 7, 8 trong năm và chiếm tới 80% lượng mưa cả năm. Do mưa tập trung nên thường gây ra sạt lở đất và gây hiện tượng rửa trôi, xói mòn. Ngược lại mùa khô lượng mưa ít chỉ chiếm khoảng 20% lượng mưa cả năm, vào thời kỳ này lượng bốc hơi cao, gây ra tình trạng khô hạn ảnh hưởng lớn tới sản xuất và sinh hoạt của người dân.

#### *1.3.2. Thủy văn:*

Huyện Điện Biên Đông thuộc lưu vực Sông Mã và có hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngắm... Các sông suối của Điện Biên Đông đều bắt nguồn từ các vùng núi cao nên hệ thống sông suối rất dốc có tiềm năng để phát triển thủy điện.

Sông Mã đi qua các xã Pú Hồng, Tia Đình, Phình Giàng, Háng Lìa, Mường Luân, Chiềng Sơ.

Suối Lư bắt đầu từ bản Bó (Na Son) - TT. Điện Biên Đông - Phì Nhừ - nhập vào sông Mã (đoạn chảy qua xã Phình Giàng). Đây là suối lớn nhất trên địa bàn huyện Điện Biên Đông có chiều dài khoảng 40 km, chiều rộng trung bình của suối khoảng 25 - 30 m.

Suối Sam Măn nằm trên địa bàn xã Keo Lôm là 1 nhánh của suối Lư có chiều dài khoảng 12 km. Suối Sam Măn có 2 nhánh lớn là suối Huổi Xa và suối Nà Nền.

Suối Nậm Ngắm là 1 nhánh của sông Nậm Núa chảy từ Pu Nhi - Nong U. Suối Nậm Ngắm có chiều dài khoảng 20 km.

#### ***1.4. Hiện trạng môi trường***

Điện Biên Đông là một huyện miền núi, mật độ dân số thấp, công nghiệp chưa phát triển, nên mức độ ô nhiễm môi trường ở huyện không đáng lo ngại:

- Nguồn nước mặt cung cấp cho sinh hoạt chịu tác động trực tiếp của tự nhiên, con người, động vật nên nhiều nơi không đảm bảo vệ sinh.

- Trong chăn nuôi, các công trình chuồng trại chưa được xây dựng, bố trí hợp lý, tình trạng chăn thả gia súc tự do gây mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến nguồn nước, môi trường đất.

- Hệ thống bãi thải, xử lý rác thải chưa được đầu tư xây dựng hoàn thiện theo tiêu chuẩn quy định, chất thải trong sản xuất, sinh hoạt chưa được xử lý kịp thời, việc sử dụng các loại hoá chất trong sản xuất nông nghiệp chưa đúng theo quy trình kỹ thuật nên có ảnh hưởng nhất định đến môi trường đất, nước.

- Hiện tượng xói mòn, rửa trôi làm giảm độ phì nhiêu của đất, các hiện tượng di thường của khí hậu đã gây ra sự cạn kiệt nước của các dòng sông, suối vào mùa khô và mực nước ngầm giảm dần. Đến mùa mưa, lũ lụt cục bộ thường xảy ra ở một số nơi trong huyện làm ách tắc giao thông, thiệt hại hoa màu, cây trồng, vật nuôi.

### **1.5. Thực trạng điều kiện xã hội**

#### **1.5.1. Dân số**

Huyện Điện Biên Đông có 1 thị trấn và 13 xã. Tổng dân số đến 31 tháng 12 năm 2020 là 68.392 người, tăng 9.761 người so với năm 2011. Dân số Điện Biên Đông phân bố không đều ở các xã, thị trấn trong huyện. Mật độ dân số của huyện Điện Biên Đông khá thấp, đến năm 2020 là 56,70 người/km<sup>2</sup>.

*Bảng 1: Bảng thống kê dân số huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2011-2020*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Quy mô dân số (người)</b>	<b>58.631</b>	<b>61.916</b>	<b>68.392</b>
- Tỷ lệ tăng DS (%)	15,87	16,04	1,56
Dân số đô thị (người)	2.717	3.220	3.530
- % so với tổng DS	4,63	5,2	5,16
Dân số nông thôn (người)	55.914	58.696	64.862
- % so với tổng DS	95,37	94,8	94,84

#### **1.5.2. Lao động việc làm**

##### **a. Lao động**

Nguồn nhân lực của huyện Điện Biên Đông tương đối dồi dào. Theo số liệu thống kê dân số trong độ tuổi lao động năm 2011 của huyện là 30.854 người, đến năm 2020 số lao động đang làm việc trong nền kinh tế trên địa bàn huyện là 37.515 người, chiếm 54,85% dân số toàn huyện; trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao

động xã hội là 85,20%; lao động trong các ngành khác như công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm một tỷ trọng nhỏ.

Mặc dù nguồn nhân lực dồi dào tuy nhiên chất lượng nguồn nhân lực của Điện Biên Đông còn thấp so với các địa phương khác trong tỉnh. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo năm 2020 là 13.790 người chiếm khoảng 36,31% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế.

Nhìn chung, nguồn nhân lực của huyện Điện Biên Đông hiện còn nhiều bất cập cả về số lượng cũng như chất lượng và cơ cấu. Với tình trạng nguồn nhân lực như hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện cả hiện tại và trong tương lai. Do vậy, trong tương lai cần có hướng đào tạo nghề cho người lao động nhất là khoa học công nghệ, mới có thể đáp ứng được yêu cầu lao động trong các ngành kinh tế, nâng cao thu nhập cho người lao động.

#### *b. Việc làm và thu nhập và tập quán*

Năm 2020, số lao động được tạo việc làm mới là 688 người, trong đó: Xuất khẩu lao động là 15 người, quỹ Quốc gia hỗ trợ việc là 23 người. Lao động làm việc ở các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh là 3.060 người, trong đó đi làm việc có tổ chức: 459 người.

Điện Biên Đông là huyện vùng cao với địa hình chủ yếu là đồi núi có độ dốc lớn người dân phải canh tác trên những triền đất có độ dốc cao hơn 15 độ. Tại đây diện tích bằng phẳng để trồng lúa không nhiều, trải qua quá trình lâu đời, lối canh tác nương rẫy trở thành tập quán ăn sâu vào đời sống đồng bào các dân tộc nơi đây. Việc áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến để cải tạo đất và áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất đối với bà con nông dân vẫn hạn chế. Việc canh tác của bà con nông dân còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết những năm gần đây những hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra nhiều như mưa đá, lũ, xói mòn, sạt lở, hạn hán.. làm cho năng suất cây trồng chưa cao và không được ổn định. Điện Biên Đông từ nhiều năm nay thực hiện vận động nhân dân tổ chức khai hoang ruộng bậc thang và nương có bờ. Chuyển đổi phương thức và tập quán sản xuất nhằm canh tác bền vững, có hiệu quả.

#### *c. Về thu nhập và mức sống*

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, đời sống của người dân trong huyện cũng được cải thiện đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người đạt 16,75 triệu đồng/người/năm. Tuy nhiên, thực tế đời sống của bộ phận không nhỏ người dân trong huyện đến nay vẫn còn rất nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra hộ nghèo năm 2020, tổng số hộ nghèo của huyện là 6.143 hộ chiếm 45,57%; số hộ cận nghèo là 1.273 hộ chiếm 9,46%.

#### *d. Đảm bảo an sinh xã hội*

Những năm qua các chính sách đối với người có công, trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội; chăm sóc, bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; chính sách bình đẳng giới, vì tiến bộ phụ nữ; chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội tự nguyện... được các cấp, ngành quan tâm triển khai thực hiện tốt. Huyện Điện Biên Đông đã thực hiện tốt cứu trợ, động viên kịp thời đối với các hộ đói giáp hạt và nhân dân vùng bị thiên tai, trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng đối với các đối tượng yếu thế góp phần ổn định cuộc sống và trật tự xã hội.

Phòng, chống các tệ nạn xã hội: Tăng cường công tác tuyên truyền biện pháp phòng ngừa tệ nạn ma túy, cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện, các biện pháp giảm hại trong công tác phòng, chống nghiện ma túy; tuyên truyền xây dựng xã, thị trấn không có tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” nhằm giảm số người nghiện ma túy.

### **1.6. Tài nguyên thiên nhiên**

#### *1.6.1. Tài nguyên đất*

Điện Biên Đông có tổng diện tích tự nhiên là 120.686,24 ha. Trong đó hầu hết đất đai có độ dốc lớn, tuy nhiên lại có tầng canh tác tương đối dày. Theo các chỉ tiêu đánh giá tài nguyên đất của tỉnh Điện Biên, huyện Điện Biên Đông có 3 nhóm đất chính với 14 loại đất.

#### *a. Nhóm đất phù sa*

Nhóm đất phù sa chỉ có 01 loại đất là đất phù sa ngòi, suối (Py). Diện tích khoảng 58,70 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Luân Giói, Chiềng Sơ và Mường Luân. Nhóm đất này được hình thành do quá trình bồi đắp

của phù sa sông suối do vậy có đặc tính xếp lớp, địa hình khá bằng phẳng. Các tầng đất mặt thường có thành phần cơ giới nhẹ, đất chua hơn, hàm lượng mùn và đạm nghèo, lân và kali tổng số trung bình. Nhóm đất này có chất lượng tốt, thích hợp với các loại cây ngắn ngày như lương thực, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

*b. Nhóm đất đỏ vàng*

Diện tích khoảng 53.444,56 ha, chiếm 44,28% diện tích tự nhiên.

- *Đất đỏ trên đá Macma bazơ (Fk)*: diện tích khoảng 1.546,63 ha, chiếm 1,29% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở xã Chiềng Sơ. Đất có thành phần cơ giới rất nặng, có phản ứng rất chua  $\text{pH}_{\text{KCl}}$  3,91-5,04; độ phì tự nhiên trung bình khá. Những vùng có độ dốc dưới  $20^\circ$ , tầng đất mịn dày trên 100 cm nên ưu tiên trồng cây công nghiệp dài ngày.

- *Đất đỏ nâu trên đá vôi (Fv)*: diện tích khoảng 43,59 ha, chiếm 0,12% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở xã Na Son. Đất có cấp độ dốc từ  $15 - 35^\circ$ , tầng dày từ 30 - 100 cm; độ phì tự nhiên trung bình khá, thích hợp với trồng cây công nghiệp dài ngày.

- *Đất đỏ vàng trên đá biến chất (Fj)*: diện tích khoảng 13.601,35 ha, chiếm 11,08% diện tích tự nhiên. Phân bố chủ yếu ở các xã: Xa Dung, Keo Lôm, Háng Lìa và Phình Giàng. Đất có cấp độ dốc  $>25^\circ$ , thành phần cơ giới nặng, tơi xốp, tầng dày, chua, độ phì cao; thích hợp cho trồng cây lâu năm.

- *Đất đỏ trên đá phiến sét (Fs)*: diện tích khoảng 8.313,80 ha, chiếm 6,98% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã: Na Son, Nong U, Tìà Dình và Pú Hồng. Đất được phân bố tại khu vực núi thấp và trung bình, địa hình đồi trung bình, dọc theo các con suối. Đất có phản ứng chua,  $\text{pH}_{\text{KCl}}$  trong khoảng 5 - 5,35, độ phì tự nhiên trung bình khá, thích hợp trồng cây dài ngày, cây ăn quả và màu lương thực.

- *Đất đỏ vàng trên đá Macma axit (Fa)*: diện tích khoảng 13.801,95 ha, chiếm 12,02% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã Luân Giới, Mường Luân, Chiềng Sơ và Phì Nhừ. Phần lớn đất loại này có độ dốc từ  $20 - 30^\circ$ . Đất có thành phần cơ giới từ thịt nặng đến thịt trung bình. Đất có phản ứng rất chua  $\text{pH}_{\text{KCl}}$  4,11 - 4,31, độ phì tự nhiên thấp.

- *Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq)*: diện tích khoảng 16.027,32 ha, chiếm 12,96% diện tích tự nhiên. Phân bố ở các xã Phình Giàng, Pú Hồng, Tà Đình, Keo Lôm, Noong U và Na Son. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, khả năng thấm thoát nước nhanh, hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt nhanh. Tầng đất thường mỏng hơn các loại đất khác. Đất có phản ứng rất chua  $\text{pH}_{\text{KCl}}$  3,65 - 3,83, độ phì tương đối kém.

- *Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (Fl)*: diện tích khoảng 109,92 ha, chiếm 0,30% diện tích tự nhiên. Phân bố rải rác trên các khu vực trồng lúa nước trong địa bàn huyện. Phản ứng của đất chua  $\text{pH}_{\text{KCl}}$  4,91 - 5,16. Hàm lượng mùn khá, NPK tổng số đều khá, nghèo lân dễ tiêu. Đây là loại đất tốt, thích hợp với cây lúa nước, cây màu các loại, có khả năng tăng vụ.

#### *c. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi*

Tổng diện tích khoảng 64.877,41 ha, chiếm 54,26% diện tích tự nhiên. Nhóm đất này bao gồm: Hk, Hv, Hj, Hs, Ha và Hq phân bố trên địa hình đồi núi cao trong địa bàn huyện. Đất có phản ứng khá chua,  $\text{pH}_{\text{KCL}}$  thường thấp hơn 4,5. Hàm lượng mùn và đạm tổng số tầng mặt rất giàu. Lân, kali tổng số trung bình đến khá; lân và kali dễ tiêu trung bình đến thấp. Đây là loại đất tốt, có độ phì tự nhiên khá, nhưng đất ở cao, địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn. Loại đất này chủ yếu dành cho phát triển lâm nghiệp (Bảo vệ rừng đầu nguồn, chống xói mòn), kết hợp trồng một số cây lâu năm, cây đặc sản có giá trị kinh tế. Những nơi có độ dốc  $< 15^{\circ}$  nên thiết kế các nương bậc thang để luân canh giữa cây họ đậu, cây lương thực và cây lấy sợi. Quy hoạch các vùng có tầng đất dày trên các cấp độ dốc thích hợp để phát triển cây công nghiệp dài ngày.

#### *d. Các loại đất khác*

Các loại đất khác như núi đá, sông suối, đất xây dựng các công trình phi nông nghiệp... có diện tích 2.305,57 ha, chiếm 1,91% diện tích tự nhiên của huyện.

#### *1.6.2. Tài nguyên nước*

Hiện tại trên địa bàn huyện Điện Biên Đông 02 nguồn nước: Nước mặt và nước ngầm, chất lượng đều tốt có thể sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn.

**Nước mặt:** Huyện Điện Biên Đông thuộc lưu vực Sông Mã và có hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngắm... Các sông suối của Điện Biên Đông đều bắt nguồn từ các vùng núi cao nên hệ thống sông suối rất dốc có tiềm năng để phát triển thủy điện.

Sông Mã bắt đầu từ xã Pú Hồng qua các xã Tìà Đình, Phình Giàng, Háng Lìa, Mường Luân, Chiềng Sơ dài 60 km. Sông Mã có 4 suối nhánh lớn là suối Na Hay và suối Hệt, suối Nà Nèn, suối Huổi Ngưa, suối Nậm Giời và các suối nhánh nhỏ. Suối Na Hay và suối Hệt nằm chủ yếu trên địa bàn xã Tìà Đình, dài khoảng 25 km; suối Huổi Khuông, Huổi Sông, Huổi Tây, Huổi Tóng, Chổng Sư, suối Tong, suối Pua, suối Co Lóm, Nậm Mẩn và Nậm Pải.

Suối Lư bắt đầu từ bản Bó (Na Son) - thị trấn Điện Biên Đông - Phì Nhừ - nhập vào sông Mã (đoạn chảy qua xã Phình Giàng). Đây là suối lớn nhất trên địa bàn huyện Điện Biên Đông có chiều dài khoảng 40 km, chiều rộng trung bình của suối khoảng 25 - 30 m. Suối Lư có rất nhiều suối nhỏ như suối Sư Lư, suối Pú Nhi, suối Loong Chuông, suối Măng Đẳng, suối Đá Mài, suối Huổi Có.

Suối Sam Măn nằm trên địa bàn xã Keo Lô. Bắt đầu từ bản Sam Măn B nhập vào Suối Lư đoạn chảy qua bản Huổi Xa 2. Suối Sam Măn là 1 nhánh của suối Lư có chiều dài khoảng 12 km. Suối Sam Măn có 2 nhánh lớn là suối Huổi Xa (nhập vào suối Sam Măn ở đoạn chảy qua bản Sam Măn A) và suối Nà Nèn (nhập vào suối Sam Măn ở đoạn chảy qua bản Huổi Xa 1).

Suối Nậm Ngắm là 1 nhánh của sông Nậm Núa chảy từ Pú Nhi - Nong U - huyện Điện Biên (hợp nhất với sông Nậm Rốm tại bản Pá Nậm - Núa Ngam). Suối Nậm Ngắm có chiều dài khoảng 20 km, trong 10 km từ bản Nậm Ngắm A đến xã Nong U suối có chiều rộng nhỏ hơn 1 m. Trong 10 km cuối suối có chiều rộng khoảng 25 m.

**Nước ngầm:** Hiện nay, tài nguyên nước ngầm ở Điện Biên Đông chưa được đánh giá và khảo sát đầy đủ, song qua tài liệu đánh giá sơ bộ và tình hình khai thác phục vụ sinh hoạt của nhân dân cho thấy, trữ lượng nước ngầm ở các vùng thấp, vùng ven sông suối là khá dồi dào. Đặc biệt có nguồn nước khoáng tại bản Mường Luân, xã Mường Luân có chất lượng khá cao. Nguồn nước được Đoàn 20B khảo sát và đưa lên

bản đồ địa chất 1:200.000 tờ Sơn La năm 1973. Nước chảy ra từ các khe nứt của một thể thạch anh dày độ 2 m, cắt qua khối granodiorit, lưu lượng 0,08 l/s. Trên một đoạn dài khoảng 10 m ven bờ phải dòng suối chảy cạnh nguồn nước còn gặp nhiều điểm thấm rỉ của NK. Nước chứa nhiều bọt khí phun theo nhịp. Dọc theo đường chảy của nước khoáng ra suối thấy những lớp travertin màu trắng ngà đến vàng nhạt bám vào đá gốc.

#### *1.6.3. Tài nguyên rừng*

Năm 2020, huyện có 31.613,45 ha diện tích đất lâm nghiệp, trong đó: đất rừng sản xuất 7.760,15 ha, chiếm 24,54% diện tích đất lâm nghiệp; đất rừng phòng hộ 23.853,30 ha, chiếm 75,46 % diện tích đất lâm nghiệp, tỷ lệ che phủ rừng đạt 26,2% thấp nhất trong tỉnh. Hiện nay phần lớn diện tích rừng là rừng phục hồi, rừng nghèo, rừng tre nứa và rừng hỗn giao trữ lượng thấp. Do đó cần bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có và tiếp tục khoanh nuôi, trồng mới bảo vệ rừng; đặc biệt góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng nông lâm kết hợp, trồng cây rừng có giá trị và hiệu quả kinh tế kết hợp với phát triển du lịch sinh thái. Tạo thêm việc làm cho lao động địa phương.

#### *1.6.4. Tài nguyên khoáng sản*

Theo tài liệu của Tổng cục Địa chất Việt Nam, trên địa bàn huyện có một số loại khoáng sản như:

- Sắt (Pú Nhi, Luân Giới);
- Chì - kẽm (Na Phát, Na Son; Huổi Tao, Pú Nhi);
- Cao lanh (Huổi Phạ, Xa Dung);
- Titan (Pac Nậm, Chiềng Sơ);
- Vàng sa khoáng (Háng Trợ, Phì Nhừ; Na Sản, Mường Luân);
- Than (bản Nà Sang, Ác Mu, Huổi Xa xã Keo Lô; Bằng Ốp, Ta Té, Tìa Mừng, Tìa Ló, Huổi Mưa xã Noong U; Huổi Khao, Phình Giàng);
- Nước khoáng (có 05 điểm mỏ Pá Vạt, Mường Luân; Huổi Hay, Phình Giàng; Mường Ten 1, Tìa Đình; Mường Ten 2, bản Pá Chá, Pú Hồng);
- Đá xây dựng có 02 điểm mỏ (Chiềng Sơ, Na Son);



- Tiềm năng vật liệu xây dựng chủ yếu là đá, cát, sỏi tập trung ở Na Son, Phì Nhừ, Mường Luân, Chiềng Sơ.

Nhìn chung, tài nguyên khoáng sản ở Điện Biên Đông có phong phú nhưng phân bố tại vị trí khó khai thác, giao thông không thuận lợi, xã thị trường tiêu thụ... Do vậy hiện tại chỉ có một số điểm mỏ đang khai thác như: Chì kẽm tại xã Noong U và xã Pu Nhi, vàng sa khoáng tại Phì Nhừ, than tại Pu Nhi và Na Son. Trong thời gian tới cần điều tra khảo sát kỹ trữ lượng của các nguồn tài nguyên này để xây dựng kế hoạch khai thác phù hợp góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện.

#### *1.6.5. Tài nguyên du lịch nhân văn*

- Điện Biên Đông là huyện phong phú về bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử, di sản văn hóa. với 198 bản và tổ dân cư có trên 13.000 hộ với dân số trên 68000 người, gồm 6 dân tộc: Mông chiếm 53,79%, Thái chiếm 30,96%, Lào chiếm 2,49%, Khơ Mú chiếm 5,22%, Xinh Mun chiếm 3,17% và Kinh chiếm 4,12%. Với đặc điểm đa dạng về dân tộc, Điện Biên Đông có nhiều nét văn hóa phong phú, đặc sắc, lâu đời, nhiều phong tục tập quán được lưu truyền từ bao đời nay như: - Về loại hình nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, nhạc cụ: Hát dân ca Thái, hát dân ca Mông, hát dân ca của dân tộc Khơ Mú, hát dân ca của dân tộc Lào. Các điệu múa truyền thống của các dân tộc như: Múa khăn piêu dân tộc Thái, múa lăm vông dân tộc Lào, múa Hưn mạy dân tộc Khơ Mú, múa khèn dân tộc Mông, thổi khèn bè dân tộc Lào. - Về trò chơi dân gian: Các trò chơi dân gian của các dân tộc trên địa bàn trong các dịp Lễ, Hội, Tết như: Tung còn, tó má lẹ của người Thái, Khơ Mú, Xinh Mun; đánh tù lu, ném pao của người Mông - Hàng năm các dân tộc trên địa bàn huyện đều tổ chức lễ hội truyền thống của dân tộc mình như Lễ hội mừng cơm mới của dân tộc Xinh Mun (Tổ chức tháng 8 âm lịch); Lễ hội Kin Pang của dân tộc Thái (Tổ chức tháng 9, 10 âm lịch); Tết No Pê Châu của dân tộc Mông (Tổ chức vào tháng 12 âm lịch); Lễ hội Tết Khẩu Hó của dân tộc Lào (Tổ chức tháng 8 âm lịch). Bên cạnh đó còn có nghệ thuật tạo hình được thể hiện rất độc đáo trên các bộ trang phục đa sắc màu, nhiều kiểu dáng hoa văn như: trang phục của đồng bào Thái, Mông...; nghệ thuật kiến trúc và các đường nét hoa văn trang trí trong các ngôi nhà truyền thống; các sản phẩm thủ công như dệt thổ cẩm, đan lát... Trên địa bàn huyện còn có 03 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc

gia, 01 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Đây là tiềm năng để huyện phát triển du lịch cộng đồng trong những năm tới.

## **2. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**

### ***2.1. Thực trạng về kinh tế***

#### ***2.1.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản***

##### ***a. Trồng trọt***

- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt 13.274 ha; tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 31.349 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện đến hết năm 2020 là 164 ha, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 215,5 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 211 tấn, lượng khai thác đạt 4,5 tấn.

##### ***b. Chăn nuôi***

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tiếp tục phát triển đúng định hướng, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Tuy nhiên tổng đàn vật nuôi, đặc biệt là đàn gia súc có xu hướng giảm. Do cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, bãi chăn thả dần bị thu hẹp, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả các sản phẩm chăn nuôi không ổn định. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 10/02/2017 của BCH Đảng bộ huyện khóa V và Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 08/3/2017 của UBND huyện về phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền Nhân dân tận dụng các nguồn thức ăn sẵn có, trồng cỏ để phát triển tăng đàn gia súc; công tác thống kê, kiểm tra dịch bệnh, kiểm soát giết mổ được cơ quan chuyên môn thực hiện, tổng hợp, báo cáo hằng tháng, quý, năm. Năm 2020, tổng đàn gia súc phát triển đạt 94.558 con, trong năm số gia súc bán đi, giết mổ, ... là 26.109 con gia súc (trâu 4.159 con, bò 6.751 con, lợn 11.650 con, Dê 3.549 con), 50.936 con gia cầm; Tổng số tiền thu được cho Nhân dân từ giết mổ, bán đi số gia súc, gia cầm khoảng trên 200 tỷ đồng.

##### ***c. Lâm nghiệp***

- Công tác trồng rừng được quan tâm thực hiện, kết quả đạt kế hoạch đề ra. Bảo vệ tốt 31.613,4 ha rừng hiện có; tổng diện tích đã giao đất giao rừng 23.646,76 ha, trong đó diện tích giao khoán bảo vệ rừng và được chi trả dịch vụ môi trường rừng là 18.737,33 ha. Khoanh nuôi tái sinh năm 2020 đạt 687,33 ha; Khoanh nuôi tái sinh

chuyên tiếp được 582,32 ha; chăm sóc rừng trồng 10,71 ha; độ che phủ rừng đạt 26,2%. Triển khai thực hiện Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Dự án rà soát, điều chỉnh, quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

### *2.1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng*

#### *a. Sản xuất CN - TTCN:*

- Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN đạt 179 tỷ đồng (theo giá hiện hành), tăng 15,65 tỷ đồng so với năm 2019, đạt 104,07% kế hoạch huyện giao (các sản phẩm chủ yếu tập trung vào khai thác đá, cát, sỏi, than, chì, chế biến lương thực thực phẩm; sản xuất đồ gỗ; quần áo may sẵn...);

- Toàn huyện có 14/14 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, 159/198 bản có điện lưới quốc gia, chiếm 79,80%, tăng 6 bản có điện so với năm 2019; tổng số hộ sử dụng điện lưới quốc gia là 11.508/13885 hộ, chiếm 82,88%.

#### *b. Công tác đầu tư xây dựng:*

- Tổng kế hoạch vốn (bao gồm vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp chương trình MTQG) là 142.202 triệu đồng, giải ngân được 135.980 triệu đồng, đạt 95,56% kế hoạch vốn, trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 12.180 triệu đồng, thực hiện giải ngân đến 31/12 giải ngân được 12.180 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn 114.772 triệu đồng, thực hiện giải ngân đến 31/12 giải ngân được 112.451 triệu đồng, đạt 97,98% kế hoạch vốn. Nguồn vốn theo QĐ 1776: Kế hoạch vốn 15.250 triệu đồng, thực hiện giải ngân đến 31/12 giải ngân được 11.259 triệu đồng, đạt 73,83% kế hoạch vốn.

#### *c. Thương mại, dịch vụ - du lịch*

- Huyện Điện Biên Đông hiện có 3 chợ đang hoạt động với bán kính phục vụ 1 chợ bình quân là 11,3 km, bình quân dân số phục vụ 1 chợ lên tới 22.797,3 dân. Huyện Điện Biên Đông có số lượng chợ ở mức thừa thớt với bán kính phục vụ rất rộng. Số lượng chợ ít, bán kính phục vụ quá lớn trong khi số dân phải phục vụ cho một chợ rất lớn cho thấy khó khăn trong hoạt động giao thương và chưa đáp ứng được nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hoá của người dân.

- Trên địa huyện Điện Biên Đông chưa có hệ thống trung tâm thương mại và siêu thị.

- Huyện Điện Biên Đông hiện có 5 cửa hàng xăng dầu, mạng lưới cửa hàng xăng dầu đã bám sát quy hoạch mạng lưới giai đoạn 2011-2020. Mật độ cửa hàng xăng dầu khá thấp, khoảng cách giữa các cửa hàng khá lớn gây khó khăn cho hoạt động kinh tế, dịch vụ sử dụng nhiên liệu này.

- Thương mại điện tử hiện đang là một xu hướng kinh doanh hỗ trợ cho các hình thức thương mại truyền thống với nhiều lợi thế như nhanh, rẻ, thuận tiện và không bị giới hạn về không gian và quy mô khách hàng. Phương thức này đang được nhiều doanh nghiệp cùng cá nhân tham gia kinh doanh sử dụng và càng cho thấy những lợi thế tại các tỉnh có địa hình phức tạp như tỉnh Điện Biên. Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử, số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử tại huyện Điện Biên Đông những năm gần đây tăng mạnh, các giao dịch như mua bán, giao nhận, thanh toán giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với người tiêu dùng hầu hết đều thông qua các doanh nghiệp kinh doanh giao nhận hàng hóa.

#### *d. Công tác thu, chi ngân sách*

- Tổng thu ngân sách địa phương là 812.700 triệu đồng, tăng 68.475 triệu đồng so với năm 2019, đạt 106,37% dự toán tỉnh giao và đạt 106,35 % dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu NSNN trên địa bàn đạt 12.250 triệu đồng, giảm 1.700 triệu đồng so với năm 2019, đạt 106,52% dự toán tỉnh giao và đạt 105,15% dự toán HĐND huyện giao.

- Tổng chi ngân sách địa phương đạt 812.700 triệu đồng, tăng 47.38 triệu đồng so với năm 2019, đạt 106,35% dự toán HĐND huyện giao.

## **2.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất**

### *2.2.1. Hiện trạng sử dụng đất*

Theo số liệu hiện trạng đất năm 2020 (tính đến ngày 31/12/2020), tổng diện tích tự nhiên: 120.686,25 ha. Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất huyện Điện Biên Đông năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Cơ cấu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>120.686,25</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>113.860,95</b>	<b>94,34</b>
	Trong đó:		0,00	0,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18.642,04	15,45
0	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	1.189,23	0,99
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	62.556,09	51,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	701,93	0,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	23.820,85	19,74
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.808,94	6,47
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	7.697,02	6,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	331,11	0,27
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,00	0,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.002,99</b>	<b>2,49</b>
	Trong đó:		0,00	0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	155,47	0,13
2.2	Đất an ninh	CAN	0,94	0,001
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,36	0,0003
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,19	0,0002
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	123,31	0,10
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	3,46	0,003
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.120,06	0,93
	Trong đó:		0,00	0,00
–	Đất giao thông	DGT	753,86	0,62
–	Đất thủy lợi	DTL	127,81	0,11

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Cơ cấu
–	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,40	0,00
–	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,60	0,00
–	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,76	0,05
–	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,34	0,01
–	Đất công trình năng lượng	DNL	100,95	0,08
–	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,16	0,001
–	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00
–	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	6,63	0,01
–	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,76	0,01
–	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,00	0,00
–	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	49,04	0,04
–	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,00	0,00
–	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,05	0,00004
–	Đất chợ	DCH	0,71	0,001
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,23	0,003
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,00	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	491,34	0,41
2.14	Đất ở đô thị	ODT	20,79	0,02
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,50	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,55	0,003
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,00	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.070,54	0,89
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,00	0,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,25	0,0002

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Cơ cấu
3	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>3.822,31</b>	<b>3,17</b>

(Nguồn: Hiện trạng sử dụng đất tính đến 30/12/2020, trên cơ sở tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai năm 2020 và hiện trạng rừng năm 2020 huyện Điện Biên Đông)

*a. Đất nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng đất nông nghiệp năm 2020 là 113.860,95 ha, chiếm 94,34% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

\* *Đất trồng lúa*: diện tích là 18.642,04 ha, chiếm 15,45 % tổng diện tích tự nhiên. Phân bố đều khắp 14 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Mường Luân, Luân Giới, Pu Nhi. Trong giai đoạn quy hoạch tới cần khai thác, mở rộng diện tích đất trồng lúa nước những khu vực thuận lợi và đã được đầu tư các công trình thủy lợi để tăng sản lượng lương thực cho nhân dân trên địa bàn huyện.

\* *Đất trồng cây hàng năm khác*: diện tích là 62.556,09 ha, chiếm 51,83 % tổng diện tích tự nhiên. Phân bố đều khắp 14 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Keo Lôm, Phì Nhừ. Diện tích loại đất này diện tích nhiều nhưng sử dụng chưa thật hiệu quả đó là cả các nương luân canh của nhân dân trên địa bàn do đo cần có sự điều chỉnh lựa chọn các vị trí tập trung thuận lợi cho cách tác, các vị trí độ dốc lớn kém hiệu quả để chuyển sang trồng các loại cây lâu năm, cây đa mục đích có hiệu quả kinh tế cao như Mắc Ca...

\* *Đất trồng cây lâu năm*: diện tích là 701,93 ha, chiếm 0,58% tổng diện tích tự nhiên. Tập trung chủ yếu ở xã Pu Nhi, Nong U và Phì Nhừ. So với tiềm năng của huyện thì cơ cấu đất trồng cây lâu năm còn nhỏ. Cần khai thác triệt để diện tích đất có khả năng trồng cây lâu năm góp phần làm tăng thu nhập cho người dân.

\* *Đất rừng phòng hộ*: diện tích là 23.820,85 ha, chiếm 19,74 % tổng diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn 14 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Tà Dinh, Phình Giàng, Pú Hồng, Pu Nhi. Đây là diện tích đất rừng phòng hộ đầu nguồn sông Mã. Vì vậy, cần bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất rừng phòng hộ này nhằm bảo vệ đất, nguồn nước và môi trường.



\* *Đất rừng sản xuất*: diện tích là 7.808,94 ha, chiếm 6,47 % tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên địa bàn 14 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Phì Nhừ, Pu Nhi và Keo Lôm...

\* *Đất nuôi trồng thủy sản*: diện tích là 331,11 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất ao, hồ có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản tương đối lớn. Vì vậy, cần hướng dẫn, khuyến khích nhân dân áp dụng các biện pháp khoa học, giống để tăng sản lượng nuôi trồng thủy sản.

*b. Đất phi nông nghiệp*

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp là 3.002,99 ha, chiếm 2,49% tổng diện tích tự nhiên. Với cơ cấu như trên cho thấy diện tích đất cho các công trình trụ sở, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn ít. Sự phát triển của kinh tế cùng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân đòi hỏi trong thời gian tới cần quy hoạch quỹ đất cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể các như sau:

\* *Đất quốc phòng*: diện tích là 155,47 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở thị trấn Điện Biên Đông, xã Pu Nhi và Pú Hồng. Trong thời gian tới, nhu cầu đất quốc phòng sẽ tăng do quy hoạch, mở rộng các thao trường huấn luyện và thao trường bắn.

\* *Đất an ninh*: diện tích là 0,94 ha, chiếm 0,0008% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở thị trấn Điện Biên Đông, xã Mường Luân.

\* *Đất thương mại dịch vụ*: diện tích là 0,36 ha, chiếm 0,0003% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở thị trấn Điện Biên Đông, xã Mường Luân.

\* *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: diện tích là 0,19 ha, chiếm 0,0002% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở thị trấn Điện Biên Đông và xã Nậm Khao. Trong thời gian tới cần phân bổ quỹ đất để xây dựng các cụm tiểu thủ công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

\* *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: diện tích là 123,31 ha, chiếm 0,10% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở xã Na Son, Pu Nhi và Nong U.

\* *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: diện tích là 3,46 ha, chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên.

\* *Đất phát triển hạ tầng*: diện tích là 1.120,06 ha, chiếm 0,93% tổng diện tích tự nhiên. Bao gồm diện tích đất để xây dựng các công trình công cộng như: Giao thông, thủy lợi, năng lượng, văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, bưu chính, di tích, bãi thải, nghĩa trang, chợ... phục vụ nhân dân. Cùng với sự phát triển kinh tế và nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong huyện, trong giai đoạn tới cần dành phần lớn diện tích để xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội. Đặc biệt cần phát triển hệ thống giao thông là tiền đề cho sự phát triển. Cụ thể :

- *Đất giao thông* : diện tích là 753,86 ha, chiếm 0,62% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 13 xã.

- *Đất thủy lợi* : diện tích là 127,81 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 13 xã.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* : diện tích là 0,4 ha, chiếm 0,0003% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn 05 xã: Pu Nhi, Luân Giói, Háng Lìa, Phình Giàng, Pú Hồng.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế* : diện tích là 3,60 ha, chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 12 xã.

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* : diện tích là 58,76 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 13 xã.

- *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* : diện tích là 9,34 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 8 xã.

- *Đất công trình năng lượng* : diện tích là 100,95 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 13 xã.

- *Đất công trình bưu chính, viễn thông* : diện tích là 1,16 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 12 xã.

- *Đất có di tích lịch sử văn hóa* : diện tích là 6,63 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn 04 xã.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải* : diện tích là 7,76 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và xã Mường Luân.

- *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng* : diện tích là 49,04 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 12 xã.

- *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*: diện tích là 0,05 ha, chiếm 0,00004% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông.

- *Đất chợ*: diện tích là 0,71 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và 02 xã: Mường Luân và Phì Nhừ

\* *Đất sinh hoạt cộng đồng*: diện tích là 3,23 ha, chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên được phân bổ trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông và ở 11 xã.

\* *Đất ở tại nông thôn*: diện tích là 491,34 ha, chiếm 0,41 % tổng diện tích đất tự nhiên, là diện tích đất ở của 13 xã trên địa bàn huyện.

\* *Đất ở tại đô thị*: diện tích là 20,79 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên, bao gồm toàn bộ diện tích đất ở trên địa bàn thị trấn Điện Biên Đông.

\* *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: diện tích là 9,50 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Nhu cầu đất cho mục đích này sẽ tăng trong thời gian tới do mở rộng và xây mới các trụ sở cơ quan đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

\* *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: diện tích là 3,55 ha, chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên.

\* *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: diện tích là 1.070,54 ha, chiếm 0,89% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở tất cả 14 xã, thị trấn.

\* *Đất phi nông nghiệp khác*: diện tích là 0,25 ha chiếm 0,0002% tổng diện tích tự nhiên. Toàn bộ diện tích đất này phân bổ trên địa bàn xã Pu Nhi.

### *c. Đất chưa sử dụng*

Tổng diện tích đất chưa sử dụng là 3.822,31 ha, chiếm 3,17% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm đất bằng chưa sử dụng và đất đồi núi chưa sử dụng tại tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

### 2.2.2. Biến động sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2020 là 120.686,25 ha, tăng 0,01 ha so với năm 2015 (120.686,24) và giảm 211,60 ha so với năm 2011 (120.897,85 ha). Nguyên nhân: Về địa giới hành chính huyện được lấy theo đường địa giới hành chính (đường địa giới theo Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án “hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”); chuyển vẽ từ bản đồ 364-CT sang nền VN 2000 tỷ lệ bản đồ lớn hơn, thực hiện tăng dày một số mốc địa giới hành chính, không thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Điện Biên Đông với các huyện Sông Mã và tỉnh Sơn La, nên diện tích tự nhiên của huyện có thay đổi so với diện tích hiện trạng năm 2013. Cụ thể như sau:

*Bảng 3: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2011-2020*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2011 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>120.897,85</b>	<b>120.686,25</b>	<b>-211,60</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>88.403,95</b>	<b>113.860,95</b>	<b>25.457,00</b>
	Trong đó:			0,00	0,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.743,83	18.642,04	9.898,21
0	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>543,35</i>	<i>1.189,23</i>	<i>645,88</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10.071,50	62.556,09	52.484,59
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	135,27	701,93	566,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	58.354,30	23.820,85	-34.533,45
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10.980,16	7.808,94	-3.171,22
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		<i>7.697,02</i>	<i>7.697,02</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	108,99	331,11	222,12
1.8	Đất làm muối	LMU		0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,90	0,00	-9,90
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.015,72</b>	<b>3.002,99</b>	<b>987,27</b>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2011 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2011
	Trong đó:			0,00	0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	100,18	155,47	55,29
2.2	Đất an ninh	CAN	0,63	0,94	0,31
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		0,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		0,36	0,36
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,68	0,19	-1,49
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	233,86	123,31	-110,55
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	5,75	3,46	-2,29
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	976,60	1.120,06	143,46
	Trong đó:			0,00	0,00
–	Đất giao thông	DGT	474,71	753,86	279,15
–	Đất thủy lợi	DTL	350,35	127,81	-222,54
–	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,47	0,40	-0,07
–	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,33	3,60	0,27
–	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	39,96	58,76	18,80
–	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,05	9,34	8,29
–	Đất công trình năng lượng	DNL	29,45	100,95	71,50
–	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,65	1,16	-0,49
–	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		0,00	0,00
–	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	31,73	6,63	-25,10
–	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,40	7,76	7,36
–	Đất cơ sở tôn giáo	TON		0,00	0,00
–	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	41,40	49,04	7,64
–	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		0,00	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2011 (ha)	Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2011
–	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,20	0,05	-1,15
–	Đất chợ	DCH	0,90	0,71	-0,19
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		0,00	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		3,23	3,23
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		0,00	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	390,29	491,34	101,05
2.14	Đất ở đô thị	ODT	16,84	20,79	3,95
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,89	9,50	-1,39
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,80	3,55	1,75
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		0,00	0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		0,00	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	257,01	1.070,54	813,53
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	11,52	0,00	-11,52
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,67	0,25	-8,43
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>30.478,18</b>	<b>3.822,31</b>	<b>-26.655,87</b>

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020, thống kê đất đai năm 2011 huyện Điện Biên Đông)

*a. Biến động diện tích đất nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 của huyện là 113.860,95ha tăng 25.457,00 ha so với hiện trạng năm 2011, cụ thể như sau:

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2020 của huyện là 18.642,04 ha, tăng 9.898,21 ha so với hiện trạng năm 2011 (8.743,83 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2020 là 62.556,09 ha, tăng 52.484,49 ha so với hiện trạng năm 2011 (10.071,50 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2020 là 701,93 ha, tăng 566,66 ha so với hiện trạng năm 2011 (135,27 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng đất rừng phòng hộ năm 2020 là 23.820,85 ha, giảm 34.533,45 ha so với hiện trạng năm 2011 (58.354,30 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng sản xuất năm 2020 là 7.808,94 ha, giảm 3.171,22 ha so với năm 2011 (10.980,16 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 là 331,11 ha, tăng 222,12 ha so với hiện trạng năm 2011 (108,99 ha).

*\* Đất nông nghiệp khác*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2020 trên địa bàn huyện không còn, giảm 9,90 ha so với năm 2011.

*b. Biến động diện tích đất phi nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp toàn huyện năm 2020 là 3.002,99 ha, tăng 987,27 ha so với hiện trạng năm 2011 (2.015,72 ha), cụ thể như sau:

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất quốc phòng năm 2020 là 155,47 ha, tăng 55,29 ha so với hiện trạng năm 2011 (100,18 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất an ninh năm 2020 là 0,94 ha, tăng 0,31 ha so với hiện trạng năm 2011 (0,63 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2020 là 0,36 ha, tăng 0,36 so với hiện trạng năm 2011.

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 là 0,19 ha, giảm 1,49 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,68 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2020 là 123,31 ha, giảm 110,55 ha so với hiện trạng năm 2011 (233,86 ha).

*\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2020 là 3,46 ha, giảm 2,29 ha so với hiện trạng năm 2011 (5,75 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2020 là 1.120,06 ha, tăng 143,46 ha so với hiện trạng năm 2011 ( 976,60ha). Trong đó:

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất giao thông năm 2020 là 753,86 ha, tăng 279,15 ha so với hiện trạng năm 2011 (474,71 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất thủy lợi năm 2020 là 127,81ha, giảm 222,54 ha so với hiện trạng năm 2011 (350,35 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2020 là 0,40 ha, giảm 0,07 ha so với hiện trạng năm 2011 (0,47 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2020 là 3,60 ha, tăng 0,27 ha so với hiện trạng năm 2011 (3,33 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2020 là 58,76 ha, tăng 18,80 ha so với hiện trạng năm 2011 (39,96 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2020 là 9,34 ha, tăng 8,29 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,05 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình năng lượng năm 2020 là 100,95 ha, tăng 71,50 ha so với hiện trạng năm 2011 (29,45 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình bưu chính, viễn thông năm 2020 là 1,16 ha, giảm 0,49 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,65 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa năm 2020 là 6,36 ha, giảm 25,10 ha so với hiện trạng năm 2011 (31,73 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2020 là 7,76 ha, tăng 7,36 ha so với hiện trạng năm 2011 (0,40 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội năm 2020 là 0,05 ha, giảm 1,15 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,20 ha).
- Diện tích hiện trạng sử dụng đất chợ năm 2020 là 0,71 ha, giảm 0,19 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,20 ha).
- \* Diện tích hiện trạng sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2020 là 3,23 ha, tăng 3,23 ha so với hiện trạng năm 2011.



\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2020 là 491,34 ha, tăng 101,05 ha so với hiện trạng năm 2011 (390,29 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất ở tại đô thị năm 2020 là 20,79 ha, tăng 3,95 ha so với hiện trạng năm 2011 (16,84 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2020 là 9,50 ha, giảm 1,39 ha so với hiện trạng năm 2011 (10,89 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2020 là 3,55 ha, tăng 1,75 ha so với hiện trạng năm 2011 (1,80 ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2020 là 1.070,54 ha, tăng 813,53 ha so với hiện trạng năm 2011 (257,01ha).

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2020 là 0,00 ha, giảm 11,52 ha so với hiện trạng năm 2011.

\* Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp khác năm 2020 là 0,25 ha, giảm 8,43 ha so với hiện trạng năm 2011 (8,67 ha).

### *2.2.3. Biến động diện tích đất chưa sử dụng*

\* Diện tích hiện trạng đất chưa sử dụng năm 2020 là 3.822,31 ha, giảm 26.655,87 ha so với hiện trạng năm 2011 (30.478,18 ha).

## **2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn**

### *2.3.1. Hiện trạng phát triển đô thị*

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 01 Thị trấn là thị trấn Điện Biên Đông có tổng diện tích tự nhiên là 2.397,78 ha (chiếm 1,99% diện tích tự nhiên toàn huyện) với 3.530 nhân khẩu (chiếm 5,16% dân số toàn huyện). Công tác quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Điện Biên Đông đã hoàn thành được phê duyệt đây là cơ sở quan trọng để huyện bố trí nguồn lực đầu tư chỉnh trang phát triển đô thị trong tương lai.

Thực trạng về cơ sở hạ tầng: Mạng lưới giao thông chính trong thị trấn đang được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, thuận tiện trong giao thương nội vùng. Các cơ sở công nghiệp - dịch vụ đang từng bước phát triển, các công trình văn hoá, phúc lợi công

cộng đang dần được đầu tư xây dựng nâng cấp và hoàn thiện. Chức năng chính là trung tâm hành chính, chính trị văn hóa xã hội, các chức năng khác như sản xuất, dịch vụ, thương mại phát triển vẫn còn chậm chưa có cơ hội phát triển, chưa tạo ra nguồn thu lớn cho nền kinh tế quốc dân và giải quyết công ăn việc làm cho người dân đô thị.

### *2.3.2. Hiện trạng điểm dân cư nông thôn*

Với đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực. Các tụ điểm dân cư truyền thống (như thôn, bản...) được hình thành tập trung bên cạnh những khu vực có nước có điều kiện canh tác, ở những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Hiện nay toàn huyện khu vực nông thôn có 13 xã với tổng diện tích là 118.288,47 ha, chiếm 98,01% diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm các xã: Keo Lôm, Chiềng Sơ, Phình Giàng, Phì Nhừ, Luân Giới, Pú Nhi, Nong U, Mường Luân, Na Son, Tà Dinh, Pú Hồng, Háng Lìa, Xa Dung. Trong đó đất ở nông thôn là 491,34 ha, các khu, điểm dân cư cũ ngày càng mở rộng, các khu dân cư mới đã bắt đầu phát triển. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn được quan tâm đầu tư; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 4-5%/năm; các mô hình sản xuất được nhân rộng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập cho nông dân, đời sống người dân nông thôn từng bước được cải thiện. Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố, năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn tiếp tục được giữ vững và ổn định. Các tiêu chí nông thôn mới trung bình của các xã năm 2020 đạt 10,46 tiêu chí/xã, đạt 325% chỉ tiêu Nghị quyết, có 3 xã được công nhận cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Luân, Luân Giới và Pú Nhi), tăng 3 xã so với năm 2015.

### **3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### ***3.1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội***

##### ***3.1.1. Hạ tầng giáo dục***

Tập trung các điều kiện và nguồn lực xây dựng 4 trường đạt chuẩn QG. Đến năm 2020, toàn huyện có 55 đơn vị trường (19 trường Mầm non, 17 trường Tiểu học, 11 trường THCS, 04 trường Tiểu học & Trung học CS, 03 trường PTTH, 01 Trung tâm GDNN-GDTX); Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2020 là 30 trường (Mầm non có 09 trường, Tiểu học CS 07 trường, THCS 09 trường, Tiểu học & THCS 04 trường, THPT 01 trường). Đạt tỷ lệ 55,56% trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Giáo dục mầm non: Tổng số học sinh năm 2020: 8.057 học sinh. Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp đạt 99,9%. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

- Giáo dục tiểu học: Tỷ lệ học sinh học tiểu học ( từ 6 đến 10 tuổi) đến năm 2020 đạt 99,8%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học là 99,40%.

- Giáo dục trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học THCS đạt 95,90%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 99,8%.

- Giáo dục trung học phổ thông: Tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học THPT đạt 63,6%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 97,0%. Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường cao đẳng, đại học đạt 38%;

##### ***3.1.2. Hạ tầng y tế***

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám và điều trị bệnh cho Nhân dân. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình y tế quốc gia; công tác Dân số KHHGĐ tiếp tục được quan tâm thực hiện; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được duy trì đảm bảo, trên địa bàn huyện không có vụ ngộ độc thực phẩm. Năm 2020, tập trung xây dựng xã Phì Nhừ đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Duy trì, nâng cao 12/13 xã đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

##### ***3.1.3. Hạ tầng văn hóa – thể thao***

- Bảo tồn, đầu tư và phát huy văn hóa vật thể: Tiếp tục bảo quản, tu bổ và phục hồi các di tích trên địa bàn đã được xếp hạng, bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng di tích

lịch sử văn hóa cấp Quốc gia tháp cổ Mùòng Luân, di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia tháp cổ Chiềng Sơ, di tích lịch sử cấp Quốc gia hang Mùòng Tỉnh; khu di tích lịch sử Vù Pả Chay.

- Công tác xây dựng đời sống văn hóa và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm. Năm 2020, toàn huyện có 10.560 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 183 bản, tổ dân cư đạt danh hiệu tổ, bản văn hóa; 98 cơ quan, đơn vị, trường học đạt danh hiệu cơ quan văn hóa; 12/13 xã có nhà văn hóa, tăng 02 nhà so với năm 2019 đạt 92,31%/tổng số xã; 112/198 bản có nhà văn hóa bản, tăng 47 nhà so với năm 2019, đạt 56,57%/tổng số bản, tổ dân cư; 5 sân thể thao cấp xã, 39 sân thể thao mini thôn bản, 01 khu liên hiệp thể thao (bóng đá, bơi, phòng tập gym); 2.450 gia đình thể dục thể thao, 19.735 người thể dục thể thao.

- Hàng năm, huyện có trên 80% số hộ gia đình được công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa”; 90% tổ, bản đạt danh hiệu “bản, tổ dân cư văn hóa”; 100% tổ, bản xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước; xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, như: Để tang lâu ngày, tục thách cưới nhiều trâu, bò, cưới hỏi nhiều ngày... đã dần được xóa bỏ.

- Huyện có 1 Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện và 12 đài phát thanh xã; 157 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), tăng 23 trạm so với cùng kỳ năm 2019, hoạt động hiệu quả, đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện.

### ***3.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật***

#### ***3.2.1. Hiện trạng giao thông***

Quốc lộ: Trên địa bàn huyện có tuyến QL12 chạy qua.

Đường tỉnh: 4 tuyến (theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/2/2012) bao gồm:

+ Đường tỉnh 141B: bắt đầu từ Mùòng Phăng (Điện Biên) đến Pù Nhi (Điện Biên Đông)

+ Đường tỉnh 143: từ Noong Bua qua Pù Nhi đến Na Son

+ Đường tỉnh 143B: từ Pù Tiủ xã Thanh Xương Điện Biên đến Tà Lố xã Noong U Điện Biên Đông.

+ Đường tỉnh 146: từ Búng Lao QL279 đến Na Son, định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

Đường đô thị có chiều dài 7,4 km, kết cấu dải nhựa.

Đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, liên xã (đường huyện): Toàn huyện đang quản lý 12 tuyến đường nội thị, huyện lộ và liên xã với 226,15 km, số km đã được rải nhựa hoặc bê tông xi măng (BTXM) là 103,9 km đạt 45,94%;

Đường từ trung tâm xã đi các bản (gồm đường trục thôn bản, liên bản): Các tuyến đường do xã quản lý với hơn 459,34 km đường giao thông nông thôn các loại đã bê tông hóa 159,2 km

### *3.2.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng*

#### *a. Hiện trạng cao độ nền xây dựng*

Thị trấn Điện Biên Đông: Địa hình chủ yếu là đồi núi với cao độ nền  $H = 798 \div 869$ m. Độ dốc khu đất ruộng 2 - 3%, các đồi hướng tây 10 - 20%. Lưng và đồi rất thoải 5 - 10%. Hướng dốc thấp dần từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam dốc vào thung lũng. Khu vực có địa hình thoải nhất là đồi phía Tây Nam.

Khu vực nông thôn: Nền xây dựng các khu dân cư nông thôn hầu hết phụ thuộc vào việc lựa chọn địa điểm xây dựng thôn bản và tập quán sinh hoạt của mỗi dân tộc, hầu hết nền xây dựng ở các khu dân cư nông thôn đều dựa trên nền địa hình tự nhiên ít san lấp và chỉ san gạt cục bộ. Tuy nhiên ở những khu vực thấp, ven các trục lộ cũng có các trường hợp phải san lấp lớn hoặc san nền theo cấp khi xây dựng công trình để nền công trình phù hợp với địa hình chung của khu vực.

#### *b. Hiện trạng thoát nước mặt*

Trên địa bàn huyện mới chỉ có thị trấn Điện Biên Đông được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải phát sinh thoát chung cùng hệ thống thoát nước mưa. Các xã còn lại trên địa bàn huyện đều chưa có hệ thống thoát nước; nước mưa chảy tràn tự nhiên trên bề mặt và một phần tự thấm; nước thải sinh hoạt phát sinh được dẫn ra hệ thống mương đất ngay trước hoặc sau nhà các hộ dân một phần tự thấm, một phần chảy ra các suối trên địa bàn.

### *3.2.3. Hiện trạng thủy lợi*

Toàn huyện đã có 163 công trình thủy lợi vừa và nhỏ (riêng trong giai đoạn 2011-2015 đầu tư xây dựng mới 36 công trình với diện tích tưới tăng lên 223,94 ha; nâng cấp, sửa chữa 19 công trình), cung cấp nước tưới cho 608,41 ha lúa vụ đông xuân và hơn 1.062,81 ha vụ mùa; khoảng 97% công trình đầu mối được đầu tư xây dựng kiên cố. Kênh mương kiên cố hóa được khoảng 195,023 km, phục vụ khai hoang, tăng vụ. Hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn như sau:

- Thị trấn Điện Biên Đông có 03 công trình (thủy lợi Pai Tôm, Na Son 6, TL Tổ dân phố số 3 (Na Đông)).

- Xã Na Son có 11 công trình (thủy lợi Sư Lư, Pá Chuông, Lọng Chuông, Lọng Chuông C, Sư Lư A, Bản Bó, Huổi Chứn, Páng Chộc, Na Phát A,B, Huổi Nhóng, Pá Dên).

- Xã Luân Giới có 16 công trình (thủy lợi Na Ngua, Luân Giới, Na Ngua 2, Pá Khoang, Bản Yên, bản Giới A, Pá Khôm, Na Ân + Na Cai, Luân Giới 2, Lại Trên, Lại Trên 2, Co Đũa, Nong Bua, Che Phai, Na Lại, Giới B).

- Xã Chiềng Sơ có 14 công trình (thủy lợi Ten Luống, Ten Luống 1, Ten Luống 2, Nà Muông, Nà Muông 2, Hìn Óng 1, Háng Pa, bản Cang A+B, Nà Nhả, Nà Ly, Nà Ngã, Co Muông, Cang B, Kéo + Co My).

- Xã Phình Giàng có 09 công trình (thủy lợi Huổi Rựa, Huổi Có, Huổi

- Rựa 2, Pa Cá 2, Xa Vua A, Pa Cá, Xá Tụ, Nậm Nénh, Huổi Rựa).

- Xã Pú Hồng có 10 công trình (thủy lợi bản Phiêng Muông B, Nà Nénh B, Mường Ten, Tin Tót, Nà Nénh C, Phiêng Muông A, Huổi Pó, thủy nông bản Chả B + C, Nà Nénh C, Nà Nénh C).

- Xã Keo Lô có 12 công trình (thủy lợi Trung Sua, Huổi Xa, Chóp Ly, Săm Măn, Chua Ta A (Xì Cờ), Keo Lô 1, Trung Sua, Keo Lô 3, Tìa Ghên A, Huổi Xa 1, Tìa Ghên B, Huổi Hoa).

- Xã Mường Luân có 23 công trình (Pá Vạt 1, Na Hát, Na Pục, Tàng áng, Mường Luân 1, Pá Pao 2, Mường Luân 2, Nà Sản, Huổi Men, Huổi Tống A,

Huổi Vui, Co Kham, Na Hát 2, Nà Sản B, Na Pục trên, Nà Sản 2, Na Phay, Pá Vạt 2, Na Tọ-Nà Sản 1, Na Khính-Na Ân-Na hát, Na Pá Vương-Mường Luân 1, Na Co Đứa-Mường Luân 1, Na Phúc-Co Kham).

- Xã Háng Lìa có 13 công trình (thủy lợi Tìa Mừng, Háng Lìa 1, Háng Lìa 2, Háng Lìa C, Huổi Va A, Huổi Tống B, Huổi Va B, Chóng Đình, Cà Hồng, Huổi Va B, Háng Lìa A+B, Hi Púa, Háng Tây).

- Xã Tìa Đình có 09 công trình (thủy lợi Tìa Ghênh, Na Hay, Na Su, Na Hay 2, Phua Mỡ, Tìa Đình A-B, Tìa Ghênh, Tào LA, Chua Ta-Tìa Đình 1,2).

- Xã Pú Nhi có 17 công trình (thủy lợi Háng Trọ, Nặm Ngám, Nặm Pó, Phù Lồng A B, Háng Giống, Phù Lồng 2, Nặm Ngám A, Pu Nhi, Háng Tọ ABC, Suối Pha Vang, Pu Nhi D, Huổi Tao A, Háng Đề Lo 1, Háng Đề Lo 2, Háng Đề Lo 3, Háng Đề Khàn, Khó Púa).

- Xã Nong U có 03 công trình (thủy lợi Tìa Mừng, thủy lợi Tìa Mừng A, Pá Pan-Thanh Ngám).

- Xã Xa Dung có 12 công trình (thủy lợi Mường Tỉnh, Phà Sớ B1, Ca Tàu, Mường Tỉnh C, Huổi Hịa, Chóng A, Phà Sớ B, Sa Dung C, Nà Sản B, Chóng AB, Nà Sản 1, Tìa Ghênh).

- Xã Phì Nhừ có 12 công trình (thủy lợi Chua Ta A, Chua Ta B, Từ Xa, Chua Ta A2, Huổi Lê, Chua Ta A3, Na Ngự, Chóng Mông, Chua Say, Na Ngự 2, Phì Nhừ B, Háng Pu Xi).

\* Nhận xét:

Địa bàn huyện có địa hình dốc, số lượng công trình thủy lợi tương đối nhiều nhưng chủ yếu là công trình nhỏ, công trình tạm, hệ thống kênh mương nội đồng đa phần là kênh đất. Nguồn trữ nước điều hòa cho mùa cạn là rất ít, tổn thất nguồn nước lớn do đó việc cấp nước sản xuất nông nghiệp về mùa cạn gặp nhiều khó khăn, thường xảy ra hạn hán.

\* *Hiện trạng tiêu nước huyện Điện Biên Đông:*

Với địa hình đồi núi độ dốc lớn, tiêu nước trên địa bàn huyện là tiêu tự chảy qua các kênh, suối

*\* Hiện trạng phòng chống lũ huyện Điện Biên Đông:*

Trên địa bàn huyện thường xảy ra hiện tượng lũ ống, lũ quét từ thượng nguồn đổ về. Hiện tại huyện chưa có công trình phòng chống lũ, giải pháp phòng chống lũ chủ yếu của huyện là giải pháp phi công trình: dự báo, ứng phó ...

*3.2.4. Hiện trạng cấp điện*

Lưới phân phối điện của Huyện Điện Biên Đông được phát triển nhanh trong những năm gần đây.

Hiện nay, toàn bộ lưới điện Huyện Điện Biên Đông đang được cấp từ:

- Nguồn lưới điện Quốc gia thông qua trạm 110kV Điện Biên, công suất 2x16MVA.

- Nguồn thủy điện vừa và nhỏ của tỉnh gồm 01 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ gồm:

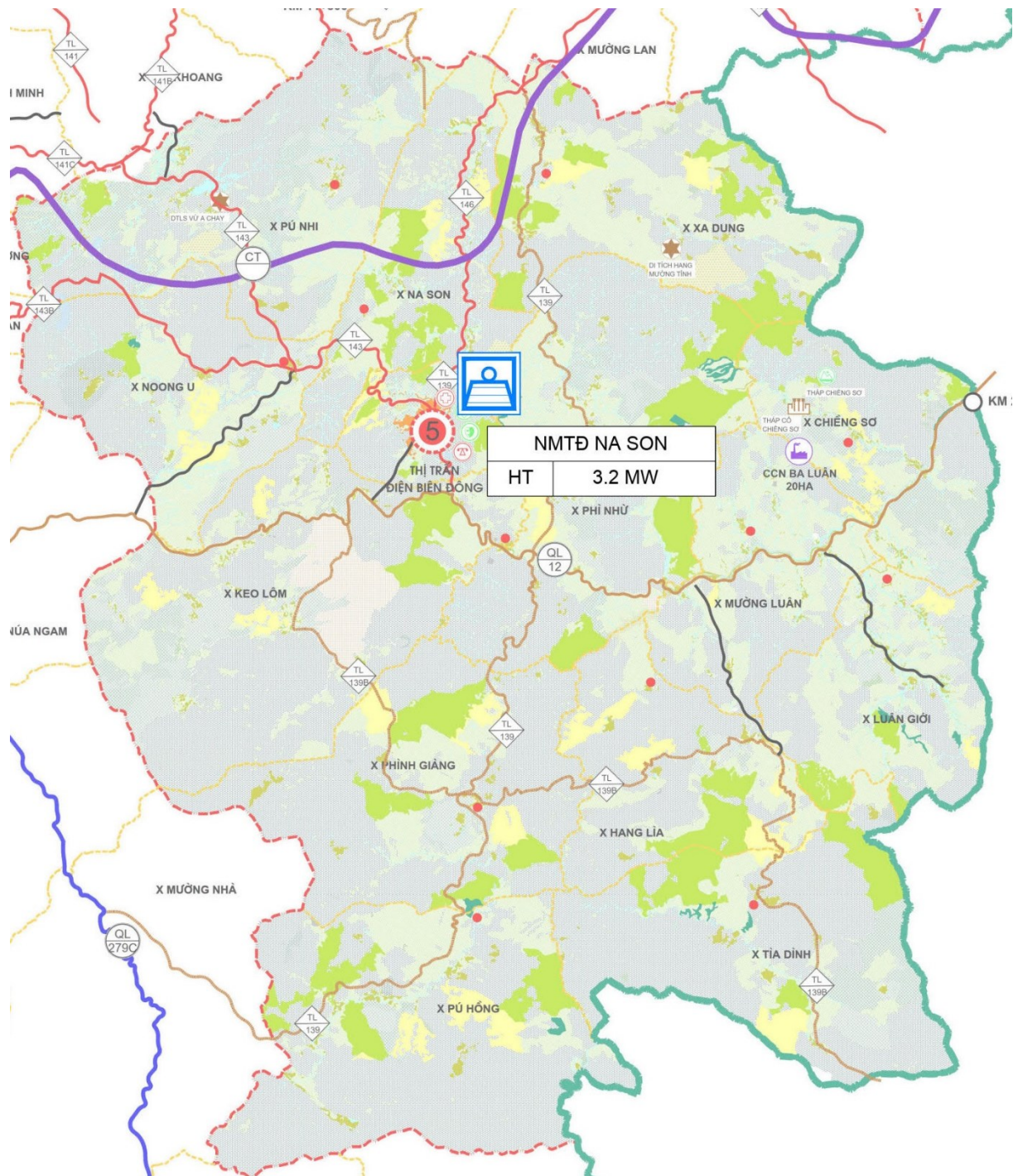
- + Nhà máy thủy điện Na Son đang hoạt động, công suất 3.2MW, xây dựng tại xã Na Son, Huyện Điện Biên Đông; nhà máy phát điện đấu nối vào lưới điện 35kV khu vực.

- + Ngoài ra trên địa bàn huyện đang thi công 02 dự án thủy điện có công suất 39.5MW (thủy điện Sông Mã 3, công suất 29,5MW; thủy điện Mường Luân 1, công suất 10MW); 03 dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng công suất 51MW (thủy điện Sông Mã 1, công suất 14MW; thủy điện Sông Mã 2, công suất 21MW; thủy điện Na Phát, công suất 6MW; thủy điện Mường Luân 2, công suất 10MW).

Mạng lưới truyền tải huyện chưa phát triển lưới điện 110kV, 220kV.

Toàn huyện có ... trạm biến áp trung thế; tổng số đường dây trung thế là khoảng 300km, tổng số đường dây hạ thế 0,4kV là khoảng ...km.





Hình 1: Bản đồ hiện trạng cấp điện Huyện Điện Biên Đông

Mạng lưới điện nông thôn được cải tạo, nâng cấp, năm 2020 huyện có 14/14 xã, thị trấn đã có lưới điện quốc gia, đạt tỷ lệ 100%; 159/198 bản đã có điện lưới quốc gia, đạt tỷ lệ 80,30%; 11.227/13.885 hộ gia đình được sử dụng điện, đạt tỷ lệ 80,86%.

Việc phát triển hệ thống tải điện rộng khắp Huyện Điện Biên Đông đã tạo điều kiện phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt, nâng cao trình độ dân trí, văn hoá tinh thần cho nhân dân.

### *3.2.5. Hiện trạng cấp nước*

#### *a. Hiện trạng nguồn nước*

##### **\* Nước mặt**

- Huyện Điện Biên Đông thuộc lưu vực Sông Mã và có hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngấm... Các sông suối của Điện Biên Đông đều bắt nguồn từ các vùng núi cao nên hệ thống sông suối rất dốc có tiềm năng để phát triển thủy điện.

##### **\* Nước ngầm**

- Hiện nay, tài nguyên nước ngầm ở Điện Biên Đông chưa được đánh giá và khảo sát đầy đủ, song qua tài liệu đánh giá sơ bộ và tình hình khai thác phục vụ sinh hoạt của nhân dân cho thấy, trữ lượng nước ngầm ở các vùng thấp, vùng ven sông suối là khá dồi dào. Đặc biệt có nguồn nước khoáng tại bản Mường Luân, xã Mường Luân có chất lượng khá cao.

#### *b. Hiện trạng công trình cấp nước*

- Hiện nay trên địa huyện có 1 trạm cấp nước sạch Điện Biên Đông.  
- Trạm cấp nước sạch Điện Biên Đông với công suất thiết kế là 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ.  
Sử dụng nguồn nước mặt Mỏ nước Nậm Son.

#### *c. Hiện trạng cấp nước sinh hoạt*

- Hiện nay trên địa bàn huyện đã được cấp nước sạch từ Trạm cấp nước sạch Điện Biên Đông với công suất thiết kế là 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nước sinh hoạt của người dân trong huyện chủ yếu là nước tập trung, nước giếng, nước suối, nước tự chảy và nước mưa. Nguồn nước là các khe lạch, nằm ở cao độ nhất định so với mặt bằng khu dân cư, phần lớn các hệ tự chảy nhỏ đều có các bể lọc cát tuy nhiên lại không được thường xuyên bảo dưỡng và thau rửa.

- Cấp nước nông thôn hiện nay chủ yếu từ nguồn nước mặt, nước mưa. Một số khu vực thì sử dụng nước ngầm.

- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh là >80%.

- Các loại hình cấp nước của khu vực nông thôn huyện rất đa dạng: hệ thống cấp nước tập trung (loại vừa, loại nhỏ), giếng khoan, giếng đào và lu, bể chứa nước mưa.

- Nhìn chung nước sinh hoạt nông thôn từ các loại hình cấp nước nêu trên mới chỉ đạt chất lượng nước hợp vệ sinh. Cần chú trọng đầu tư mới, cải tạo đưa chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quốc gia, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

### *3.2.6. Hiện trạng thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang*

#### *a. Thoát nước thải*

Hiện tại chưa xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, trạm xử lý tập trung.

Nước thải tại một số hộ gia đình, cơ quan sau khi xử lý qua bể tự hoại được đổ chung vào hệ thống cống hộp thoát nước mưa.

Một số khu vực nước thải sinh hoạt không qua xử lý, ngấm xuống đất hoặc đổ trực tiếp vào các khe suối.

#### *b. Hiện trạng quản lý chất thải rắn*

Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Điện Biên Đông công suất 1.080 tấn/năm, diện tích khoảng 10 ha; Phạm vi phục vụ thị trấn Điện Biên Đông

#### *c. Hiện trạng nghĩa trang*

Hình thức chôn lấp chủ yếu là hung táng, các bản xa trung tâm đều có các nghĩa trang nhỏ lẻ của từng bản nằm xen kẽ nhà dân, đất nông nghiệp không đảm bảo khoảng cách ly an toàn.

## **4. PHÂN TÍCH SWOT**

### **4.1. Điểm mạnh**

- Là huyện vị trí gần trung tâm hành chính của tỉnh, có các đường giao thông qua lại với các huyện Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu của tỉnh Sơn La, là điều kiện thuận lợi để giao thương, trao đổi hàng hóa, phát triển dịch vụ thương mại. Điện Biên Đông là vùng đầu nguồn sông Mã nơi phân bố rừng phòng hộ rất xung yếu, nguồn sinh thủy cho các công trình thủy điện, công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp ở vùng hạ du.

- Địa hình dốc cùng với mạng lưới sông, suối dày mang lại cơ hội cho huyện trong phát triển thủy điện nhỏ và vừa. Bên cạnh đó với địa hình này có thuận lợi trong việc phát triển lâm nghiệp và tận dụng các thảm thực vật chăn nuôi gia súc.

- Là huyện có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng.

- Là một huyện nằm vùng đầu nguồn sông Mã và nhiều suối, Điện Biên Đông có tiềm năng khai thác thủy sản, khai hoang mở rộng diện tích trồng lúa nước, phát triển thủy điện, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.

- Vốn rừng và quỹ đất rừng của Điện Biên Đông lớn, việc giao khoán bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng đã góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, xóa đói giảm nghèo cho Nhân dân. Diện tích che phủ rừng của Điện Biên Đông có vai trò quyết định đến tỷ lệ che phủ rừng của toàn tỉnh, có ý nghĩa to lớn trong việc phòng hộ các công trình thủy điện, thủy lợi và duy trì sự đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch sinh thái.

#### **4.2. Điểm Yếu**

- Điện Biên Đông với đặc điểm là huyện miền núi, biên giới xa các khu trung tâm kinh tế (như Hà Nội, Hải Phòng, ...), gây khó khăn trong việc tiếp cận các khoa học kỹ thuật và thu hút đầu tư.

- Địa hình đồi núi phức tạp khó khăn cho việc phát triển mở rộng đô thị, các khu chức năng,...Địa hình dốc với tỷ lệ cát lớn, xộp, dễ rửa trôi khi mưa là thách thức cho huyện trong chống xói mòn đất phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững và gây khó khăn trong việc áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp

- Mạng lưới giao thông chưa đồng bộ, còn có các xã chưa có đường đến bản, vị trí mà các thế lực thù địch đã và đang có lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, điều kiện sống còn nhiều khó khăn của đồng bào các dân tộc để tuyên truyền đạo trái phép...

#### **4.3. Cơ hội**

- Hình thành và phát triển kinh tế lâm nghiệp kết hợp với công nghiệp chế biến nông lâm sản.

- Hình thành và phát triển công nghiệp phụ trợ, sản xuất sản phẩm tiêu dùng..

- Hình thành các khu du lịch đẳng cấp gắn với khu vực cảnh quan thiên nhiên.

- Phát triển du lịch cộng đồng du lịch văn hóa, lễ hội.
- Nhiều nhà đầu tư đang quan tâm đầu tư vào huyện.

#### **4.4. Nguy cơ**

- Tình hình thế giới phức tạp
- Cạnh tranh với địa phương lân cận
- Tác động của biến đổi khí hậu
- Mất cân đối trong phát triển giữa các khu vực
- Là huyện miền núi, biên giới, địa bàn rộng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn gặp nhiều khó khăn; thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển sản xuất và đời sống nhân dân; nguồn lực đầu tư từ Ngân sách Nhà nước còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là vùng sâu, vùng xa; trình độ sản xuất, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp; việc điều chỉnh địa giới hành chính đã phần nào gây xáo trộn, khó khăn nhất định cho nhân dân trên địa bàn ...làm ảnh hưởng đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện.

## **PHẦN THỨ 2: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG THỜI KỲ 2021 -2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

### **1. BỐI CẢNH VÀ VỊ THẾ VAI TRÒ CỦA HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**

#### ***1.1. Bối cảnh phát triển***

##### ***1.1.1. Bối cảnh quốc tế***

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có sự thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, mở ra những cơ hội phát triển nhanh chóng nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ và thách thức lớn. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta những năm tới là:

Toàn cầu hóa và quốc tế hóa sẽ tiếp tục tiến triển nhưng cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm sẽ ngày càng rõ nét và sẽ có những điều chỉnh theo các tâm trục và lĩnh vực khác nhau, chủ nghĩa khu vực sẽ tăng lên. Các nước lớn vừa hợp tác, vừa kiềm chế lẫn nhau, cạnh tranh gay gắt hơn;

Cải tổ thương mại đa phương, thúc đẩy liên kết mới: trong bối cảnh Căng thẳng thương mại Mỹ -Trung được dự báo tiếp tục kéo dài là diễn biến khó lường, các biện pháp bảo hộ gia tăng, các nước sẽ tiếp tục chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa liên kết kinh tế, hình thành các trung tâm kết nối mới nhằm giảm phụ thuộc vào một thị trường nhất định.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực động lực cho tăng trưởng thương mại toàn cầu thời kỳ tới. Các nước như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Ấn Độ và cả Nga sẽ tiếp tục thúc đẩy thương mại với khu vực châu Á-Thái Bình Dương thông qua các Hiệp định FTA;

Cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng công nghệ thông tin tạo ra thời cơ mới cho Việt Nam hội nhập sâu hơn và hiệu quả hơn vào kinh tế thế giới.

##### ***1.1.2. Bối cảnh quốc gia***

Việt Nam có quy mô dân số khoảng 97,6 triệu người (tính đến tháng 9 năm 2019), thuộc Nhóm quốc gia đang phát triển với đặc điểm chung là: Thu nhập trung bình thấp, khoảng 2.553 USD/người (2018), đứng hàng thứ 129 trên thế giới; Mức sống khiêm tốn; Chỉ số phát triển con người (HDI) không cao; Rủi ro về sức khỏe gần

với việc thiếu nước uống an toàn, ô nhiễm không khí trong, ngoài nhà và tai nạn giao thông; Hệ thống kinh tế chưa thoát ra khỏi lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng thấp như nông nghiệp và khai thác tài nguyên tự nhiên, đề hướng tới tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ, giáo dục, nghiên cứu phát triển, thông tin; Nền tảng CN kém phát triển, chưa đạt được mức công nghiệp hóa tương xứng với quy mô dân số; Năng lực hội nhập hạn chế, trước hết là chính sách thương mại; Có nhiều vấn đề phải giải quyết về giáo dục đào tạo, phát triển KHCN, thông tin, văn hóa và tính nghiêm minh của Luật pháp; Chịu sự tác động của BĐKH hậu nhiều hơn so với các nước giàu... Việt Nam đang đứng trước cơ hội và thách thức liên quan đến khả năng huy động sức mạnh toàn dân để vừa tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết nêu trên, vừa phải thúc đẩy Hội nhập quốc tế và Phát triển bền vững. Việt Nam đang tiến hành đổi mới đồng bộ cả chính thể, kinh tế và văn hóa với mục tiêu chuyển từ một quốc gia nông nghiệp trở thành quốc gia biển, phát triển bền vững và mong muốn đến năm 2030 thuộc Nhóm nước công nghiệp mới và đến năm 2045 thuộc Nhóm nước phát triển với tiêu chí chung phổ quát là “Một quốc gia cho phép công dân của mình được hưởng một cuộc sống tự do và lành mạnh trong một môi trường an toàn”. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư, “Tầm nhìn Việt Nam” đang đặt ra những yêu cầu phát triển Việt Nam từ một quốc gia có thu nhập trung bình thấp sang trung bình cao vào những năm 2030 và đến năm 2045 trở thành một quốc gia phát triển thịnh vượng.

### *1.1.3. Bối cảnh của vùng và tỉnh*

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc là khu vực kinh tế rộng lớn bao gồm 14 tỉnh (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) với diện tích lên tới hơn 95 nghìn km<sup>2</sup>, dân số hơn 11 triệu người, giàu tiềm năng khoáng sản, nông - lâm nghiệp, du lịch nhưng có dân cư thưa thớt và phân tán, khí hậu tương đối khắc nghiệt, nhiều khu vực còn có nền kinh tế chậm phát triển.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, kinh tế của Vùng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tốc độ tăng GDP bình quân toàn vùng giai đoạn 2004 - 2018 tăng

10%, thu nhập bình quân đầu người của vùng đạt khoảng 44,8 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, đến năm 2018 cơ cấu kinh tế vùng chuyển dịch tích cực, ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỉ lệ 40,43%, dịch vụ 35,8%, nông lâm nghiệp, thủy sản 18,6%.

Ghi nhận những thành tựu phát triển của Vùng nhưng có thể thấy công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của vùng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: chưa khai thác và phát huy hết các tiềm năng và lợi thế về địa kinh tế - chính trị của vùng (đặc biệt trong các mối quan hệ của vùng với Trung Quốc và liên vùng); các hoạt động liên kết, hợp tác trong vùng chưa đi vào chiều sâu; phát triển nông nghiệp, du lịch chưa tương xứng với tiềm năng...

Trong những năm qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Điện Biên đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp uỷ Đảng và Chính quyền, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, đảm bảo yêu cầu, quốc phòng – an ninh được giữ vững. Điện Biên đã và đang từng bước khẳng định và nâng cao vị thế so với các tỉnh thành trong khu vực và cả nước.

## **2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

### ***2.1. Quan điểm phát triển***

- Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực để phát triển kinh tế với một tốc độ tăng trưởng cao hơn và vững chắc hơn, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá;

- Phát triển kinh tế - xã hội của huyện Điện Biên Đông phải được đặt trong và gắn chặt với định hướng phát triển của tỉnh Điện Biên. Phấn đấu nâng cao tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở khai thác tối đa nguồn lực nội tại và nguồn lực đầu tư từ bên ngoài. Phát triển mạnh sản xuất nông lâm nghiệp hàng hoá, dịch vụ, công nghiệp chế biến làm nền tảng cho tăng trưởng kinh tế. Tập trung đầu tư xây dựng cải tạo, phát triển mạnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, thực hiện đầu tư trọng tâm, trọng điểm;



- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển các mặt về văn hoá - xã hội. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, cải thiện một bước căn bản đời sống nhân dân các dân tộc. Mở mang và nâng cao chất lượng sự nghiệp y tế, giáo dục. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc;

- Phát triển kinh tế phải được gắn với ổn định chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh. Thực hiện chủ trương xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, lấy ổn định chính trị làm tiền đề để phát triển kinh tế xã hội, đồng thời lấy phát triển kinh tế để thúc đẩy tiến bộ xã hội, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện. Xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân;

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Trong đó nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng được coi là nhiệm vụ trọng tâm về môi trường trong giai đoạn đến năm 2030..

## **2.2. Mục tiêu phát triển**

### **2.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống, vật chất, tinh thần cho Nhân dân các dân tộc trong huyện Điện Biên Đông theo kịp các huyện trong tỉnh và khu vực. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục theo hướng bền vững, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và chuyển dịch dần từ việc tự cung tự cấp sang trao đổi, mua bán hàng hóa theo nhu cầu thị trường, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của huyện; Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm của huyện; Chuyển đổi cơ cấu kinh tế rõ nét hơn và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; Xây dựng bản làng, văn hóa, địa bàn dân cư đậm đà bản sắc dân tộc; Dân trí được nâng lên, môi trường sinh thái - tài nguyên rừng được khai thác, bảo vệ có hiệu quả; Chính trị ổn định, Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a. Về kinh tế giai đoạn 2021-2030 cụ thể:**

(1) Thu nhập bình quân đầu người của người dân trên địa bàn năm 2030 đạt 50 triệu đồng/người/năm

(2) Tổng sản lượng cây lương thực có hạt đạt trên 40.000 tấn; Lương thực bình quân đầu người đạt trên 590 kg/người/năm.

(3) Tổng đàn gia súc phát triển đạt trên 102.322 con; Đàn gia cầm phát triển đạt trên 395.713 con.

(4) Độ che phủ rừng hàng năm tăng 0,5% trở lên, đến năm 2030 đạt trên 33%.

(5) Tập trung các nguồn lực xây dựng Nông thôn mới phấn đấu đến năm 2030 có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 10 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới.

(6) Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 25 tỷ đồng.

(7) Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN đạt trên 475 tỷ đồng.

(8) Tổng mức hàng hoá bán lẻ trên địa bàn đạt trên 1.316 tỷ đồng.

(9) Phấn đấu 100% các trường đạt chuẩn quốc gia về giáo dục.

(10) Phấn đấu 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

(11) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 5%/năm trở lên (do mỗi giai đoạn sẽ có tiêu chí chuẩn nghèo mới)

(12) Phấn đấu 100% xã, thị trấn có Nhà văn hóa xã, 100% các tổ dân cư, bản được đầu tư xây dựng nhà văn hóa; trên 190 tổ, bản được công nhận tổ bản dân cư văn hoá; 11.800 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá; 100% cơ quan đơn vị, doanh nghiệp được công nhận cơ quan văn hoá.

(13) Đến năm 2030, có trên 8.500 người lao động làm việc ở các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài huyện, ngoài tỉnh, trong đó: Đi làm việc có tổ chức đạt trên 2.500 lao động trở lên.

(14) Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra điểm nóng; Hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương.

(15) Đến năm 2030 quy hoạch mở rộng thị trấn ở khu vực Na Pa Chải, thuộc tổ 2, thị trấn Điện Biên Đông.

#### *b. Tầm nhìn đến năm 2050*

Xây dựng huyện Điện Biên Đông phát triển bền vững, có chất lượng sống tốt, trở thành địa phương có mức phát triển khá trong tỉnh. Ứng phó và thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng phát triển công

ng nghiệp, đô thị và du lịch để chú trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông lâm nghiệp thủy sản sang dịch vụ thương mại và công nghiệp - xây dựng, du lịch.

### **3. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI.**

#### ***3.1. Cấu trúc không gian tỉnh Điện Biên***

Đề xuất định hướng phát triển không gian lãnh thổ tỉnh Điện Biên gồm 03 vùng kinh tế với 01 tiểu vùng, 03 cực tăng trưởng và 04 trục phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

#### ***\*) 03 vùng kinh tế:***

(1) *Vùng kinh tế I:* Bao gồm thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông. Vùng nằm dọc theo trục động lực gắn với hành lang phát triển QL12 và QL279, với trung tâm là thành phố Điện Biên Phủ, là đầu tàu cho sự phát triển của toàn tỉnh.

(2) *Vùng kinh tế II:* Bao gồm huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo và huyện Mường Ảng phát huy lợi thế về giao thông đường thủy trên sông Nậm Mực và trục QL6 để phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa và công nghiệp chế biến lâm sản gắn với trồng rừng và phát triển ngành chăn nuôi.

(3) *Vùng kinh tế III:* Bao gồm thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà và huyện Nậm Pồ, phát huy lợi thế về sản xuất nông lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến gắn với thương mại – dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

**\*) 01 tiểu vùng:** Tiểu vùng I – Tp. Điện Biên Phủ: Thuộc Vùng kinh tế I. Là một đô thị nén và là đầu mối thương mại – dịch vụ.

#### ***\*) 04 trục phát triển kinh tế:***

1) *Trục kinh tế động lực gắn với QL279 và đường Cao tốc Sơn La – Điện Biên:* Là trục nối kết các trọng điểm đô thị, du lịch, dịch vụ, cửa khẩu, cảng hàng không của tỉnh với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Đông và Đông Nam (Lai Châu – Yên Bái – Lạng Sơn – Quảng Ninh...).

2) *Trục kinh tế phát triển dọc theo QL12* là trục kết nối thành phố Điện Biên Phủ với các vùng kinh tế trong tỉnh như (huyện Mường Chà, thị xã Mường Lay) và với tỉnh Lai Châu đến cửa khẩu Mù Là Thàng.

3) *Trục kinh tế phát triển dọc theo QL6* Là trục kết nối thị xã Mường Lay với khu vực huyện Tuần Giáo và các tỉnh phía Đông Nam như: Sơn La – Hòa Bình – Hà Nội.

4) *Trục kinh tế phát triển dọc theo QL4H* là trục kết nối nội tỉnh nằm trong vùng kinh tế 3 kết nối cửa khẩu ApaChải (huyện Mường Nhé) với huyện Mường Chà.

***\*) 04 cực tăng trưởng:***

- *Thành phố Điện Biên Phủ*: là đô thị trung tâm tỉnh, trung tâm hành chính chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của Tỉnh Điện. Đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc gắn với các dự án chiến lược tạo sự đột phá gồm: Xây dựng hình ảnh đô thị Văn hóa - lịch sử và du lịch; Khu vực trung tâm động lực; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viêng Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh

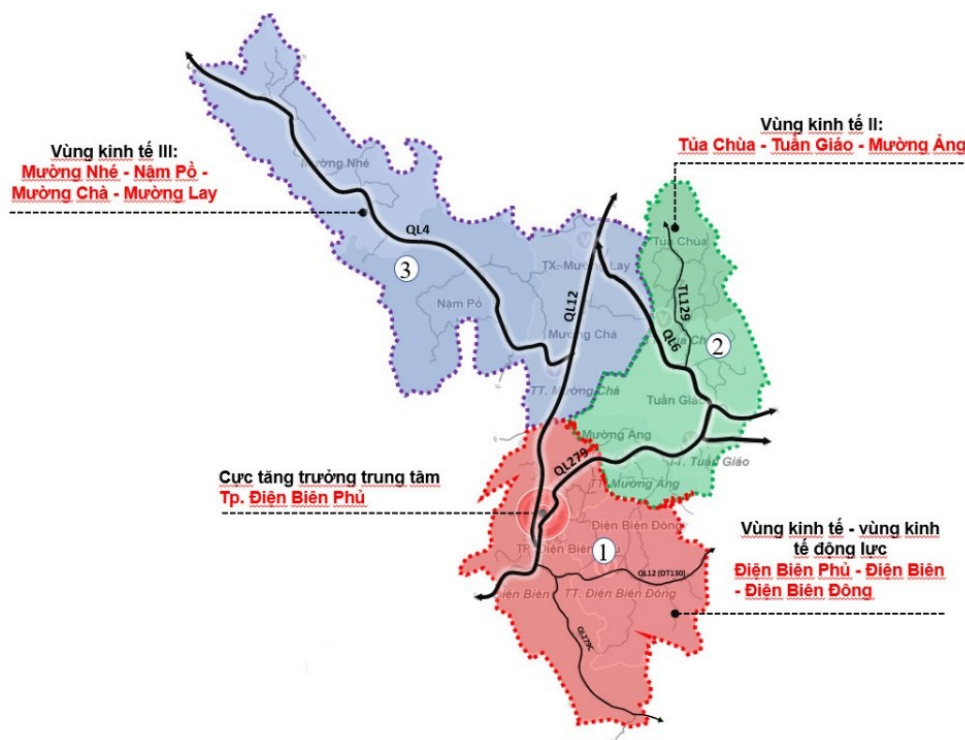
- *Thị xã Mường Lay*: phát triển Mường Lay thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh. Xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- *Thị trấn Tuần Giáo*: phát triển Tuần Giáo thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh. Phát triển, thu hút đầu tư xây dựng các CCN để thúc đẩy kinh tế của thị trấn cũng như vùng huyện Tuần Giáo. Đầu mối của các trục giao thông đối ngoại quan trọng QL6, QL279. Có tiềm năng về phát triển du lịch, sản xuất chế biến nông lâm sản, dịch vụ thương mại.

- *Thị trấn Mường Nhé*: là trung tâm vùng kinh tế số III, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái và đặc biệt là thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

Phát triển 04 cực tăng trưởng sẽ thu hút nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, tập trung phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp chế biến (chế biến nông, lâm sản) và dịch vụ,

tăng cường và tạo ra các liên kết phát triển mới với các tỉnh trong vùng cũng như với các tỉnh Bắc Lào và Tây Nam Trung Quốc nhằm đạt được tỷ lệ tăng trưởng cao.



Hình 2: Sơ đồ cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên

### 3.2. Cấu trúc không gian phát triển huyện Điện Biên Đông

#### 3.2.1. Tổ chức không gian:

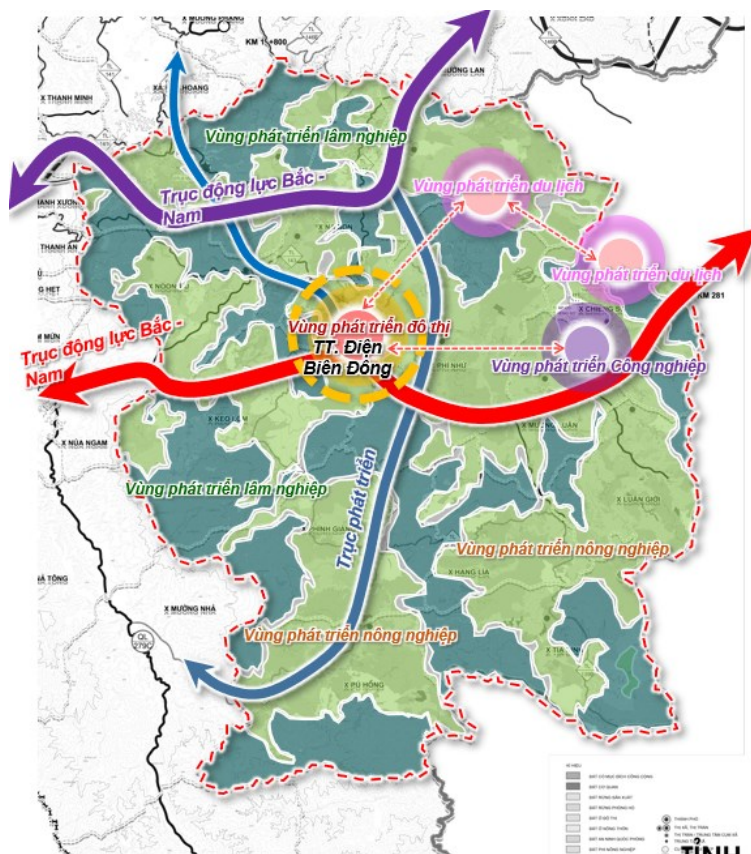
##### a. Các định hướng tổ chức không gian chính

- Vùng đất xây dựng huyện Điện Biên Đông có địa hình tương đối phức tạp và đa dạng. Ngoài vùng trung tâm thị trấn tương đối bằng phẳng - là một thung lũng được bao bọc bởi các dãy núi, các vùng đất xung quanh có cao độ cao thấp chênh lệch nhau khá lớn. Các quả đồi thuộc địa phận huyện hầu hết đều có độ dốc không thuận lợi cho xây dựng. Còn lại là vùng đất nông nghiệp tương đối bằng phẳng và một số vùng đất trũng nằm giữa các suối

- Địa hình này là lợi thế cho việc tổ chức không gian theo chiều đứng, các điểm nhấn, điểm nhìn tạo cảnh quan, và sự đa dạng của cấu trúc đô thị.

- Khai thác hệ thống mặt nước là suối, dòng chảy của suối uốn theo địa hình đã tạo nhiều điểm nhìn phong phú sinh động.

- Phía bắc Điện Biên Đông, bản Na Son có hồ với mặt nước khá rộng, xung quanh là đất trồng, khu vực này lại cách xa các trục đường giao thông chính vì vậy có môi trường trong lành và đặc biệt yên tĩnh .
- Hệ thống mặt nước trong thị trấn rất có giá trị về cảnh quan, khai thác du lịch sinh thái và điều hoà vi khí hậu.
- Cải tạo, chỉnh sửa hệ thống không gian trung tâm hành chính cấp huyện gắn kết với khu vực xung quanh, tạo thuận lợi cho sự quản lý và liên lạc, đáp ứng nhu cầu của người dân trong huyện.
- Đầu tư phát triển, khai thác các liên kết giao thông đô thị gắn với trục đường quốc lộ 6 và tỉnh lộ 279. Khai thác các tiềm năng sẵn có về du lịch, thương mại... của thị trấn.
- Tổ chức quỹ đất phát triển hiệu quả, tiết kiệm, tập trung tăng độ nén đô thị, kết hợp một phần mở rộng, đáp ứng phát triển các dịch vụ hạ tầng xã hội-kỹ thuật cho đô thị (*tận dụng các quỹ đất chưa sử dụng trong đô thị, ven suối, đồi, núi...*)
- Tạo lập hình ảnh mới cho đô thị với các khu vực không gian kiến trúc- cảnh quan sầm uất, hiện đại, hoàn chỉnh, kết hợp chỉnh trang khu đô thị cũ, tiếp cận với suối, núi đồi...để phát triển các dịch vụ cao cấp về thương mại, tài chính, du lịch, nhà ở... tăng sức hút của đô thị, hình thành hình ảnh đô thị đặc trưng miền núi Tây Bắc.



### *Định hướng phát triển các khu chức năng huyện Điện Biên Đông*

#### *b. Khung phát triển*

Hướng phát triển mở rộng đô thị

- Nguyên tắc lựa chọn:

+ Không gian đô thị được gắn kết hài hoà giữa khu đô thị cũ cải tạo với khu đô thị mới phát triển.

+ Xây dựng các khu trung tâm theo cấp (cấp định kỳ và cấp thường xuyên) để phục vụ nhu cầu người dân thành phố và vùng phụ cận.

+ Tận dụng điều kiện tự nhiên, tạo không gian cây xanh gắn với mặt nước thành hệ thống không gian mở liên hoàn vừa đảm bảo thoát nước vừa tạo môi trường cảnh quan và là khu vực vui chơi giải trí cho nhân dân đô thị.

+ Khu vực dân cư hiện trạng được cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật để tạo môi trường ở theo hướng văn minh.

+ Khu vực xây dựng mới có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ kiến trúc hiện đại, có môi trường cảnh quan đẹp.

### *3.2.2. Cấu trúc phát triển đô thị*

Bao gồm các khu chức năng chính như sau:

\* Hệ thống trung tâm:

- Trung tâm toàn đô thị (trung tâm thị trấn) bao gồm các công trình chủ yếu như khu hành chính chính trị huyện, trung tâm hành chính, của thị trấn khu thương mại dịch vụ, khu văn hoá TDTT, khu các văn phòng doanh nghiệp được bố trí xây dựng tại khu dân cư phía Bắc của thị trấn và cải tạo các công trình của trung tâm hành chính, chính trị của huyện trên cơ sở các công trình đã được xây dựng.

\* Khu trung tâm thương mại dịch vụ, du lịch và trung tâm cây xanh thể dục thể thao bố trí tập trung tại khu trung tâm của thị trấn và đồi Lâm Viên

\* Các khu ở:

- Các khu ở được tổ chức theo các loại hình:

+ Khu ở cải tạo.

+ Khu ở trục phố kết hợp dịch vụ.

+ Khu đô thị mới.

+ Khu ở kết hợp kinh tế trang trại

- Dân cư ở thị trấn được bố trí thành 2 khu:

+ Khu vực ven các trục đường chính vào thị trấn dự kiến bố trí đất ở cho các tổ dân phố thuộc khu vực Na Son

+ Khu vực dân cư phía Bắc thị trấn dự kiến bố trí đất ở cho các tổ dân phố trung tâm thị trấn.

Các khu sản xuất:

- Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung tại khu Lũng Bàng Chuộc

### *3.2.3. Định hướng các khu vực chính*

*a. Khu vực phát triển mới kết hợp bảo tồn cấu trúc hiện có:*

• Khu đồi quả phía Bắc

- Là khu vực đa chức năng, nhưng có hoạt động riêng biệt, vì vậy yêu cầu tổ chức không gian phải đẹp, hiện đại, thuận tiện cho hoạt động mang tính đặc thù. Trong khu vực này cần tổ chức được các trục đường vừa là trục cảnh quan vừa phục vụ hoạt



động. Các tuyến đường khu vực dẫn đến các khu chức năng khác nhau cần trồng cây xanh bóng mát có dáng đẹp, hoa đẹp.

Trong khu vực đồi quả phía Bắc này cần bố trí các vườn hoa, giải cây xanh gắn với đường giao thông và hệ thống mặt nước.

Hình thức công trình kiến trúc phải phù hợp với cảnh quan xung quanh và văn hóa các dân tộc, màu sắc hình khối công trình cần lưu ý tránh gây cảm giác nặng nề, và phù hợp với đặc thù khí hậu của miền Tây Bắc. Mật độ xây dựng khoảng 50 - 70%. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc công trình phải bố trí đi ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị để đảm bảo mỹ quan

- Khu đô thị

+ *Khu đô thị phía Bắc:*

Khu vực xây dựng đô thị nằm trong ranh giới 2 quả đồi phía sau trường TTGDTX và THCS của thị trấn. Khu vực này có cảnh quan thiên nhiên đẹp, phía Bắc và Đông là khu vực trồng nông nghiệp bằng phẳng, phía Nam nối liền với khu vực trung tâm thị trấn. Tuy nhiên khu vực này cũng chịu nhiều bất lợi như địa hình không bằng phẳng, cao độ và độ dốc lớn, phải san lấp, cải tạo địa hình nhiều. Vì vậy giải pháp xây dựng phải khắc phục được yếu tố bất lợi này, đồng thời khai thác được thế mạnh về nét đẹp của cảnh quan thiên nhiên để xây dựng đô thị có bản sắc riêng và phát triển bền vững.

Đô thị bao gồm nhiều khu chức năng: Khu dân cư xây dựng mới, khu công cộng, văn hoá thể thao, cây xanh công viên, trường học...để xây dựng trong một khu dân cư đặc trưng của miền núi Tây Bắc.

Khu trung tâm (đảo tròn) nên hình thành trục không gian chính khang trang, có dải cây xanh vườn hoa. Đây là bộ mặt kiến trúc chính của khu dân cư vì vậy phải bố trí công trình mang đặc trưng riêng, những công trình này cần hợp với nhau tạo sự liên kết với cảnh quan núi. Hình khối công trình nên theo dạng nhà sàn để không che chắn cảnh quan các dãy núi phía Nam đồng thời tỷ lệ chiếm đất ít và dễ xây dựng, ít phải san gạt, cải tạo địa hình. Tầng cao công trình không nên vượt quá 3 tầng. Hè lát trước các công trình nên dùng loại có màu sắc và vật liệu riêng không trùng với các khu vực khác và hài hòa với cảnh quan núi; Màu sắc công trình phải hài hoà với cảnh quan

chung, có thể chọn một số công, văn hoá, công cộng là công trình tạo điểm nhấn kiến trúc của trục trung tâm, những công trình này nên sử dụng màu sắc nổi bật; Tổng thể trục trung tâm phải mang dấu ấn riêng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tạo được nhiều điểm nhìn tốt từ các khu chức năng khác đến vườn hoa và ngược lại.

+ Khu dân cư phía bản Na Son: Đây là khu đô thị kết hợp giữa xây dựng mới và cải tạo khu dân cư hiện có.

Ý tưởng tổ chức không gian là: khu công viên trung tâm, trường mầm non, tiểu học, nhà sàn các dân tộc.... tạo thành bản sắc của thôn bản các dân tộc thiểu số vùng núi phía Tây Bắc. Duy trì một số mặt nước hiện trạng và mở rộng để tạo không gian mở, xung quanh trồng cây xanh công viên làm nơi vui chơi giải trí đồng thời góp phần cải tạo vi khí hậu và thoát nước cho khu vực.

+ Bố cục các khu chức năng cho từng đơn vị ở của đô thị nên lưu ý: Trung tâm công cộng đơn vị ở tổ chức gắn với trục giao thông liên khu vực hoặc khu vực nằm ở vị trí cửa ngõ các đơn vị ở. Trục đường liên khu vực dẫn đến các trung tâm đơn vị ở cần có thiết kế đặc biệt như lưu ý về chủng loại cây trồng, vật liệu lát vỉa hè, đèn chiếu sáng.

Cần tạo các không gian mở bằng việc tổ chức không gian xanh, mặt nước, khu văn hoá thể thao có vườn hoa nhỏ để phục vụ đời sống tinh thần cho dân cư đô thị, những khu vực này cần bố trí liên hệ trực tiếp với các nhóm nhà ở, các công trình phúc lợi công cộng như: trường học, nhà văn hoá...

Đọc các tuyến đường chính xây dựng các công trình có chức năng sử dụng tổng hợp (nhà ở kết hợp với cửa hàng dịch vụ thương mại). Khoảng cách giữa các công trình cao tầng được thiết kế đảm bảo thông thoáng, diện đổ bóng nhiều nhất để tạo không gian mát cho mùa hè.

#### *b. Trục không gian kiến trúc chủ đạo của đô thị*

Đây là các trục giao thông quan trọng của đô thị vì vậy công trình tạo dựng hình ảnh đô thị sẽ được tập trung chủ yếu trên các tuyến đường này. Kiến trúc công trình hai bên cần không chế tầng cao nhỏ hơn 4 tầng.

Để không gian trục đường không bị khô cứng bởi các dãy nhà liền kề, cần thiết tạo ra chỉ giới xây dựng mềm mại dọc hai bên; tại khoảng lùi của công trình tổ chức

các vườn hoa, cụm cây xanh... tạo không gian mở vừa thông thoáng tầm nhìn vừa tạo cảnh quan, giảm tiếng ồn, bụi của các hoạt động trên đường phố.

Hình thức kiến trúc hai bên đường được xây dựng hài hoà, hình thành các đoạn phố đồng nhất về tầng cao, kiểu dáng kiến trúc và màu sắc để tạo mỹ quan đô thị. Các trục phố chính có kết hợp hoạt động thương mại cần quy định cụ thể độ cao đặt biển quảng cáo, kích thước các biển quảng cáo mang tính thống nhất.

Trên các trục đường chính tại trung tâm thị trấn cũng cần thiết kế đường cho người tàn tật, dải cây xanh chống ô nhiễm tiếng ồn, bụi; vật liệu lát hè đường, hình thức bó vỉa và các giải pháp hạn chế tai nạn giao thông.

Các thiết kế đô thị cục bộ cần quan tâm đến việc tổ chức các chủng loại cây trồng dọc đường, đèn chiếu sáng, biển báo dẫn hướng, tuyến hành lang dành riêng cho người tàn tật, người đi bộ; màu sắc, hình khối công trình; hình thức hàng rào...

Nút giao thông được bố trí hoàn chỉnh theo đúng tiêu chuẩn quy phạm đồng thời phải tăng tính thẩm mỹ cao.

#### *c. Khu vực bảo tồn và tôn tạo cảnh quan*

- *Vùng cảnh quan núi:*

Tăng cường trồng cây xanh phòng hộ, phát triển lâm nghiệp và để tôn tạo cảnh quan. Tại một số khu vực có địa hình thuận lợi, tầm nhìn đẹp, có thể xây dựng các cụm du lịch sinh thái nhỏ như các điểm dừng chân ngắm cảnh... Hình thức kiến trúc công trình nhỏ, chủ yếu 1 tầng sử dụng vật liệu tự nhiên (gỗ, lá, tre, hoặc vật liệu giả tự nhiên. Đường leo núi nên là đường đất để hài hòa với cảnh quan xung quanh. Điểm dừng chân ngắm cảnh nên bố trí tại khu vực có tầm nhìn tốt có thể ngắm được toàn cảnh thị trấn, ngắm được những khu vực có cảnh quan đẹp.

Riêng khu vực đồi quả phía sau khu DTNTDN sẽ xây dựng thành vườn hoa, với tượng đài là điểm nhấn của thị trấn. Đây là khu vực có tầm nhìn tốt, có khả năng bao quát toàn bộ thị trấn. Đồi cũng có độ cao ko quá lớn, độ dốc đạt yêu cầu để xây dựng. Bậc leo lên đồi nên dùng đá hoặc bê tông giả gỗ để hài hòa với thiên nhiên.

- *Vùng cảnh quan ven suối*

Dọc suối tại khu vực trung tâm thị trấn và khu vực ao hồ trũng trong bản Na Son sẽ xây dựng 2 khu công viên công cộng sinh thái lớn để phục vụ vui chơi giải trí.

Công trình trong công viên có quy mô nhỏ, màu sắc hài hoà với cây xanh, mặt nước. Nên sử dụng vật liệu tự nhiên. Mật độ xây dựng thấp từ 3-5%. Mở rộng mặt nước tự nhiên tại một số khu vực để tạo cảnh quan vừa là khu vực mặt nước điều hoà vừa là khu vực chứa nước khi mùa mưa tới, vừa phục vụ vui chơi giải trí. Xung quanh trồng cỏ để tạo sự mềm mại, hài hoà với cảnh quan ven suối và vùng sinh thái. Công trình kiến trúc nhỏ gồm ghế ngồi, chòi nghỉ, kiến trúc trang trí, ...một số cầu cảnh quan qua suối nối kết hoạt động hai bên (hình thức kiến trúc của cầu nên thiết kế đa dạng không lặp lại).

- *Khu vực Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ thị trấn Điện Biên Đông và một số di tích khác:*

Trồng cây xanh tôn tạo cảnh quan các dãy núi và mọi vấn đề phát triển xây dựng xung quanh khu vực phải tuân thủ quy định về ranh giới bảo tồn di tích cấp quốc gia đã được xác định; Trồng cây xanh, xây dựng những công trình kiến trúc nhỏ để tạo cảnh quan cho khu vực này.

Với các công trình tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh khác trong thị trấn Điện Biên Đông đều phải được duy trì, tôn tạo và bảo vệ, tuân thủ các quy định về bảo tồn công trình di tích theo từng cấp đã được xác định.

#### *Khu vực ổn định và bảo tồn cấu trúc quy hoạch*

Khu dân cư hiện trạng đô thị hoá; Giữ ổn định cấu trúc quy hoạch, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, môi trường ở đô thị, hướng dẫn và quản lý xây dựng. Hình thức kiến trúc công trình nên sáng màu, mái ngói phù hợp với khí hậu và cảnh quan thiên nhiên khu vực miền núi phía Bắc.

Khu làng xóm nông nghiệp được cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mở rộng đường giao thông chính. Tôn tạo cảnh quan làng xóm, xây dựng vườn hoa cây xanh, khu vui chơi giải trí, ..... Xây dựng cổng vào mỗi làng, bản mang hình thức kiến trúc dân tộc.

#### *d. Trục không gian chính đô thị cải tạo chỉnh trang*

Đây là những trục đường đã hình thành từ lâu vì vậy 2 bên đường tại một số khu vực công trình đã được xây dựng nhưng chủ yếu là nhà ở dân tự xây dựng theo

kiểu lô phố và nhà vườn, diện tích chiếm đất lớn, một số vẫn là nhà ở nông thôn, kiến trúc cảnh quan chưa đẹp. Cần thiết tạo diện mạo kiến trúc mới dọc trục đường.

Trục đường này sẽ được cải tạo mở rộng mặt cắt, khuyến khích xây dựng không gian xanh bên cạnh trục đường.

Đối với khu vực xây dựng công trình công cộng, trụ sở cơ quan, khuyến khích xây dựng có khoảng lùi lớn phía trước công trình để tổ chức quảng trường, trồng cây xanh và sân dành cho người đi bộ.

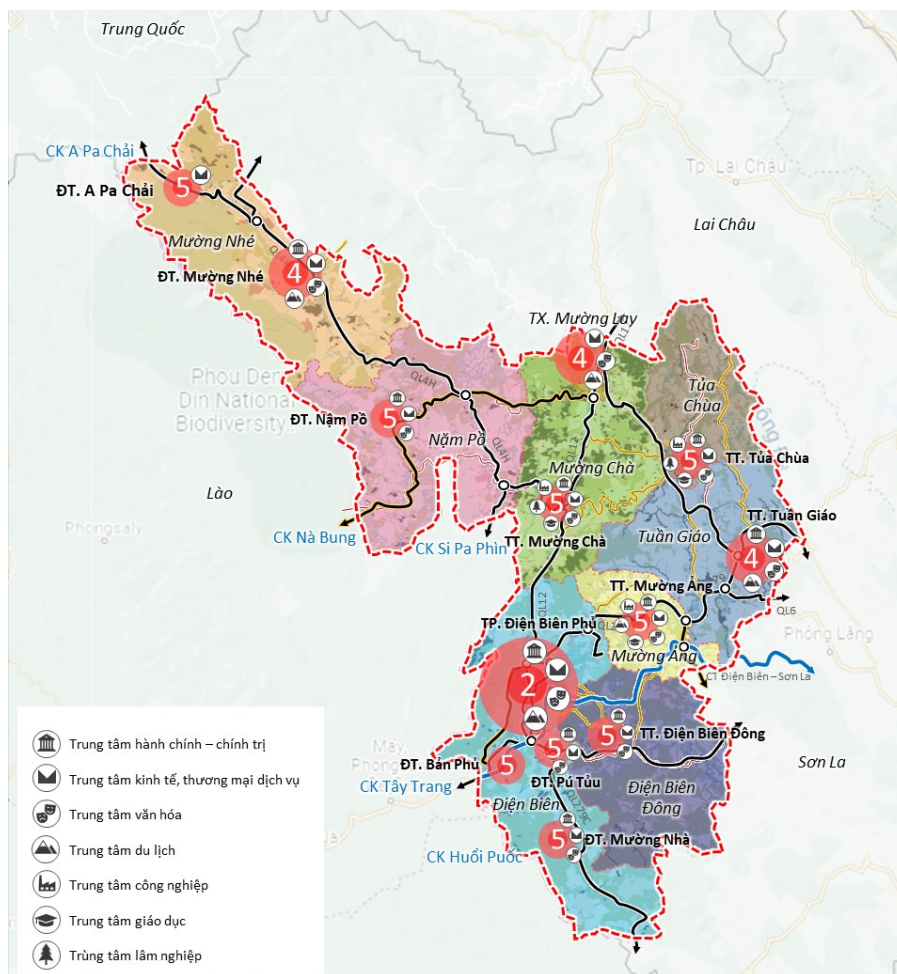
Đoạn đường từ trung tâm thị trấn hiện tại đi tới bản Na Son và khu đô thị phía Bắc, khu dân cư nông thôn cần xây dựng tuyến đường có dải cây xanh, nên trồng kết hợp cây trồng ôn với cây tạo cảnh quan.

*e. Các điểm cảnh quan quan trọng cần bảo tồn tôn tạo*

Là các công trình di tích lịch sử - tôn giáo. Vành đai bảo vệ công trình tuân thủ quy định của Bộ Văn hoá Thông tin. Xung quanh di tích chủ yếu tôn tạo cảnh quan trồng cây xanh, tổ chức đường giao thông, chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

**3.3. Định hướng không gian phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn**

**3.3.1. Hệ thống đô thị**



Hình 3: Định hướng phát triển hệ thống đô thị Tỉnh Điện Biên

STT	Huyện, TP	Đô thị	2020		2025		2030	
			Dân số đô thị	Cấp hạng đô thị	Dân số thành thị	Cấp hạng đô thị	Dân số thành thị	Cấp hạng đô thị
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Thành phố Điện Biên Phủ	55.061	III	77.226	III	108.277	II
2	Thị Xã Mường Lay	Thị Xã Mường Lay	6.185	V	12.494	IV	25.251	IV
3	Huyện Mường Nhé	Đô thị Apachải		-	2.000	-	2.102	V
4		TT Mường nhé	11.225	-	16.879	V	25.412	IV

5	Huyện Mường Chà	TT Mường Chà	4.232	V	4.774	V	5.415	V
6	Huyện Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	7.900	V	8.863	V	9.985	V
7	Huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	8.225	V	14.495	IV	25.554	IV
8	Huyện Điện Biên	Đô thị Mường Nhà		-	4.000	-	4.267	V
9		Đô thị Bản Phủ		-	8.500	V	9.067	V
10		TT Pú Tũn	7.585	-	8.091	V	8.640	V
11	Huyện Điện Biên Đông	TT Biên Đông	3.530	V	3.959	V	4.486	V
12	Huyện Mường Ảng	TT Mường Ảng	5.431	V	5.838	V	6.234	V
13	Huyện Nậm Pồ	TT Nậm Pồ (Nà Hỳ)	4.823	-	5.432	V	6.081	V
	<b>Tổng</b>		<b>90.564</b>		<b>172.551</b>		<b>240.771</b>	

Địa bàn huyện hiện có 1 đô thị loại V, đó là Thị trấn Điện Biên Đông, tiềm năng đất đai để phát triển mở rộng, xây mới đô thị của huyện còn rất lớn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quỹ đất, tiềm lực, thế mạnh của huyện, đối chiếu so sánh với các tiêu chí về mức độ thuận lợi, không thuận lợi cho thấy tiềm năng đất đai thích hợp để xây dựng, mở rộng và phát triển hệ thống đô thị của huyện như:

- Thị trấn Điện Biên Đông: Là đô thị giữ vai trò trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật và dịch vụ du lịch của huyện; có vị trí quốc phòng an ninh quan trọng, hiện là đô thị loại V. Tiếp tục xây dựng, mở rộng thị trấn theo phân khu chức năng và xây dựng các khu du lịch sinh thái. Gắn kết hài hòa giữa phát triển

- Trung tâm cụm xã là những hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và duy trì các mối quan hệ tương hỗ giữa Thị trấn và các xã trong huyện, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới hướng tới xây dựng thị tứ tại cụm xã Mùòng Luân.

[illegible]

72



- ***Đô thị Điện Biên Đông***

Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2030: đô thị loại V.

Dân số đô thị: Năm 2025 là 3.959 người; năm 2030 là 4.486 người.

Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội, có vị trí địa lý thuận lợi để giao lưu với các vùng khác trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Định hướng phát triển không gian:

+ Khai thác quy đất hiện có tại khu trung tâm thị trấn Điện Biên Đông, tăng hệ số sử dụng đất, tận dụng mặt bằng quỹ đất, cơ sở vật chất của các công trình công cộng hiện có đảm bảo tính kế thừa của quy hoạch cũ và phù hợp với khu chức năng. Cải tạo quỹ đất đô thị hiện có của thị trấn.

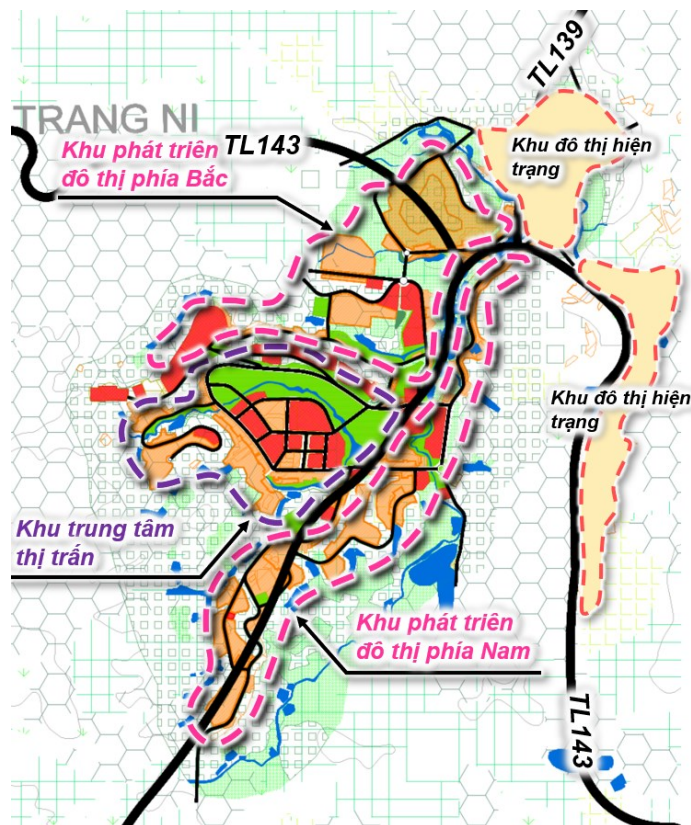
+ Tổ chức cho các không gian chính đô thị bao gồm: Không gian các khu trung tâm, khu vực trọng tâm, các điểm nhấn đô thị; Không gian các trục phố chính; Không gian các đơn vị ở; Không gian cây xanh, thể dục thể thao.

***Khu trung tâm Cụm xã Mường Luân***

Quy mô nghiên cứu quy hoạch dự kiến khoảng 100 ha; phát triển dân cư khu vực Trung tâm xã Mường Luân thành Th Tứ/Thị Trấn và đạt chuẩn đô thị loại V, cấp huyện.

***Khu trung tâm xã Na Son, Nong U, Pu Nhi, Luân Giới, Keo Lô, Pú Hồng, Phình Giàng, Háng Lìa, Phì Nhừ, Xa Dung, Chiềng Sơ, Tà Đình:***

Quy mô nghiên cứu quy hoạch dự kiến khoảng 100 ha; Phát triển trung tâm xã hỗn hợp mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, Quy hoạch các công trình công cộng cấp xã được bố trí tại khu trung tâm xã như văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm..., tạo môi trường thu hút nguồn vốn đầu tư.



Hình 5: Định hướng phát triển thị trấn Điện Biên Đông

Hướng Phát triển dọc theo hướng Bắc – Nam và bám dọc theo hai bên suối Nậm Pồ. Tập trung xây dựng khu dân cư mới vào bờ Đông khu vực phía Nam có Quỹ đất thoải không bị ảnh hưởng thiên tai môi trường.

Phía Bắc của thị trấn là nơi tập trung các công trình hành chính, các sở và cơ quan các ban ngành của huyện, hệ thống trường học các cấp cũng được bố trí ở đây.

Lấy QL12D và TL145 là trục phát triển chính của đô thị

Lấy dòng suối Nậm Pồ làm trục cảnh quan xanh của đô thị

Khu kinh doanh sản xuất phi nông nghiệp được bố trí phía Nam thị trấn.

### 3.3.2. Khu dân cư nông thôn

Định hướng phát triển khu vực nông thôn theo các mô hình nông thôn mới như sau:

#### a. Mô hình cụm đổi mới

Được hình thành nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa chất lượng cao. Bán kính phục vụ 2 - 3km. 1 huyện hình thành 1 -2 cụm đổi

mới. Về vị trí, cụm đổi mới được tổ chức gắn với trung tâm huyện lỵ hoặc trung tâm tiểu vùng trong huyện và nằm trên trục giao thông chính của vùng để thuận tiện liên hệ với bên ngoài huyện.

*b. Mô hình làng nghề truyền thống*

Các làng nghề truyền thống: Bảo tồn, không phát triển dân cư mới, nâng cấp điều kiện hạ tầng (giao thông, thoát nước, ...). Tách các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm khỏi khu ở, ra khu sản xuất tập trung.

Hình thành khu vực quảng bá sản phẩm kết hợp du lịch sinh thái.

Hình thành các khu ở mới cho các làng nghề (đơn lẻ) hoặc cho cụm làng nghề. Quy mô lô đất 150-200 m<sup>2</sup>/hộ.

*c. Mô hình làng chăn nuôi*

Áp dụng mô hình VAC trong sản xuất kinh tế hộ gia đình.

Hình thức canh tác theo kiểu trang trại đang có chiều hướng phát triển. Quy mô trang trại phổ biến 0,3-0,5 ha/hộ. Những khu sản xuất tập trung khoảng 35-40 ha. Các trang trại nằm ngoài khu vực thôn xóm.

*d. Mô hình làng trồng rau an toàn*

Các xã trồng rau tập trung nên bố trí 1 điểm hỗ trợ sản xuất với chức năng chính là dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo quản sau thu hoạch. Quy mô khoảng 1-2 ha. Vị trí được tổ chức gắn liền với một trong các trung tâm xã trong cụm.

- Sản xuất trồng rau được phát triển theo mô hình trang trại rau an toàn, được bố trí tập trung xung quanh khu ở hiện có.

- Đối với xã có cảnh quan đẹp có thể hình thành điểm du lịch sinh thái gắn kết với khu vực trang trại trồng rau tập trung nhằm phát triển dịch vụ du lịch trong xã.

- Dân cư phát triển mới được bố trí tập trung chủ yếu vào điểm dân cư trung tâm xã theo dạng hộ phi nông nghiệp. Bình quân khoảng 150m<sup>2</sup>/hộ.

**3.4. Định hướng không gian phát triển công nghiệp**

*3.4.1. Quan điểm phát triển*

- Phát triển công nghiệp-TTCN của địa phương phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế của tỉnh; Quy hoạch công nghiệp của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước; liên kết giữa các vùng kinh tế, các địa phương; thu hút và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, liên kết đầu tư để phát triển công nghiệp-TTCN.

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương đảm bảo hiệu quả, bền vững, làm nền tảng phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác; sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và đảm bảo các yêu cầu về môi trường; tiếp tục giảm dần và phát triển hợp lý ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (đặc biệt là chế biến nông, lâm sản).

- Tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng và lợi thế của địa phương. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, vật liệu xây dựng, sản xuất cơ khí trong giai đoạn trước mắt tiến tới sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp và các sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao trong giai đoạn sau;

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế dân doanh và đầu tư nước ngoài;

- Phát triển công nghiệp theo hướng cơ cấu lại các ngành sản xuất gắn với đẩy mạnh chuyển dịch tăng tỷ trọng các ngành có kỹ thuật, công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách và ít gây ô nhiễm môi trường. Kết hợp hài hòa giữa phát triển theo rộng và chiều sâu, chủ động liên doanh, liên kết với các tập đoàn đa quốc gia để từng bước tham gia vào trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu;

- Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị, từng bước hình thành các cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ, tạo ra trung tâm kinh tế có sức lan tỏa và là động lực phát triển kinh tế của khu vực; củng cố, mở rộng các làng nghề truyền thống và phát triển nghề, làng nghề mới, tạo thêm việc làm cho người lao động;

- Phát triển công nghiệp gắn với phát triển bền vững, không thu hút đầu tư bằng mọi giá. Đồng thời luôn dành quỹ đất cho phát triển giai đoạn tiếp theo và đón những dự án lớn, công nghệ hiện đại góp phần tích cực vào chuyển đổi cơ cấu công nghiệp.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp gắn với với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển du lịch, thương mại, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn;

#### *3.4.2. Phương hướng phát triển*

\* Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Phát triển ngành khai thác khoáng sản đáp ứng nhu cầu phát triển ngành chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD và các ngành công nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến khoáng sản nhằm nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản, tiết kiệm tài nguyên, hợp lý và hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước.

Nâng cao tính tập trung công nghiệp, tạo điều kiện hình thành một số vùng khai thác và chế biến khoáng sản với giá thành thấp.

Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế tài nguyên khoáng sản để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, đầu tư khai thác và chế biến có hiệu quả.

\* Chế biến nông sản, thực phẩm:

Tiếp tục đầu tư, phát triển ngành chế biến nông sản, thực phẩm dựa trên những tiềm năng lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp như gạo, cà phê, chè, sắn... Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm trên cơ sở gắn với quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu.

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm trên cơ sở gắn với quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu như vùng sản xuất sắn. Phát triển các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản theo chu trình nông nghiệp an toàn GAP, từng bước hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ tiêu tiêu nội địa và xuất khẩu.

Khuyến khích sắp xếp các hộ chế biến từng bước chuyển thành một số cơ sở chế biến tập trung để giải quyết việc xử lý môi trường và tăng chất lượng sản phẩm. Gia tăng các sản phẩm chế biến từ nông sản, thực phẩm để nâng cao giá trị của ngành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và phục vụ du lịch, tạo điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

Từng bước sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Phát triển trên cơ sở gắn với liên kết chặt chẽ về lợi ích giữa ngành công nghiệp chế biến và người sản xuất nguyên liệu.

Với một số ngành/sản phẩm chế biến nông sản thực phẩm chủ yếu:

- Chế biến chè: Tăng cường đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè, nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có sức cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo VSATTP và thân thiện môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè.

Đầu tư nâng cấp một số xưởng chế biến có quy mô bán công nghiệp với công suất phù hợp tại các vùng chè có sản lượng ít để thu mua, sơ chế tại chỗ đảm bảo chất lượng chè chế biến.

Chế biến cà phê: Khuyến khích đầu tư và xây dựng các cơ sở chế biến quy mô phù hợp công nghệ tiên tiến trên địa bàn huyện nhằm phục vụ nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu tại địa phương.

Chế biến, xay xát gạo, ngô: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, chế biến các sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng, khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài để phát triển, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở nông sản sấy khô với quy mô thích hợp tại các vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của đại phương.

Chế biến thực phẩm: Việc quy hoạch và đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và các cơ sở chế biến thực phẩm từ sản phẩm chăn nuôi là phù hợp và rất cần

thiết. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và phát triển cơ sở nấu rượu đặc sản từ nguyên liệu gạo, ngô, các sản phẩm rượu chế biến khác như rượu táo mèo, rượu sâu chít, rượu thuốc của các dân tộc trên địa bàn...đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng góp phần làm đa dạng hoá các sản phẩm thương mại, du lịch trên địa bàn tỉnh.

Chế biến thức ăn chăn nuôi: Với sản lượng lương thực (gạo, ngô) có được hàng năm trên địa bàn tỉnh và để giảm chi phí vận chuyển thì việc hình thành các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản có quy mô vừa và nhỏ nhằm phân đầu đáp ứng từ 70-80% nhu cầu thức ăn chăn nuôi.

\* Chế biến lâm sản: Cùng với việc Nhà nước đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ tham gia trồng rừng kinh tế, phát triển vùng nguyên liệu tại tỉnh và các địa phương khác để trồng rừng nguyên liệu phục vụ ngành chế biến gỗ. Phương hướng phát triển ngành chế biến gỗ trên địa bàn huyện trong các giai đoạn tới là phát triển tập trung vào các mặt hàng, sản phẩm như: đồ gỗ ngoài trời, đồ gỗ nội thất, gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, (cầu thang, các loại cửa, ván sàn, tủ bếp); sản xuất các loại ván nhân tạo... Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến hạt mắc ca gắn với vùng nguyên liệu, phát triển sản phẩm OCOP cho sản phẩm mắc ca của địa phương.

#### \* Sản xuất VLXD

Tiếp tục phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng dựa trên lợi thế về khoáng sản của huyện. Các khoáng sản làm VLXD trên địa bàn có: sét gạch ngói, sét xi măng, đá vôi xi măng, đá cuội sỏi, đá ốp lát, đá trắng, đá hoa, đá lọc, đá xây dựng thông thường. Phát triển công nghiệp VLXD phải đảm bảo tính bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, du lịch và an ninh quốc phòng; kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Phát triển VLXD trên cơ sở khai thác có hiệu quả lực lượng lao động tại chỗ. Phân đầu phát huy tối đa công suất nhà máy xi măng Điện Biên, coi đây là sản phẩm quan trọng trong công nghiệp sản xuất VLXD của tỉnh; khuyến khích và chú trọng phát triển các chủng loại vật liệu sau xi măng, vật liệu mới, sản phẩm tấm lọc... đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Phát triển đa dạng các chủng loại VLXD như xi

măng, vật liệu xây, vật liệu lợp, vật liệu trang trí, hoàn thiện... phục vụ nhu cầu xây dựng trong tỉnh, mở rộng cung cấp cho một số tỉnh lân cận và một số tỉnh phía Bắc Lào.

**\* Thủy điện và năng lượng tái tạo khác**

Tiếp tục vận hành khai thác có hiệu quả các nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án thủy điện đã khởi công xây dựng; Hoàn thiện các thủ tục, dự án đầu tư để khởi công xây dựng các nhà máy thủy điện đã cho chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư. Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án thủy điện đã được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh; các dự án nguồn năng lượng tái tạo khác như điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió...

**\* Sản xuất hàng hóa tiêu dùng định hướng xuất khẩu**

Phát triển ngành sản xuất hàng tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nguồn lao động tại chỗ, đặc biệt là lao động nông thôn trong lĩnh vực thủ công nghiệp và làng nghề. Phát triển nhân rộng các ngành nghề đã có và tạo thêm các ngành nghề mới.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp; dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu may mặc, giày dép liên kết từ khâu sản xuất nguyên phụ liệu, thiết kế mẫu mã, đến hoàn chỉnh sản phẩm. Nâng cao năng lực hiện có, từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

**3.4.3. Định hướng không gian phát triển công nghiệp**

Bố trí hợp lý các vùng công nghiệp trên cơ sở gắn kết vùng nguyên liệu trọng điểm, phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội. Ngoài ra phát triển cụm công nghiệp gắn với khu dân cư tập trung, nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho lao động trong khu vực.

**3.4.4. Phương án phân bố không gian ngành công nghiệp**

Định hướng cụm công nghiệp hình thành mới nhằm định hướng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hướng xuất khẩu và công nghiệp phụ trợ kết nối chuỗi sản xuất với các địa phương lân cận cho giai đoạn tới, theo định hướng phát triển ngành công nghiệp, cụ thể:



Phát triển cụm Ba Luân cho giai đoạn 2026-2030 tại xã Mường Luân – Chiềng Sơ với ngành nghề đặc trưng là chế biến nông lâm sản, cơ khí tiêu dùng, dịch vụ nông nghiệp. Dự kiến có diện tích khoảng 10 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 50%, tạo ra dự kiến được 473 việc làm.

### ***3.5. Định hướng không gian phát triển nông-lâm nghiệp thủy sản***

#### ***3.5.1. Quan điểm phát triển***

Phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên phát triển chuỗi giá trị các ngành hàng có lợi thế; đặc biệt là các sản phẩm bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP,... phù hợp với cơ chế thị trường và điều kiện của từng địa phương, để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới quan hệ sản xuất làm động lực cho tăng trưởng, tăng thu nhập, tạo tích lũy, phát triển nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người nông dân. Lấy liên kết sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ tiêu thụ nông sản làm trung tâm của quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng.

Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng phải gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Thông qua các giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ tăng trưởng xanh cho từng lĩnh vực tại địa phương

Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

### *3.5.2. Định hướng phát triển*

#### *a. Vùng phát triển nông nghiệp*

##### **Trồng trọt**

Xây dựng chính sách bảo đảm an ninh lương thực trong tình hình mới; Bảo tồn, phát triển các giống lúa đặc sản địa phương; Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt diện tích đất sản xuất lúa nước hiện có

Tăng cường khai hoang, mở rộng diện tích lúa nước ở những khu vực được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; triển khai thực hiện đồn điền, đôi thửa, chỉnh trang thiết kế đồng ruộng; giảm dần diện tích lúa nương để chuyển sang trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng cây thức ăn chăn nuôi; ... Ổn định diện tích trồng ngô và thực hiện thâm canh để đảm bảo an ninh lương thực và phát triển chăn nuôi.

Tập trung chuyển đổi mạnh đất trồng lúa hiệu quả thấp sang phát triển các cây rau màu, cây thức ăn chăn nuôi, cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị cao hơn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, áp dụng mô hình công nghệ cao trong vùng sản xuất cây hàng năm, cải tạo vườn tạp tăng giá trị kinh tế vườn hộ

Ổn định, nâng cao chất lượng đối với diện tích cây ăn quả hiện có; mở rộng diện tích tại các khu vực có đất đai, tiểu vùng phù hợp, tăng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống sâu, bệnh; chú trọng các khâu công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch; tạo sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu sử dụng trong tỉnh, trên cả nước và định hướng xuất khẩu; đồng thời phát triển thành vùng nguyên liệu liên kết với các nhà máy chế biến. Phát triển nhanh diện tích trồng cây mắc ca trên địa bàn tỉnh theo các dự án được phê duyệt, gắn với xây dựng nhà máy chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường thực hiện rà soát, xác định quỹ đất phù hợp để cho doanh nghiệp thuê đất trồng mắc ca.

Tiếp tục vận động, tuyên truyền Nhân dân phối hợp với các nhà đầu tư phát triển, mở rộng diện tích trồng cây Mắc ca trên địa bàn.

Phát triển các sản phẩm OCOP (Lạc đỏ Na Son, Bí xanh Tia Đình, Khoai sọ Phi Nhừ..) gắn sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị để trở thành thương hiệu trên thị trường.

### **Chăn nuôi**

Tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế của huyện như: Trâu, bò, dê, lợn, lợn rừng lai, vịt bầu địa phương, gà thả đồi...đẩy mạnh chuyển đổi phương thức chăn nuôi, trồng cỏ, chế biến thức ăn chăn nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hướng đến xây dựng chỉ dẫn địa lý để quản lý và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung quy mô theo hướng liên kết sản xuất, đảm bảo đầu vào, đầu ra cho sản phẩm; từng bước giảm dần quy mô chăn nuôi nông hộ để kiểm soát chất lượng, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường hướng đến chăn nuôi bền vững. Khuyến khích, đẩy mạnh việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, chuỗi liên kết trong chăn nuôi. Thực hiện phòng ngừa, giám sát và kiểm soát tốt môi trường và dịch, bệnh trong chăn nuôi.

Phát triển chăn nuôi Trâu, Bò theo hướng trang trại, tập trung.

Đầu tư nhà xưởng giết, mổ chế biến và bảo quản thịt bò thương hiệu Điện Biên Đông tại khu vực Sam Măn, xã Keo Lôm.

#### **b. Vùng sản xuất lâm nghiệp**

### **Rừng phòng hộ**

Trên cơ sở rà soát, quy hoạch ổn định, điều chỉnh sắp xếp lại 3 loại rừng, hoàn thiện hệ thống rừng phòng hộ, khoanh nuôi, trồng mới rừng phòng hộ từ việc khai thác đất chưa sử dụng, môi trường, cảnh quan cho các khu du lịch trên địa bàn huyện; du lịch cộng đồng và các sản phẩm du lịch bản sắc; nhu cầu chuyển đổi cơ cấu giữa các loại đất nông nghiệp và chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp; cân đối, tính toán quỹ đất rừng phòng hộ đảm bảo đến năm 2030 diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện là 32.731 ha

### **Rừng sản xuất**

Đất rừng sản xuất phát triển chủ yếu theo hướng kết hợp sản xuất nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các dịch vụ môi trường khác. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng, gắn trách nhiệm của các chủ rừng, các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ rừng với công tác quản lý, bảo vệ rừng

Đẩy mạnh phát triển cây Mắc ca theo dự án của các doanh nghiệp đầu tư gắn với xây dựng nhà máy chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường thực hiện rà soát, xác định quỹ đất phù hợp để cho doanh nghiệp thuê đất trồng mắc ca.

#### c. Thủy sản

Tận dụng tối đa các loại hình mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn sản xuất với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi và an sinh xã hội. Cải tiến hệ thống tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, chuyển dần từ phương thức nuôi quảng canh, quy mô nhỏ lẻ sang phương thức nuôi thâm canh, hình thành các trang trại, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản và thành lập các tổ hợp tác tham gia liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### *3.5.3. Phương án phân bổ không gian ngành Nông – lâm nghiệp, thủy sản*

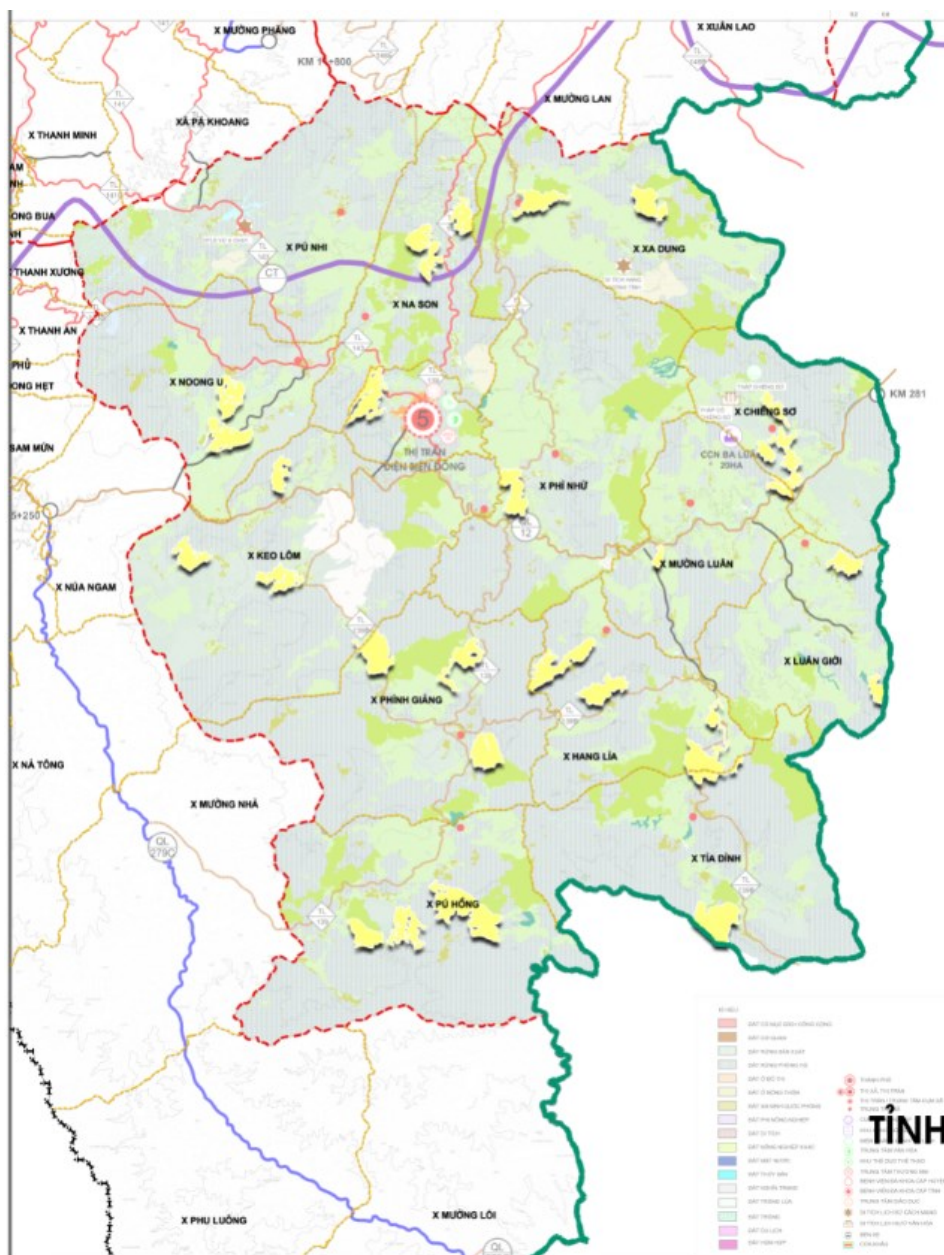
#### *a. Vùng sản xuất nông nghiệp*

##### **Trồng trọt**

Tiến hành song song việc đưa các giống mới vào sản xuất và bảo tồn giống địa phương, ứng dụng công nghệ theo quy trình VietGap, ứng dụng công nghệ trong chăm sóc cây trồng, tạo tán cây, tưới tiết kiệm, sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý đất và phòng trừ sâu bệnh, sơ chế, bảo quản.

Định hướng phát triển vùng trồng lúa tập trung: đến Đến năm 2030 toàn huyện có 19.022 ha, trong đó có 1.708 ha đất chuyên trồng lúa nước, tăng 514 ha so với năm 2020. Đối với lúa ruộng định hướng phát triển theo chuỗi liên kết giá trị gắn với bảo vệ môi trường, đối với lúa nương định hướng phát triển theo hình thức nông lâm kết hợp gắn phát triển với bảo vệ môi trường; Trong đó lúa ruộng: tập trung chủ yếu ở các

Định hướng phát triển vùng trồng ngô theo chuỗi liên kết giá trị gắn với bảo vệ môi trường; Ngô: tập trung chủ yếu ở các xã Phì Nhừ, Xa Dung, Háng Lìa, Luân Giới, Tà Đình, Chiềng Sơ, Keo Lôm, Pu Nhi, Pú Hồng, Na Son, Phình Giàng, Nong U, Thị trấn Điện Biên Đông; Đến năm 2030 tổng diện tích cây hàng năm trên địa bàn huyện là 11.958,45 ha



*Hình 6: Bản đồ phân vùng trồng lúa huyện Điện Biên Đông đến năm 2030*

*Khu vực trồng cây lâu năm:*

Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm: Thực hiện chuyển đổi diện tích lúa nương, cây hàng năm kém hiệu quả, sang thực hiện trồng cây Mắc ca các xã Phì Nhừ, Na Son, Keo Lô, Pú Hồng, .... ; Định hướng đến năm 2030 huyện có 35.580 ha cây Mắc ca

Vùng trồng cây ăn quả: hình thành vùng trồng cây ăn quả tập trung với một số loại cây trồng như chuối, xoài, cam, quýt, nhãn, .... Nghiên cứu đưa thêm một số loại cây ăn quả khác để khai thác diện tích đất trồng cây hàng năm chuyển sang cây lâu năm có hiệu quả kinh tế hơn như: chanh leo, Chanh, Ổi, Na ...

Đến năm 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện là 30.456,33 ha tăng 29.754,42 ha so với năm 2020, tập trung chủ yếu ở các xã Phì Nhừ, Luân Giới, Mường Luân, Keo Lô, Chiềng Sơ





### *b. Lâm nghiệp*

Vùng trồng cây Mắc ca:

Phát triển cây Mắc ca theo 02 hình thức chủ yếu là cho thuê đất hoặc liên kết giữa doanh nghiệp với người dân; để thu tiền từ giá trị sản xuất, giá trị từ sản phẩm Mắc ca;

#### **Phát triển trồng tập đoàn cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao:**

Phát triển rừng trồng nguyên liệu gỗ là sản phẩm chủ lực của địa phương tham gia vào ngành hàng chủ lực của Quốc gia theo hướng bền vững và có giá trị gia tăng cao. Tiến hành rà soát, phân vùng các loại cây để phát huy lợi thế đất đai, khí hậu nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng. Chủ động nghiên cứu, tuyển chọn đưa vào các loài cây lâm nghiệp có giá trị cao, chú trọng các loài cây lâm nghiệp bản địa có giá trị trên thị trường (Keo tai tượng, Bạch đàn mô hom, Giổi xanh, Giổi găng, Tô hạp, Lát hoa, Thông caribe, ...), nghiên cứu đổi mới phương thức trồng, chu kỳ kinh doanh theo hướng kinh doanh cây gỗ lớn, tiến tới cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC) cho các diện tích rừng trồng. Đầu tư phát triển hệ thống đường giao thông và đường lâm nghiệp (vận xuất, vận chuyển), áp dụng cơ giới hóa trong việc trồng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển lâm sản.

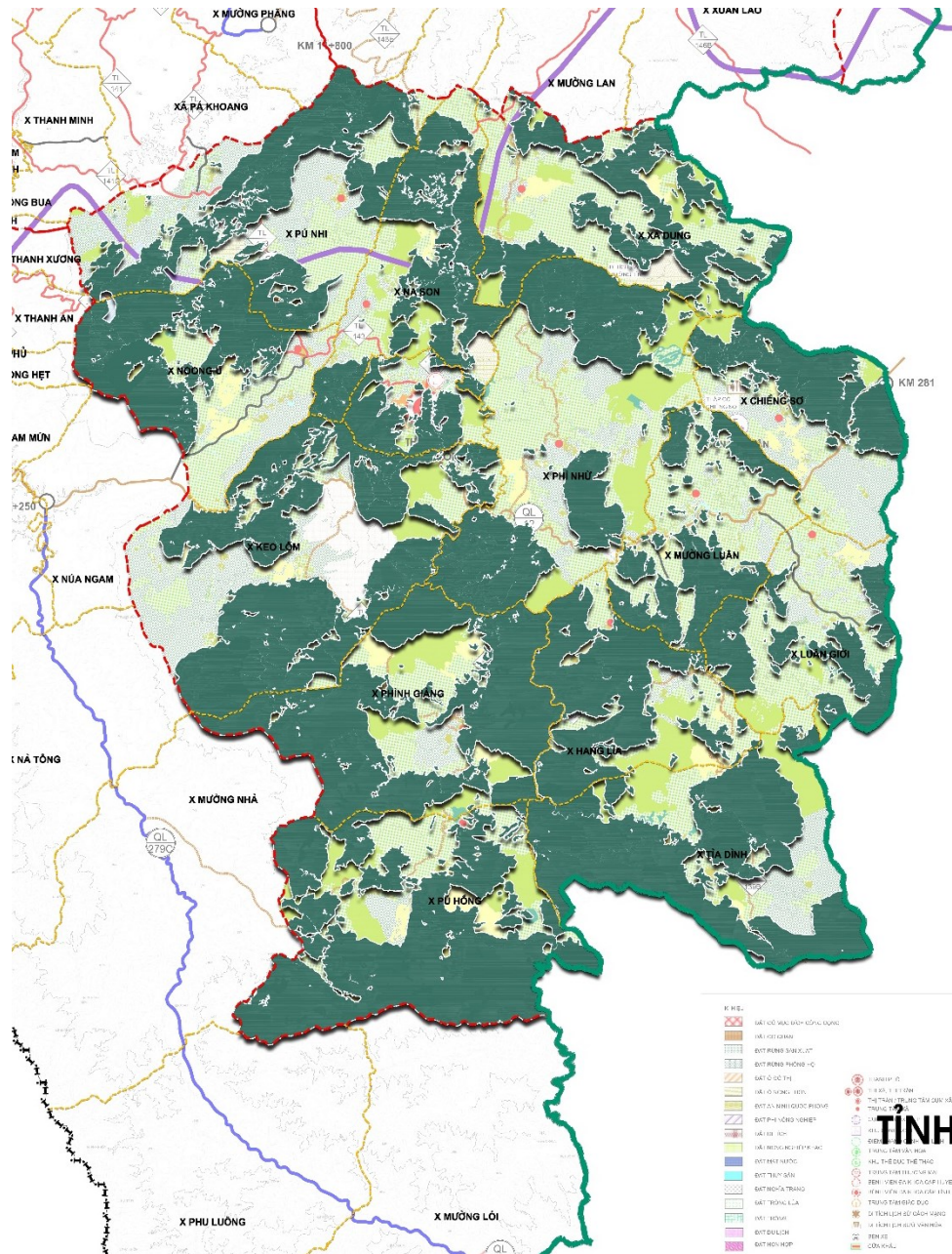
#### **Phát triển sản phẩm dưới tán rừng:**

Triển khai điều tra, đánh giá và xác định số loài, trữ lượng và vùng có khả năng khai thác. Xây dựng kế hoạch và các giải pháp khai thác bền vững để nâng cao đời sống người dân và đáp ứng một phần nhu cầu trên địa bàn tỉnh. Mở rộng diện tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị (Sa nhân, Thảo quả, Đảng sâm, Sơn tra, Giổi xanh, Trám, Mạy chả...) và tiềm năng đầu ra của sản phẩm để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân vùng rừng, giảm áp lực khai thác dược liệu, lâm sản ngoài gỗ của người dân vào tài nguyên rừng, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên này trong tự nhiên. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển lâm sản ngoài gỗ, xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến lâm sản ngoài gỗ để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

#### **Rừng phòng hộ**



Đến năm 2030, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 38.685,65 ha, phân bố trên tất cả các xã, chủ yếu ở các dãy núi cao. Toàn bộ diện tích phòng hộ trên địa bàn huyện là nơi điều tiết nguồn nước cho lưu vực Sông Mã.

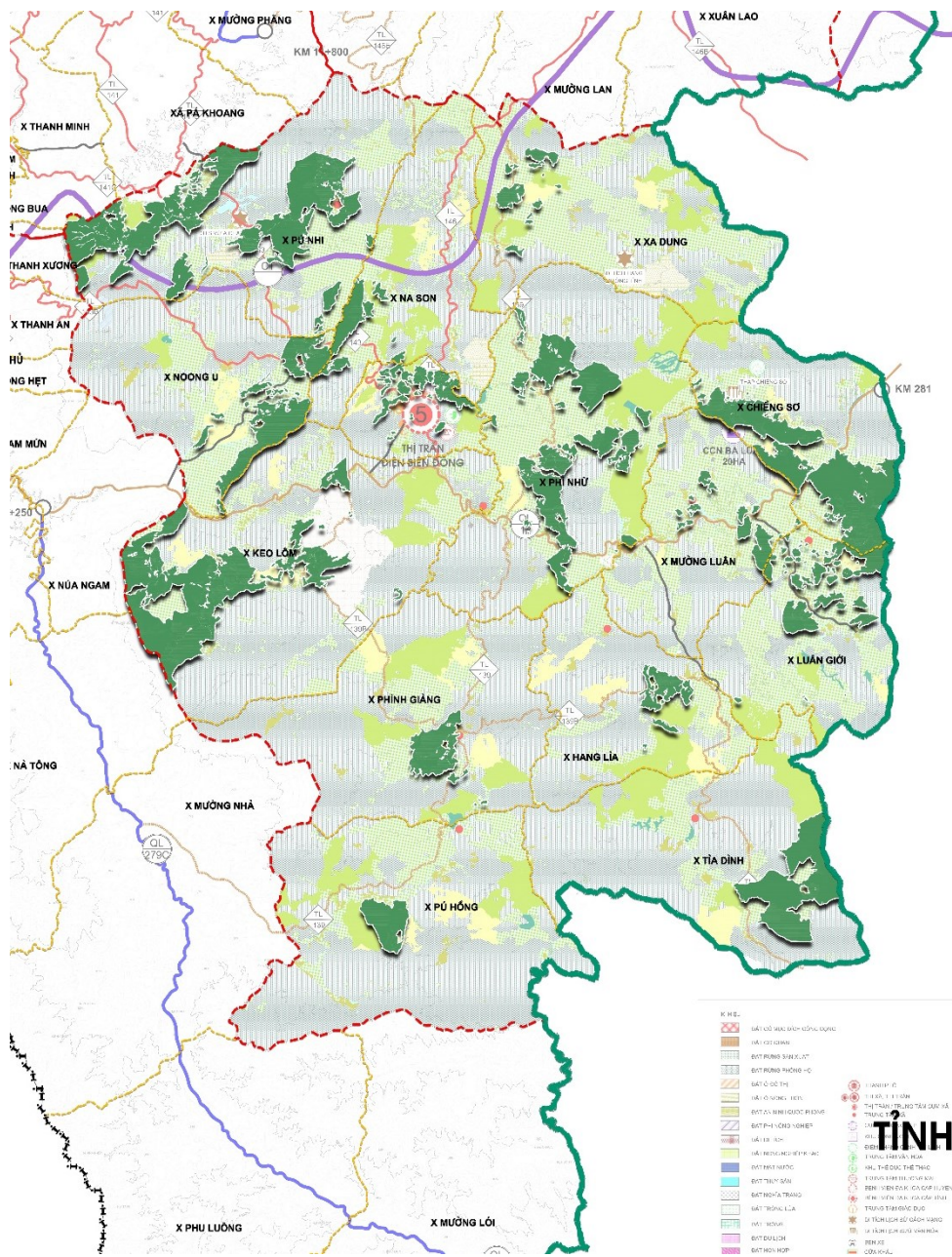


Hình 8: Bản đồ phân vùng phát triển rừng phòng hộ huyện Điện Biên Đông đến năm 2030

## Khu vực rừng sản xuất

Đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 13.985,18 ha, chiếm 10,8% tổng diện tích tự nhiên.

Phân bố đều tất cả các xã/ thị trấn thị trấn Điện Biên Đông và các xã: Chiềng Sơ, Háng Lìa, Keo Lô, Luân Giói, Mường Luân, Na Son, Nong U, Pú Hồng, Pu Nhi, Phì Nhừ, Phình Giàng, Tà Dinh, Xa Dung; Thực hiện khoanh nuôi, trồng mới, làm giàu rừng bằng các loại cây ngoài gỗ, trồng dưới tán cây rừng, ... nhằm nâng cao giá trị của rừng và tăng thu nhập cho người dân sống bằng nghề rừng





*Hình 9: Bản đồ phân vùng phát triển rừng sản xuất huyện Điện Biên Đông đến năm 2030*

*c. Thủy sản*

Hiện nay diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện khá lớn tuy nhiên phân tán, nhỏ lẻ, năng suất thấp, hiệu quả sản xuất chưa cao. Trong giai đoạn 2021-2030 quy hoạch tập trung vùng nuôi trồng thủy Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn sản xuất với chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường; phát triển nuôi trồng thủy sản liên kết theo chuỗi giá trị; Tập trung chủ yếu ở các xã Pu Nhi, Na Son, thị trấn Điện Biên Đông, ....; Đến năm 2030, dự kiến diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 372,19 ha

**3.6. Định hướng không gian phát triển du lịch**

*3.6.1. Định hướng không gian du lịch huyện Điện Biên Đông trong định hướng toàn tỉnh*

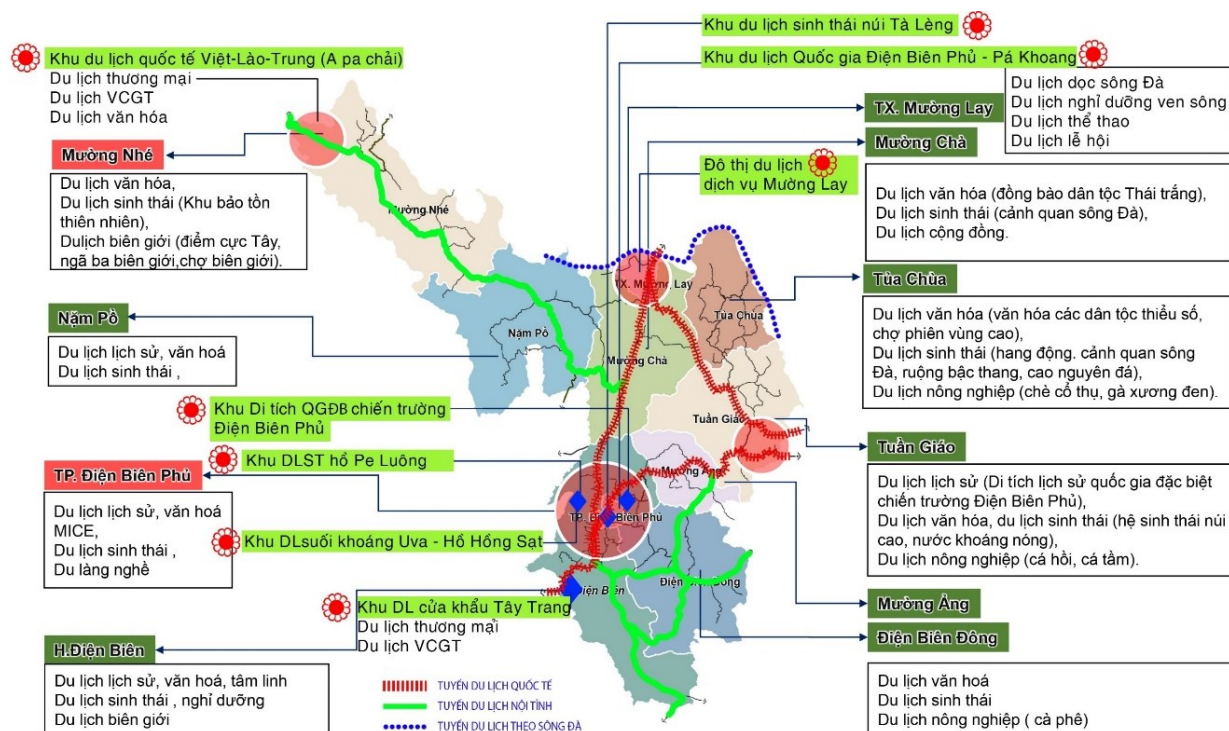
*a. Không gian phát triển du lịch tỉnh Điện Biên:*

✓ Trung tâm phát triển du lịch: Lấy TP Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên làm trung tâm Du lịch chính của tỉnh. Trung tâm Du lịch Điện Biên Phủ là điểm dừng quan trọng trong hành lang du lịch Tây Bắc và các vùng phụ cận trong và ngoài nước, là điểm đầu mối của các hoạt động du lịch nội tỉnh, là nơi điều hành tất cả các hoạt động du lịch của toàn tỉnh.

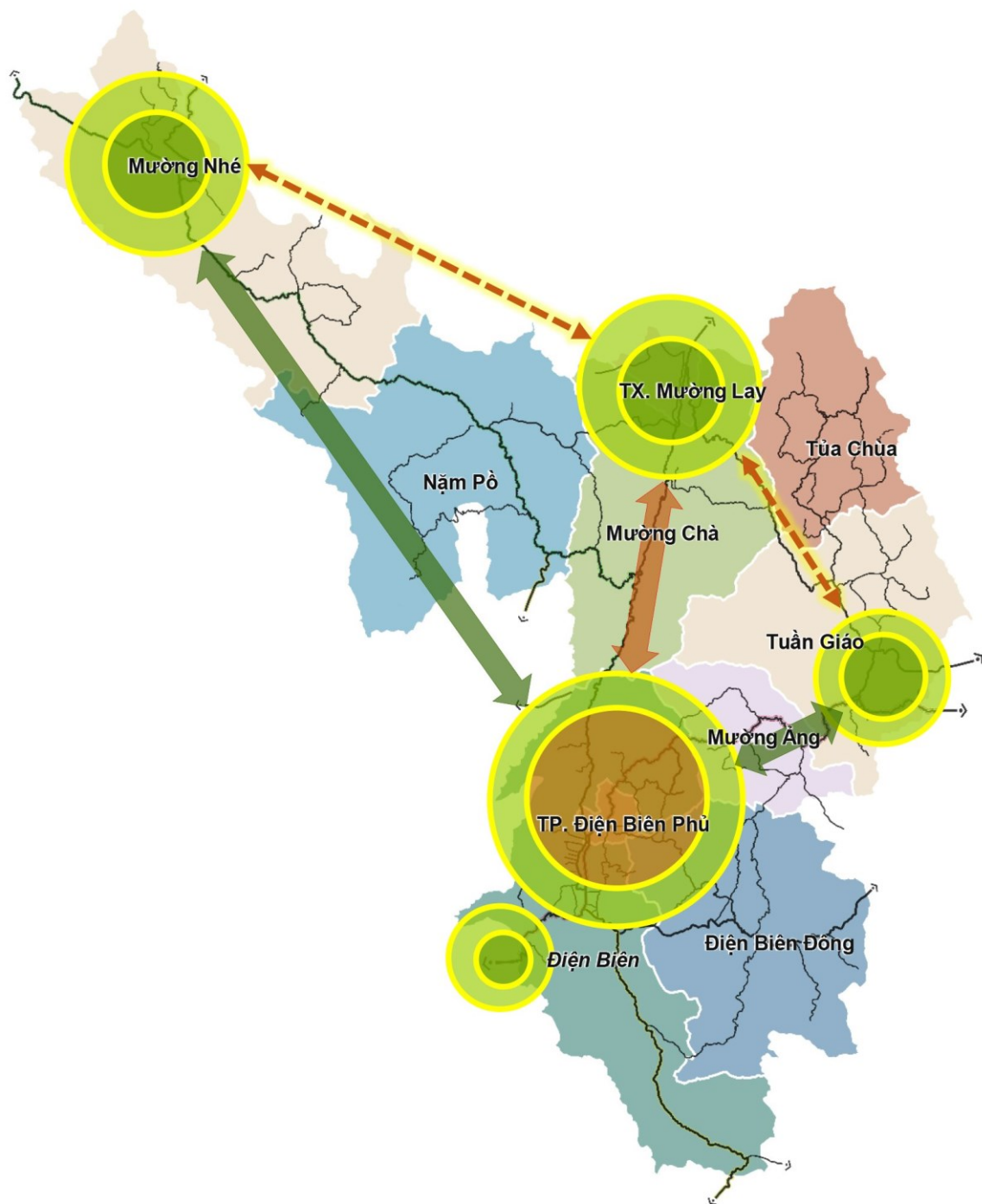
✓ Không gian thuận lợi phát triển du lịch: Các trục không gian thuận lợi phát triển du lịch của tỉnh Điện Biên là hành lang nối các trọng tâm du lịch hoặc các khu vực tập trung tài nguyên dựa theo các trục đường quốc lộ: 6A; 12; 279; 100 và 32. Du lịch Điện Biên coi trục không gian từ cửa khẩu Việt Lào (Tây Trang) qua Thành phố Điện Biên Phủ theo quốc lộ 12 và 4D sang Lào Cai, trục không gian du lịch từ Thành phố Điện Biên Phủ theo quốc lộ 279 qua Tuần Giáo đến đèo Pha Đin sang Sơn La là các trục không gian quan trọng, thuận lợi phát triển du lịch.

✓ Không gian ưu tiên phát triển du lịch: Gồm không gian ưu tiên phát triển du lịch ở các trung tâm du lịch và không gian ở các điểm tài nguyên du lịch có giá trị. Du lịch tỉnh Điện Biên xác định các không gian ưu tiên phát triển du lịch tập trung ở

Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Tủa Chùa, huyện Mường Nhé, khu vực thị trấn Tuần Giáo.



Hình- 1: Không gian Du lịch Tỉnh Điện Biên



*Hình 10: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên*

✓ Tuyến du lịch nội tỉnh:

- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Thị xã Mường Lay;
- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Tuần Giáo - vùng phụ cận;
- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Pá Khoang - Mường Phăng - Bản

Phủ - Pa Thom - Tây Trang;

- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Mường Chà - Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé;

- Tuyến du lịch đường sông: Tuyến du lịch này chủ yếu bắt đầu từ Thị xã Mường Lay dọc theo sông Đà sang phía Đông đi Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu) và các điểm tham quan du lịch khác của tỉnh Sơn La, sang phía Tây đi Mường Tè hoặc theo sông Nậm Na lên phía Bắc.

- ✓ Tuyến du lịch liên tỉnh:

- Tuyến Hà Nội - Hòa Bình - Mai Châu - Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên Phủ - Thị xã Mường Lay - Lai Châu - Lào Cai - Phú Thọ - Hà Nội hoặc ngược lại.

- Tuyến Hà Nội - Thành phố Điện Biên Phủ và ngược lại.

- Du lịch đường sông: Từ Thị xã Mường Lay - Sơn La - Hoà Bình hoặc ngược lại.

- ✓ Tuyến du lịch quốc tế:

- Tuyến từ Trung Quốc qua cửa khẩu Ma Lu Thàng – Thị xã Mường Lay – Thành phố Điện Biên Phủ;

- Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Tây Trang – Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác;

- Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Huổi Puốc - Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác;

- Tuyến từ Trung Quốc qua cửa khẩu A Pa Chải - Mường Nhé - Mường Chà - Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác.

- Đường không: Trong tương lai khi sân bay Điện Biên được nâng cấp và mở rộng thành sân bay quốc tế thì khả năng bay trực tiếp đến một số sân bay của các nước trong khu vực như Trung Quốc, ASEAN dễ dàng hơn sẽ tạo cơ hội mở rộng thị trường khách quốc tế đến Điện Biên.

### *3.6.2. Định hướng không gian du lịch huyện Điện Biên Đông*

#### *a. Quan điểm và mục tiêu phát triển*

#### *❖ Quan điểm phát triển*

Tăng cường đầu tư để phát triển đồng bộ và toàn diện các ngành dịch vụ; đẩy mạnh công tác thành lập các Hợp tác xã thương mại dịch vụ nhằm đảm bảo việc tiêu

thụ nông sản và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, thực hiện nhiệm vụ đại lý bán hàng cho các doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ của Tỉnh, của Nhà nước cho các đối tượng được hỗ trợ;

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ, tiếp thị, quảng bá sản phẩm; tiếp tục hưởng ứng, phổ biến tham gia các cuộc thi sáng tạo, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp mới, các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện phục vụ du lịch và xuất khẩu nhằm bảo tồn, duy trì và từng bước phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương như rèn đúc, đan lát mây tre (gùi, giỏ...), thêu dệt thổ cẩm...; nghiên cứu phát triển một số ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của địa phương như đan, dệt lưới (dựng nhà lưới) phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, sơ chế rau an toàn. gắn với phục vụ du lịch, thu hút lao động nông thôn, nông nhân.

- Phát triển du lịch là một trong những mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phát triển du lịch đồng thời với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; phát huy tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên (khí hậu, cảnh quan); bảo đảm an ninh, quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Chú trọng khai thác thế mạnh đặc trưng về cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển khu du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định thương hiệu du lịch huyện Điện Biên Đông.

- Phát triển du lịch phải đặt trong sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, hạn chế tối đa chuyển đổi đất nông nghiệp, lâm nghiệp và di chuyển dân cư; giảm thiểu sự tác động đến cảnh quan môi trường, đời sống, hoạt động sản xuất của người dân; khai thác hợp lý lợi thế tài nguyên du lịch tự nhiên; bảo đảm hài hòa với các dự án thủy điện đã có.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư phát triển du lịch, chú trọng liên kết với các khu du lịch khác để tạo tuyến du lịch liên hoàn, làm đa dạng sản phẩm du lịch.

- Nâng cao tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế của huyện.

❖ *Mục tiêu phát triển*

**- Mục tiêu chung**

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện về yếu tố tự nhiên, văn hóa các dân tộc để phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên đầu tư phát triển khu du lịch danh lam thắng cảnh, du lịch trải nghiệm khám phá, du lịch tâm linh, gắn liền với bảo tồn, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc của huyện; gắn phát triển du lịch với quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của huyện và quy hoạch tổng thể du lịch của tỉnh, liên kết với các trung tâm du lịch trong và ngoài tỉnh để hình thành các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm cộng đồng, du lịch tâm linh kết hợp với thưởng thức các sản phẩm nông sản của địa phương.

**- Mục tiêu cụ thể**

*Đến năm 2025*

+ 90% số nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn có nhân viên được tập huấn nghiệp vụ về du lịch;

+ Phần đầu 100% người làm công tác văn hóa cấp xã là người dân tộc thiểu số tại địa bàn hoặc là người có thời gian sinh sống lâu dài trên địa bàn có hiểu biết về phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống của địa phương; 90% số người làm công tác văn hóa được đào tạo đúng chuyên ngành và thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ hàng năm; 50-70% đội trưởng đội văn nghệ quần chúng, người quản lý nhà văn hóa, quản lý nhà hàng, bản văn hóa du lịch, các đơn vị, doanh nghiệp được tập huấn về kỹ năng phục vụ du lịch và các chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch.



### ***Phấn đấu đến năm 2030***

- + Nâng số ngày lưu trú bình quân ở huyện lên 2 ngày.
- + 100% số nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn có nhân viên được tập huấn nghiệp vụ về du lịch
- + Phấn đấu đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững, dần có tính chuyên nghiệp với hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đậm đà bản sắc các dân tộc, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm động lực thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực khác.

#### ***b. Phương hướng phát triển***

##### ***❖ Các sản phẩm du lịch***

- Khai thác lợi thế các di tích, thiên nhiên và văn hoá, lễ hội để hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù.
- **Du lịch sinh thái:** Du lịch tham quan đỉnh săn mây Chóp Ly, đèo Keo Lôm tại xã Keo Lôm; hồ Noong U hoang sơ.
- Xây dựng khu nghỉ dưỡng ven hồ Noong U kết hợp vui chơi giải trí, ngắm cảnh trên mặt hồ.



- **Du lịch cộng đồng gắn với các bản dân tộc:** Phát triển các bản văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch trải nghiệm, khám phá văn hóa.



**Hình- 2 Tham quan các bản dân tộc**

Tham quan Làng Nghề: Làng nghề dệt thổ cẩm ở xã Mường Luân.

- **Du lịch gắn với các sự kiện, lễ hội văn hóa truyền thống:** Khai thác tiềm năng nền văn hoá phi vật thể độc đáo của các dân tộc còn được bảo tồn khá nguyên vẹn như Lễ hội dân gian (lễ hội Kin Pang Then dân tộc Thái; Tết Nào Pê Châu của dân tộc Mông; Lễ Mừng cơm mới của dân tộc Sinh Mun, Lễ tết Khẩu Hó dân tộc Lào, Lễ Teng Nông của dân tộc Khơ Mú; Bun huộc nặm (tết té nước) dân tộc Lào...), nghệ thuật trình diễn (Nghệ thuật múa xòe dân tộc thái; , Chế tác khèn và múa khèn của dân tộc Mông, múa lăm vông dân tộc Lào...), trò chơi, môn thể thao dân tộc (Tung còn, tó má lẹ, ném pao, tù lu, đẩy gậy, kéo co ...) những phong tục tập quán trong sản xuất, cùng với những món ăn đặc sản mang đậm nét Tây Bắc là những tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn đối với du khách trong nước và đặc biệt là du khách quốc tế.

Xây dựng các kịch bản lễ hội để hình thành các chương trình du lịch lễ hội; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các phiên chợ, các làng nghề thủ công gắn với phát triển du lịch.

Tổ chức các sự kiện, lễ hội vào dịp tết cổ truyền dân tộc Mông, Thái tại các bản như: Ném pao, tù lu, giã bánh dày; múa xòe, đẩy gậy, đấu bò, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi, thưởng thức ẩm thực dân tộc trong dịp tết nguyên đán.



- **Du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng:** Ngắm cảnh thiên nhiên theo mùa (ruộng bậc thang, mùa hoa đào rừng, hoa ban, hái đào, mận, lê...); tìm hiểu, trải nghiệm các quy trình sản xuất rượu mông; nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe bằng thảo dược của người dân bản địa.



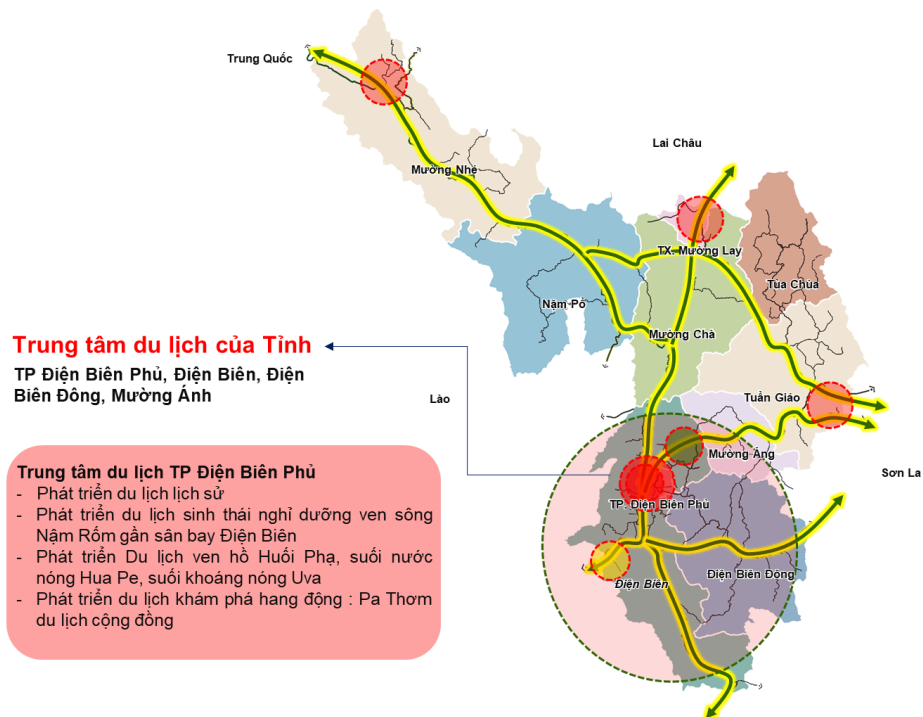
Ngoài dịch vụ lưu trú homestay đẩy mạnh thêm là các dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và mua sắm. phục vụ được nhu cầu của du khách được thư thái, nghỉ ngơi ở một nơi xa lạ, khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ với cảnh quan độc đáo, thanh bình, được trực tiếp được tham gia vào các hoạt động cộng đồng, thưởng thức ẩm thực dân tộc, hòa mình vào các làn điệu dân ca, dân vũ đặc sắc và lưu giữ những sản vật, sản phẩm thủ công mỹ nghệ để làm quà cho gia đình, người thân đặc biệt nhân rộng mô hình tại xã Mường Luân (huyện Điện Biên Đông);

**Du lịch thương mại gắn với tham quan, mua sắm tại chợ truyền thống** để hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa nông sản, đồ thủ công truyền thống đặc trưng của đồng bào các dân tộc trong huyện các mặt thủ công truyền thống như: Thêu, rèn đúc thủ công, chế tác nhạc cụ truyền thống.





- **Du lịch nông nghiệp:** Phát triển loại hình du lịch tham quan trải nghiệm nông nghiệp để quảng bá các sản phẩm nông nghiệp đặc thù của huyện.



Hình- 3 Không gian du lịch huyện Điện Biên Đông trong vùng du lịch phía Đông Bắc



Khu du lịch sinh thái hồ và di tích Vừ Pà Chay xã Pu Nhi.

Xây dựng hồ chứa nước Na Pa Khoang xã Luân Giói để phục vụ du lịch và phát triển kinh tế.

### **Liên kết phát triển du lịch**

Liên kết với huyện Điện Biên, Thành phố Điện Biên Phủ để hình thành các tuyến du lịch nội tỉnh, từng bước mở rộng ra ngoài tỉnh để hỗ trợ khai thác lợi thế về sản phẩm du lịch của địa phương tạo sự hấp dẫn đối với du khách.

#### *❖ Phương án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch*

Phát triển các khu resort nghỉ dưỡng

Các bungalow, nhà nghỉ sinh thái cần được xây dựng ở những khu vực sinh thái nghỉ dưỡng cuối tuần. Đầu tư nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, các dịch vụ khác xung quanh di tích lịch sử, ven hồ Noong U

Các nhà nghỉ cộng đồng, homestay bố trí phát triển ở các bản văn hóa du lịch

Chất lượng: Ưu tiên xây dựng, phát triển các khách sạn 3-4 sao để thu hút thị trường quốc tế, khách có chi tiêu cao,...

Cơ sở dịch vụ: Cần đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng du lịch; các trung tâm thương mại gắn với mua sắm, ẩm thực vùng miền; các trung tâm tổ chức sự kiện (khu hội nghị, hội thảo, hội chợ); các cơ sở dịch vụ du lịch bổ trợ khác (du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp, thẩm mỹ).

#### *❖ Giải pháp phát triển du lịch*

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ các điểm di tích. Tiếp tục huy động nguồn lực trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử.

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về phát triển du lịch và thu hút đầu tư; lồng ghép các nguồn vốn, huy động tối đa các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng.

Khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; bảo tồn, gìn giữ bản sắc văn hóa bản địa, duy trì các hoạt động biểu diễn nghệ thuật dân tộc, nghi lễ truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp.

Ưu tiên các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cứng hóa các công trình đường giao thông đến các khu, điểm du lịch.

Tiếp tục huy động nguồn lực, kêu gọi đầu tư cơ sở vật chất đối với các di tích đã được xếp hạng; Tập trung xây dựng các bản văn hóa du lịch theo mô hình du lịch cộng đồng; Bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc.v.v.. Từ đó, khai thác, phát huy được các tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, đổi mới cách làm du lịch, trên cơ sở bản sắc văn hóa truyền thống, cấp ủy, chính quyền huyện đã và đang tạo điều kiện, khuyến khích người dân mạnh dạn đầu tư, biến những mảnh đất thuần nông trở thành điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, thu hút du khách đến thưởng ngoạn, tìm hiểu văn hóa, phong tục, tập quán đặc trưng.

Tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc trong huyện, Hội thi liên hoan văn nghệ, thể thao truyền thống tại các cụm xã nhằm bảo tồn và quảng bá văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc trong huyện.

Nâng cao vai trò của các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của huyện đến với du khách trong và ngoài nước. Xây dựng và duy trì hiệu quả các hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch trên Cổng thông tin điện tử huyện và Trang thông tin điện tử của các xã và trên các trang mạng xã hội.

Nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến, quảng bá; ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội cho công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch.

Rà soát, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy du lịch phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế của huyện, tập trung vào các nội dung: Ưu đãi thu hút đầu tư phát triển du lịch, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng...; ưu tiên nguồn lực cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến, quảng bá, phát triển sản phẩm du lịch, huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển du lịch.

Đổi mới công tác quản lý theo hướng phục vụ doanh nghiệp, người dân; thực hiện cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch. Khuyến khích các đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phù hợp với điều kiện của huyện và nhu cầu thị trường.

Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa....

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp và cộng đồng trong việc xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện.

### **3.7. Định hướng phân bổ sử dụng đất**

Để thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của huyện, nhu cầu sử dụng đất là rất lớn nhằm phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực công nghiệp, dân cư, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật,... Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất huyện Điện Biên Đông năm 2030 như sau:

*Bảng 4: Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất huyện Điện Biên Đông đến năm 2030*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích giảm (ha)	Diện tích tăng (ha)	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(5)+(6)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		120.686,25	58.088,91	58.088,91	120.686,25



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích giảm (ha)	Diện tích tăng (ha)	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	113.860,95	55.043,88	53.199,49	112.016,56
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18.642,04	2.176,32	556,70	17.022,41
	Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.189,23	51,52	506,70	1.644,42
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	62.556,09	52.495,11		10.060,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	701,93	13,23	29.779,15	30.467,85
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	23.820,85	228,53	15.670,87	39.263,19
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.808,94	117,58	7.138,57	14.829,93
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	7.697,02		3.995,27	11.692,29
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	331,11	13,11	54,20	372,20
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.002,99	309,48	4.889,42	7.582,93
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	155,47		1.180,27	1.335,74
2.2	Đất an ninh	CAN	0,94		7,87	8,81
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,36		90,73	91,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,19			0,19
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	123,31			123,31
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	3,46			3,46

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích giảm (ha)	Diện tích tăng (ha)	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.120,06	13,72	3.305,44	4.411,78
	Trong đó:					
–	Đất giao thông	DGT	753,86	7,89	854,87	1.600,84
–	Đất thủy lợi	DTL	127,81	1,51	58,07	184,37
–	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,40		0,23	0,63
–	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,60		0,87	4,47
–	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,76	0,80	6,69	64,65
–	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	9,34		10,20	19,54
–	Đất công trình năng lượng	DNL	100,95		2.293,33	2.394,27
–	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,16		0,09	1,25
–	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
–	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	6,63		34,96	41,59
–	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,76		12,18	19,94
–	Đất cơ sở tôn giáo	TON			10,00	10,00
–	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	49,04	3,52	20,30	65,82
–	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
–	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,05			0,05
–	Đất chợ	DCH	0,71		3,65	4,36
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích giảm (ha)	Diện tích tăng (ha)	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,23		5,35	8,58
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			1,25	1,25
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	491,34	7,54	246,74	730,54
2.14	Đất ở đô thị	ODT	20,79	0,22	35,77	56,34
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,50		15,73	25,23
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,55		0,17	3,72
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.070,54	287,90		782,64
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,25			0,25
3	Đất chưa sử dụng	CSD	3.822,31	2.735,55		1.086,76

Các loại đất sẽ được xác định cụ thể theo phương án phân bổ đất đai cấp tỉnh phân bổ đến đơn vị hành chính cấp huyện.

#### **4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI**

##### ***4.1. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo***

##### ***4.1.1. Quan điểm phát triển***

Phát triển giáo dục và đào tạo có trọng tâm, trọng điểm đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người dân, hướng vào mục tiêu phát triển toàn diện con người, nâng cao dân trí, tạo lập đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao,

Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có và đảm bảo thiết thực, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với phân bố dân cư và kinh tế

Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo mang tính chất động, kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, thời kỳ.

#### *4.1.2. Mục tiêu phát triển*

Phát triển, hoàn thiện quy mô trường lớp học sinh đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; các xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; các huyện và trung tâm liên xã có trường trung học phổ thông; các huyện có trường dân tộc nội trú trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Huy động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường, duy trì và nâng cao chất lượng xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục các cấp từng bước được nâng cao. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên vững vàng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chuyên nghiệp vụ chuyên môn.

Phấn đấu đến năm 2030 giáo dục của huyện có bước tiến vượt bậc, các chỉ tiêu như sau:

- Tỷ lệ huy động dân số từ 3 đến 5 tuổi đi học đạt trên 90%, học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt trên 99%; Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt trên 95%; Tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt trên 80%

- Duy trì 100% số đơn vị cấp xã và 100% số đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên; nâng cao tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuẩn, 100% cán bộ quản lý các cấp học có

trình độ đào tạo trung cấp Lý luận chính trị; 100% cán bộ quản lý, giáo viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thông thạo tin học và thiết bị dạy học hiện đại; 20% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu

Phấn đấu đến năm 2030, 100% phòng học, phòng ở nội trú, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, phòng quản trị hành chính được xây dựng kiên cố hóa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục trong đó 100% trường học đạt chuẩn quốc gia.

#### *4.1.3. Định hướng phát triển*

Thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các huyện/thành phố.

Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được phát triển phủ khắp các điểm dân cư trên toàn tỉnh, đảm bảo tính liên thông.

Quy mô trường lớp đầu tư, mở rộng để hoàn thiện thiện mạng lưới trường học từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập theo tốc độ tăng dân số trong độ tuổi đến trường cũng như nhu cầu học tập, đào tạo của nhân dân.

Cơ sở vật chất trường học đầu tư đạt chuẩn về diện tích, đủ về phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn đáp ứng yêu cầu học sinh được học cả ngày ở trường.

Căn cứ theo dự báo quy mô học sinh, thực trạng mạng lưới trường, lớp giai đoạn 2010-2020 của tỉnh Điện Biên, trong giai đoạn 2021-2030 sắp tới, hệ thống mạng lưới trường, lớp các bậc mầm non, phổ thông của tỉnh được dự báo có xu hướng gia tăng dần theo các năm trong giai đoạn 2021-2030 nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Dự kiến trong giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện thành lập mới 17 trường mầm non, các cấp GDPT khác không thành lập mới, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp cải tạo quy mô trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập người dân

#### *4.2. Định hướng phát triển y tế*

#### *4.2.1. Quan điểm phát triển*

Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với đặc điểm dân cư, sự thay đổi của mô hình bệnh tật và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Xây dựng phương án phát triển và phân bố hệ thống các cơ sở chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên đảm bảo tính kế thừa và phát triển mạng lưới y tế của tỉnh, có tính đến sự cân đối, đồng bộ và hiệu quả giữa các tuyến trong địa bàn tỉnh và phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của tỉnh và của từng vùng và của Quốc gia

Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế của huyện theo hướng hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tăng cường năng lực công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở trung tâm y tế huyện

Phát triển hệ thống y tế theo hướng xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo; y tế dự phòng chủ động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, y học hiện đại với y học cổ truyền.

Phát triển hệ thống y tế gắn liền với nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

#### *4.2.2. Mục tiêu phát triển*

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển y học của tỉnh đảm bảo khoa học, dân tộc và đại chúng; ảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực chuyên môn vững vàng, từng bước tiếp cận trình độ quốc tế, nhằm nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn huyện

Phấn đấu đến năm 2030 công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân có chuyển biến mới tạo cơ sở cho tiếp nhận tiến bộ khoa học hiện đại, tiếp nhận chuyển giao y tế tuyến trên , các chỉ tiêu y tế như sau

Phần đầu 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 96% trở lên; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe;

#### *4.2.3. Định hướng phát triển*

Hoàn thiện mô hình Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật. Bố trí hài hòa nhân lực giữa 2 lĩnh vực phòng bệnh và khám chữa bệnh, sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau.

Đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu của hệ thống y tế. Bổ sung danh mục dịch vụ kỹ thuật, danh mục thuốc tại cơ sở y tế xã, huyện để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ngay tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân dựa trên các quy trình chuyên môn và các tiêu chuẩn về chất lượng do Bộ Y tế ban hành.

Củng cố hệ thống y tế thôn: Bổ sung nhân viên y tế thôn đối với các thôn chưa có y tế thôn; sắp xếp lại mạng lưới cộng tác viên theo hướng tinh gọn đầu mối, sử dụng nhân viên y tế thôn làm cộng tác viên một số chương trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế - dân số để có thể triển khai lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại thôn.

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế bảo đảm số lượng và chất lượng, thực hiện điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực để khắc phục sự mất cân đối giữa các lĩnh vực; hướng tới mục tiêu ngành y tế không có nhân lực có trình độ trung cấp. Tăng cường nhân lực y tế cho y tế cơ sở. Chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; chú trọng công tác đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng, tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sỹ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế, bảo đảm cơ cấu điều dưỡng/bác sỹ phù hợp để thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

Triển khai có hiệu quả chương trình Y tế - Dân số và các chương trình, đề án liên quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm, HIV/AIDS. Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực kiểm soát các yếu tố nguy cơ, hạn

chế gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong do bệnh không lây nhiễm. Mở rộng triển khai hoạt động phát hiện sớm, dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

### ***4.3. Định hướng phát triển Văn hóa – thể thao***

#### ***4.3.1. Quan điểm phát triển***

##### ***a. Văn hóa***

Tiếp tục triển khai các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa con người toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, nhất là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Ưu tiên đầu tư phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao mà tỉnh có thế mạnh. Từng bước hình thành, tổ chức các sự kiện thể thao giải trí, thể thao đặc thù nhằm thu hút khách du lịch.

Về cơ sở hạ tầng: Quan tâm đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó, tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển các công trình thể thao như khu thể thao cấp huyện, xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các thôn, bản còn thiếu. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục thể thao của nhân dân.

Quan triệt quan điểm coi phát triển văn hóa là xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững góp phần đắc lực trong thực hiện xây dựng Nông thôn mới, thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng



vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Phát triển văn hoá dựa trên nội lực là chính kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài, hình thành các sản phẩm văn hoá, bảo đảm phát triển bền vững. Phát huy yếu tố con người, coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; quan tâm hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc phát triển toàn diện; bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh.

Khi thực hiện phát triển văn hóa phải đảm bảo phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động tối đa và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực; mở rộng quan hệ hợp tác văn hóa, thể thao và du lịch với bên ngoài để phát triển văn hóa; tạo bước đột phá về xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa của người dân trong tỉnh và với các địa phương lân cận.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc Điện Biên Đông đã được các cấp ủy, chính quyền Điện Biên Đông coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trên địa bàn huyện; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được gắn với giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và giải quyết các vấn đề xã hội.

#### *b. Thể dục thể thao*

Tiếp tục phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục thể thao, chú trọng phát triển thể dục thể thao ở vùng miền núi, các dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học, phát triển các môn thể dục ngoại khóa. Xây dựng và triển khai đề án xoá mù bơi trong trường học, phòng chống tai nạn đuối nước.

Phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh. Tăng cường tổ chức cho các vận động viên tham gia thi đấu các giải cấp huyện, cấp tỉnh.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục, thể thao, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các liên đoàn, hiệp hội thể thao.

#### *4.3.2. Mục tiêu phát triển*

#### *a. Văn hóa*

Bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, đặc biệt chú trọng địa bàn các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa; Tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; Phát huy vai trò của các chủ thể văn hóa và khích lệ sự sáng tạo các giá trị văn hóa mới trong phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc, góp phần giảm dần sự chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các dân tộc.

Gắn bảo tồn, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đặc biệt gắn với phát triển du lịch. Phát triển văn hóa các dân tộc nhằm nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, đặc biệt là di tích đã được xếp hạng trên địa bàn nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện.

#### *b. Thể dục thể thao*

Phát triển thể dục thể thao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, đồng thời gắn liền với mục tiêu công bằng, tiến bộ xã hội trong định hướng phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân về vai trò của thể dục thể thao trong phát triển kinh tế bền vững; là nền tảng tinh thần của xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý thể dục thể thao nhằm tạo bước đột phá; tạo môi trường hoạt động tốt hơn cho các đơn vị, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao. Huy động mọi nguồn lực, trong đó tập trung đẩy mạnh xã hội hóa cho phát triển thể dục thể thao. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy ngành văn hóa, thể thao, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các bộ môn thể thao thành tích cao; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo; phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ số; xây dựng, củng cố hệ thống từ sản xuất đến cung ứng,

quảng bá sản phẩm, dịch vụ thể thao tới công chúng. Đẩy mạnh giao lưu thể dục thể thao với các dân tộc khác trong và ngoài tỉnh để vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, vừa tiếp nhận văn hóa tốt đẹp của các dân tộc khác.

Nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Điện Biên, tăng cường thể lực của thanh niên và số năm sống khỏe trung bình của người dân.

Nâng cao tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao của huyện, đưa thể thao huyện Điện Biên Đông đạt vị trí cao trong vùng, từng bước cải thiện thành tích, vị trí của thể thao huyện Điện Biên Đông ở những môn thể thao có ưu thế.

#### *4.3.3. Định hướng phát triển văn hóa, thể dục thể thao*

##### *a. Văn hóa*

- Bảo tồn các di sản văn hóa hiện có của huyện.
- Tiếp tục chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, trọng tâm là rà soát, tổ chức nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; xây dựng các đội văn nghệ truyền thống, nhân rộng các mô hình điểm và khuyến khích việc hướng dẫn con em người dân tộc biết sử dụng các nhạc cụ cổ truyền, tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số; phát động việc sáng tác các bài hát, điệu múa cho đồng bào để sử dụng trong các dịp lễ, tết, ngày hội mừng được mùa, nhằm từng bước thay thế những phong tục tập quán lạc hậu.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật quy định trên lĩnh vực, tăng cường quản lý các hoạt động kinh doanh văn hoá, dịch vụ văn hoá công cộng trên địa bàn, hướng dẫn các hoạt động văn hóa tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở, các tổ chức, cá nhân, cơ sở kinh doanh về công tác quản lý, cấp phép và các điều kiện hoạt động của lĩnh vực dịch vụ văn hóa.

- Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội của địa phương;

- Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá, ngăn chặn, bài trừ các tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, khu phố văn hóa, làng văn hoá.

- Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc địa phương và con người Điện Biên. Hình thành nền tảng vật chất mới, đa dạng, hiện đại với đội ngũ những người lao động chuyên nghiệp, đội ngũ cán bộ và cơ chế quản lý thích ứng với xu thế chuyển dịch.

- Phát triển văn hóa gắn kết và hòa nhập với kinh tế du lịch, đảm bảo phát huy tốt các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương trong xu thế hội nhập quốc tế, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế.

- Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa phát triển văn hoá và phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng xây dựng môi trường sống, lối sống và đời sống văn hoá cơ sở, cộng đồng dân cư, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú. Bồi dưỡng các tài năng văn hoá, nghệ thuật, khuyến khích các văn nghệ sỹ sáng tạo được nhiều tác phẩm văn hoá, nghệ thuật có giá trị cao.

- Tập trung các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, đơn vị văn hoá. Tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá, tạo môi trường văn hoá lành mạnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### *b. Thể thao*

- Định hướng theo đúng định hướng chung của tỉnh là tại tất cả các địa phương đều bố trí Khu liên hợp thể dục thể thao và đảm bảo phân bố đầy đủ cơ sở hạ tầng TDTT đến từng khu dân cư, từng xã.

- Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thành lập các tổ chức và câu lạc bộ thể thao, đa dạng hình thức tập luyện. Đầu tư cho thể thao trường học, đào tạo thể dục, thể thao thành tích cao.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT cấp huyện: đảm bảo có 3 công trình thể thao cơ bản là Sân vận động, nhà thi đấu và bể bơi.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT cấp xã: xây dựng cơ sở vật chất TDTT theo quy định xây dựng nông thôn mới.

- Duy trì và Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao sức khỏe, thể chất của người dân, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trường học. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng của một số môn thể thao mang tính truyền thống và có thể mạnh của địa phương như bơi, chạy để dành thành tích cao trong các giải thi đấu. Chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế thể dục - thể thao cần thiết cho các hoạt động thể thao cộng đồng và thể thao thành tích cao của huyện. Mạng lưới thiết chế thể dục – thể thao trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời kỳ quy hoạch sẽ gồm có 01 sân vận động huyện, 01 khu liên hợp thể thao, Các sân TDTT ở tất cả các xã, các khu vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao ở các trường học và cơ quan đơn vị trên địa bàn.

#### ***4.4. Định hướng phát triển hạ tầng thương mại***

##### ***4.4.1. Quan điểm phát triển***

Xác định thương mại - dịch vụ - du lịch của huyện là ngành kinh tế mũi nhọn, là lĩnh vực trung tâm và động lực cho các cơ cấu kinh tế khác phát triển, đưa lĩnh vực thương mại - dịch vụ của huyện tiếp tục là trung tâm phân phối, luân chuyển hàng hóa có hiệu quả cho phạm vi toàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển; tiếp tục thu hút đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...

Khuyến khích mở rộng các hoạt động dịch vụ đối với các thành phần kinh tế trong các lĩnh vực như: Tiêu thụ các mặt hàng tiêu dùng; sửa chữa, bảo dưỡng công trình; các hoạt động tư vấn, ứng dụng công nghệ thông tin tạo ra giá trị gia tăng cao; các dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ.

Tạo điều kiện hệ thống các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn liên doanh, liên kết với các tour du lịch lớn nhằm giữ vai trò là điểm trung chuyển (điểm nghỉ) của huyện;

từng bước quy hoạch, giới thiệu quảng bá danh lam thắng cảnh của địa phương để kêu gọi đầu tư, khai thác khu du lịch sinh thái. Chủ động xây dựng và điều chỉnh trong công tác quy hoạch sử dụng đất, đô thị để tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân được thuận lợi tiếp cận đất đai, cơ sở hạ tầng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư xã hội hóa các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ thương mại - dịch vụ - du lịch.

Liên kết hợp tác với các địa phương trong tỉnh và khu vực có thể mạnh về du lịch trong việc xây dựng các tour, tuyến du lịch nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực ngành du lịch.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ hỗ trợ như: khách sạn, nhà hàng, thông tin liên lạc, văn hóa nghệ thuật, thể thao, hàng lưu niệm, ngân hàng, y tế và các dịch vụ khác,... tạo sức hấp dẫn mạnh với du khách.

Phát triển thương mại Điện Biên phải đảm bảo phát triển đồng bộ các cơ cấu ngành trên cơ sở khai thác các lợi thế so sánh và các nguồn lực được xã hội hóa; phát triển đồng bộ các cơ cấu ngành trên cơ sở khai thác các lợi thế so sánh và các nguồn lực được xã hội hóa; phát triển đồng bộ các hệ thống thị trường hàng hóa, bao gồm thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng, thị trường hàng vật tư, thị trường hàng nông sản, phát triển hài hòa giữa thị trường thành thị và nông thôn, phát triển hài hòa giữa thương mại truyền thống và hiện đại.

#### *4.4.2. Định hướng phát triển*

Phát triển hệ thống thị trường thương mại tập trung vào thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng, thị trường hàng tư liệu sản xuất, thị trường hàng nông sản và các dạng thị trường chung. Trong đó, tập trung vào phát triển hoạt động kinh doanh, dịch vụ thương mại bám sát hoạt động sản xuất hàng hóa ở các vùng sản xuất chuyên canh, xây mới, mở rộng và hoàn thiện mạng lưới chợ tại các trung tâm cụm xã, xã và khu vực tập trung đông dân cư, đặc biệt tại các khu vực huyện nghèo.

Phát triển các doanh nghiệp thương mại bán lẻ của các thành phần kinh tế theo những hình thái và quy mô thích hợp với từng loại thị trường, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại bán buôn của các thành phần kinh tế theo các hình thái như: các

loại công ty bán buôn, trung tâm bán buôn, HTX thu mua bán buôn và các đại lý uỷ quyền, doanh nghiệp nhượng quyền.

#### *4.4.3. Phương án phát triển không gian thương mại*

Mạng lưới chợ: Đến năm 2030, huyện có 14 chợ, trong đó có 1 chợ hạng II là chợ trung tâm thị trấn và 13 chợ hạng III. Giai đoạn 2021-2030, mở rộng chợ trung tâm thị trấn và xây dựng mới 11 chợ hạng III. Diện tích đất chợ đến năm 2030 là 4,36ha, tăng 3,65ha so với năm 2020.

Trung tâm thương mại, siêu thị: xây dựng 01 siêu thị hạng III tại thị trấn Điện Biên Đông.

Đầu tư nâng cấp hệ thống chợ, trung tâm thương mại tại khu vực thị trấn; khu vực cụm xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông.

Đầu tư khu thương mại, dịch vụ (nhà hàng, nhà nghỉ khách sạn, nơi nghỉ dưỡng) tại đỉnh núi Chóp Ly, xã Keo Lô.

#### **4.5. Định hướng Khoa học và công nghệ**

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển KT-XH Huyện Điện Biên Đông, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Ưu tiên ứng dụng một số công nghệ cao, công nghệ sạch vào sản xuất, nuôi trồng, chế biến nông, lâm sản, y dược.

Đẩy mạnh ứng dụng KHCN trong các ngành, lĩnh vực của Huyện Điện Biên Đông.

Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành các vườn ươm doanh nghiệp.

Phát triển thị trường KHCN, đổi mới công nghệ. Nghiên cứu tiếp cận, lựa chọn công nghệ phù hợp với đặc điểm sản xuất, trồng trọt, chế biến sản phẩm hàng hóa huyện.

Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0, tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của huyện. Xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi số trong các lĩnh vực, bước đầu phát triển kinh tế số.

Đổi mới hoạt động cơ quan nhà nước hỗ trợ Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn huyện; nâng cao chất lượng mẫu mã sản phẩm đặc thù của Huyện Điện Biên Đông.

Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX triển khai áp dụng hệ thống TCVN ISO, nâng cao năng lực chuyên môn cán bộ.

Đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHKT, KHCN, lựa chọn các tiến bộ KT phù hợp với điều kiện Huyện Điện Biên Đông.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị, tăng cường tiềm lực các Tổ chức KHCN, Doanh nghiệp KHCN, bố trí Cán bộ chuyên trách về KHCN.

## **5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### ***5.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật***

#### ***5.1.1. Định hướng cao độ nền xây dựng***

##### ***a. Mục tiêu của quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:***

- Lựa chọn các khu vực có quỹ đất thuận lợi để xây dựng mới kết hợp mở rộng các đô thị và điểm dân cư nông thôn hiện có.

- Khống chế các điều kiện kỹ thuật - bảo vệ đô thị và các điểm dân cư phù hợp với cấp loại, quy mô của từng đô thị, điểm dân cư.

- Đề xuất các giải pháp phòng tránh, giảm thiểu các tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường.

##### ***b. Giải pháp Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:***

#### ***Định hướng cao độ nền xây dựng***

##### ***Nguyên tắc chung:***

- Đối với vùng trung du và miền núi tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san tạo mặt bằng khi thật cần thiết. Tổ chức nền xây dựng theo dạng giạt cấp. Mạng lưới đường thiết kế bám theo địa hình với độ dốc dọc  $\leq 10\%$ .

- Phải bảo đảm an toàn cho các đô thị và các điểm dân cư, tần suất chống lũ phù hợp với cấp đô thị, tính chất khu vực xây dựng (tuân thủ QCVN 01:2021)

#### ***Định hướng nền xây dựng:***



- Giải pháp quy hoạch cao độ nền có thể là tôn nền vượt cao độ mực nước tính toán; có thể là dùng hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt và khống chế cao độ nền xây dựng cho các khu chức năng trong đô thị theo mực nước tính toán nội đồng.

- Cao độ khống chế nền xây dựng cho các đô thị cần phù hợp với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tiêu thủy lợi và hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt. Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng san lấp và hạn chế chiều cao đất đắp.

- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã xây dựng có mật độ xây dựng cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.

- Đối với các khu dân cư sống ven các dòng suối với độ dốc lớn, suối hẹp thường hay bị lũ quét cần phải di dời đến các khu tái định cư.

- Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư.  
 $H_{xdmin} > H_{mực\ nước\ max} + 0,3m$ .

- Lựa chọn cao độ nền xây dựng với  $h \geq 800m$ , giải pháp san lấp cục bộ trừ những công trình đặc thù, cân bằng đào đắp tại chỗ.

#### *5.1.2. Định hướng thoát nước mặt*

*Nguyên tắc chung:*

- Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương tiêu thủy lợi.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị chưa có hệ thống thoát nước, tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước tại các đô thị có hệ thống thoát nước mưa chưa hoàn chỉnh.

- Đối với các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung sẽ xây hệ thống thoát nước riêng.

- Các đô thị hiện hữu đang có hệ thống thoát chung, trong tương lai cần đầu tư xây dựng thành hệ thống riêng hoặc riêng hoàn toàn.

- Kết cấu là cống BTCT, mương xây nắp đan, mương xây hở tùy theo đặc điểm của từng đô thị và từng khu vực.

*Giải pháp thoát nước mưa:*

*\* Chỉ tiêu về hệ thống thoát nước:*

- Đô thị loại II: Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị  $4 \div 4,5$  km/km<sup>2</sup>.

- Đô thị loại IV: Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị  $3 \div 3,5$  km/km<sup>2</sup>.

- Đô thị loại V: Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị  $2,5 \div 3$  km/km<sup>2</sup>.

*\* Quy định về thu gom nước mưa:*

- Đô thị loại II: 100% đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa, tối thiểu 75% đường có hệ thống thoát nước mưa.

- Đô thị loại IV: 100% đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa, tối thiểu 60% đường có hệ thống thoát nước mưa.

- Đô thị loại V: 100% đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa, tối thiểu 50% đường có hệ thống thoát nước mưa.

*\* Hệ thống thoát nước mưa:*

Trong các khu phố cũ của các đô thị đang dùng hệ thống cống thoát nước chung, trong tương lai cần cải tạo thành hệ thống riêng hoặc nửa riêng. Các khu vực xây dựng mới đề xuất giải pháp tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước bẩn.

*\* Mạng lưới thoát nước mưa:*

- Chủ yếu thoát theo độ dốc địa hình tự nhiên, mạng lưới phân tán để giảm độ sâu chôn cống và giảm kích thước cống, phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích xây dựng đô thị, đảm bảo thoát nước nhanh cho các đô thị, không bị ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

- Tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa nước mưa và giảm chiều sâu chôn cống trước khi thoát ra các sông thoát nước chính cho đô thị.

- Hướng thoát nước mưa chính là thoát về suối Lư.

## ***5.2. Định hướng phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai***

### ***Tập trung thực hiện một số nhóm nhiệm vụ và giải pháp sau:***

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương;
- Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng chống sạt lở bờ sông bảo đảm chống lũ theo tiêu chuẩn thiết kế;
- Vận hành hồ chứa nước thượng nguồn phục vụ cấp nước; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, bảo đảm an toàn công trình;
- Triển khai công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, kết nối nguồn nước giữa các hồ chứa nước, bổ sung cấp nước cho các khu công nghiệp, khu canh tác cây công nghiệp, diện tích hoa màu, cây ăn quả tập trung, khu nuôi trồng thủy sản.
- Xây dựng 22 CT lợi lớn, phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
- Xây dựng kè chống sạt lở khu vực bản Suối Lư, xã Keo Lôm với chiều dài 1,2km.
- Xây dựng hồ chứa nước Na Pa Khoang xã Luân Giới để phục vụ du lịch và phát triển kinh tế.

### ***Giải pháp phi công trình phòng chống lũ giai đoạn 2021 - 2030***

Các biện pháp phi công trình được kết hợp một cách hài hoà với biện pháp công trình, hỗ trợ biện pháp công trình phát huy hiệu quả cao trong việc đối phó với lũ, lũ quét. Các biện pháp phi công trình bao gồm:

- Lắp đặt các trạm khí tượng thủy văn tự động tại thượng nguồn các sông suối lớn để lấy số liệu làm cơ sở cho công tác dự báo, cảnh báo lũ.
- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét: Từ kết quả nghiên cứu về nguyên nhân, cơ chế hình thành, vận động của lũ quét và khảo sát thực tế, cho phép lập được bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét (nguy cơ cao; nguy cơ trung bình và vùng ít có khả năng xảy ra lũ quét). Bản đồ này là một trong những căn cứ quan trọng để đề ra các biện pháp phòng tránh lũ quét.
- Chủ động theo dõi thông tin mưa, lũ, lụt và sự chỉ đạo của chính quyền qua đài phát thanh, truyền hình và hệ thống truyền thanh xã, phường.

### **5.3. Định hướng phát triển giao thông**

#### **5.3.1. Đường bộ**

##### **a. Đường cao tốc**

Quy hoạch tuyến Cao tốc Sơn La – Điện Biên kết nối từ tỉnh Sơn La đi cửa khẩu Tây Trang chạy qua huyện Điện Biên Đông đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 với quy mô 4 làn xe. Định hướng xây dựng trong giai đoạn sau năm 2030.

Tuy nhiên để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đề xuất xây dựng tuyến Điện Biên – Sơn La trong giai đoạn trước năm 2030 với quy mô tối thiểu cấp III, 2 làn xe phục vụ phát triển kinh tế xã hội và tạo tiền đề cho việc hoàn thiện tuyến cao tốc Điện Biên - Sơn La giai đoạn sau năm 2030 theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ sau năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt.

##### **b. Đường quốc lộ**

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường quốc lộ đi qua địa bàn huyện, nâng cao tính kết nối giao thông đối ngoại với các khu vực lân cận. Mở rộng quy mô, cấp đường quốc lộ theo định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó:

+ Quốc lộ 12: Là tuyến quốc lộ duy nhất chạy qua địa bàn huyện Điện Biên Đông. Nâng cấp, cải tạo đoạn tuyến đường đi qua địa bàn huyện đạt cấp III.mn, quy mô tối thiểu 2 làn xe. Tuyến đường cải tạo nâng cao kết nối 2 tỉnh Điện Biên và Sơn La với nhau, cùng với đó là kết nối khu vực cửa khẩu Tây Trang (kết nối Điện Biên với Lào).

##### **c. Đường Tỉnh**

Nâng cấp 4 tuyến đường tỉnh hiện trạng đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời quy hoạch bổ sung một tuyến đường tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đường tỉnh 141B: bắt đầu từ Mường Phăng (Điện Biên) đến Pu Nhi (Điện Biên Đông), định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

- Đường tỉnh 143: từ Noong Bua qua Pú Nhi đến Na Son, định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

- Đường tỉnh 143B: từ Pú Tiủ xã Thanh Xương Điện Biên đến Tỉa Ló xã Noong U Điện Biên Đông, định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

- Đường tỉnh 146: từ Búng Lao QL279 đến Na Son, định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

Quy hoạch 2 tuyến đường tỉnh xây dựng mới và nâng cấp từ đường huyện:

- Đường tỉnh 139: từ Mường Nhà - Pú Hồng - xã Phình Giàng - Phì Nhừ - Xa Dung, định hướng xây dựng toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn. Tuyến đường được nâng cấp từ đường huyện Phì Nhừ - Xa Dung (ĐH04), đường Phì Nhừ - Phình Giàng (ĐHĐBĐ06), đường TT xã Phình Giàng - Pú Hồng - Mường Nhà (ĐHĐBĐ07).

- Đường tỉnh 139B: từ Keo Lô - Sam Măn - Huổi Sa - TT xã Phình Giàng - TT xã Háng Lìa - TT xã Tỉa Đình - Sam Kha (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La), đây là tuyến đường tỉnh đối ngoại kết nối tỉnh Sơn La, định hướng xây dựng toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn. Tuyến đường được nâng cấp từ đường huyện TT xã Háng Lìa – TT xã Phình Giàng (ĐHĐBĐ10), đường ĐH11 TT xã Tỉa Đình - Sam Kha (H. Sốp Cộp, Sơn La), đường Keo lô - Sam Măn - Huổi Sa - TT xã Phình Giàng (ĐHĐBĐ12).

#### *d. Đường huyện*

Cải tạo, nâng cấp, kéo dài, xây dựng mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi – GTNT A, mặt đường cứng hóa 100%. Đối với các dự án đầu tư được duyệt xây dựng theo cấp VImn, đối với các tuyến mở mới do địa hình phức tạp mức đầu tư lớn nguồn vốn khó khăn thì đầu tư theo GTNTA. Một số tuyến đường huyện chính qua khu vực trung tâm các huyện xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp V.mn

#### *e. Đường giao thông nông thôn*

Nâng cấp, mở rộng, bê tông hóa hoặc nhựa hoá 100% hệ thống các tuyến đường đường xã. Đảm bảo các xã có đường giao thông đi lại thuận tiện trong 4 mùa. Nâng cấp các tuyến đường trục thôn xóm đạt tỷ lệ cứng hóa khoảng 90%, gắn liền với các tiêu chí phát triển xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

*Bến xe:* Quy hoạch hệ thống bến xe, điểm dừng đỗ giao thông đường bộ sẽ thiết lập được mạng lưới vận tải hành khách khoa học, hợp lý, tổ chức điều hành thuận tiện,

tạo điều kiện quản lý tốt phương tiện tham gia vận tải hành khách trên các tuyến nhằm phục vụ vận tải trên địa bàn huyện và toàn tỉnh.

Trên địa bàn huyện Điện Biên Đông Quy hoạch bến xe khách huyện Điện Biên Đông đạt quy mô loại 4, diện tích khoảng 3.000m<sup>2</sup>; quy hoạch bến xe khách tại xã Mường Luân, diện tích khoảng 3.000m<sup>2</sup>.

*f. Công trình logistics:*

Nhằm phát triển hệ thống luân chuyển hàng hoá trong huyện và giao thương hàng hoá với các tỉnh và các huyện trong khu vực, đề xuất xây dựng 01 trung tâm Logistics tại thị trấn Điện Biên Đông.

#### **5.4. Định hướng cấp nước**

##### *5.4.1. Tiêu chuẩn dùng nước – Nhu cầu dùng nước*

##### *a. Tiêu chuẩn dùng nước*

- Tiêu chuẩn cấp nước được lấy dựa theo quy chuẩn, tiêu chuẩn QCVN 01-2021 và TCXDVN 33-2006.

*Bảng 5: Bảng tiêu chuẩn dùng nước*

Đối tượng	Tiêu chuẩn cấp nước		Tỷ lệ cấp
	(l/ng.ngđ)		(%)
	Đợt đầu	Dài hạn	Dài hạn
Đô thị loại V			
+ Đô thị	100	120	100
+ Nông thôn	80	100	95
Công cộng (%) Qsh	10-20		
Công nghiệp (m <sup>3</sup> /ha.ngày)	Trên 20	Trên 20	

##### *b. Nhu cầu dùng nước huyện Điện Biên Đông*

- Nước cấp sinh hoạt khu vực nội thị: 100-120 l/ng.ngđ

*Bảng 6: Bảng tính toán nhu cầu cấp nước huyện Điện Biên Đông*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Dân số mới	Chỉ tiêu cấp nước	Đơn vị tính	Công suất(m <sup>3</sup> /ngđ)
8	Huyện Điện Biên Đông	V	86.039,00	120,00	l/người.ngđ	8.693,62
	Thị trấn Biên Đông	V	4.486,00	120,00	l/người.ngđ	538,32

	<i>Ngoại thị</i>		<i>81.553,00</i>	<i>100,00</i>	<i>l/người.ngđ</i>	<i>8.155,30</i>
I	Nước cấp sinh hoạt		Qsh			8.693,62
II	Nước công cộng		Qcc	10-20%		896,28
III	Nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp		Qcn			440,00
IV	Nước tưới cây, rửa đường		Qsh	10%		869,36
V	Nước dự phòng, rò rỉ		Q(I-IV)	15%		1.634,89
VI	Nước bản thân nhà máy		Q(I-V)	5%		626,71
VII	Nước cấp ngày trung bình		Qtb			13.160,86
VIII	Nước cấp ngày lớn nhất		Qngày max	K=1,2		15.793,03
<b>Làm tròn</b>						<b>15.800,00</b>

#### 5.4.2. Nguồn cấp

- Nguồn nước mặt: Huyện Điện Biên Đông thuộc lưu vực Sông Mã và có hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngắm... Các sông suối của Điện Biên Đông đều bắt nguồn từ các vùng núi cao nên hệ thống sông suối rất dốc có tiềm năng để phát triển thủy điện.

- Nước ngầm: Hiện nay, tài nguyên nước ngầm ở Điện Biên Đông chưa được đánh giá và khảo sát đầy đủ, song qua tài liệu đánh giá sơ bộ và tình hình khai thác phục vụ sinh hoạt của nhân dân cho thấy, trữ lượng nước ngầm ở các vùng thấp, vùng ven sông suối là khá dồi dào. Đặc biệt có nguồn nước khoáng tại bản Mường Luân, xã Mường Luân có chất lượng khá cao.

- Lựa chọn nguồn nước: Nhìn chung, nguồn cung cấp nước chủ yếu hiện nay của huyện là nước mặt. Mặt khác do tập quán sinh hoạt và sản xuất còn nhiều hạn chế gây ảnh hưởng đến chất lượng nước, cần phải xử lý làm sạch trước khi đưa vào sử dụng trong sinh hoạt. đồng thời cần bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn sinh thủy.

#### 5.4.3. Định hướng cấp nước

##### ➤ Phương án cấp nước

##### a. Phân vùng cấp nước

Do điều kiện địa hình của tỉnh Điện Biên tương đối phức tạp, chủ yếu là đồi núi, và bị chia cắt mạnh, dân cư phân bố lẻ tẻ gây khó khăn không nhỏ cho việc thiết kế hệ thống cấp nước liên vùng, liên huyện. Chính vì vậy, sẽ phân vùng cấp nước theo từng huyện, thị và thành phố. Với nguồn nước mặt chủ yếu khai thác từ 3 hệ thống lưu vực sông lớn như: Sông Đà, Sông Mã, và Sông Mê Kông với các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Bum, Nậm Pồ, Nậm Mực, Nậm Muôi, Nậm Húa, Suối Lư, Nậm Rón, Nậm Núa....

- Nguồn nước: Từ lưu vực Sông Mã với hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngắm...

- Cấp nước Đô thị: Định hướng giữ nguyên công suất nhà máy nước Điện Biên Đông với công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Cấp nước Nông thôn: Hệ thống cấp nước tập trung bao gồm hệ tự chảy, mố nước, máng lần lù, bể chứa...giếng đào hoặc từ sông, suối, hồ....

#### *b. Phương án cấp nước đô thị và nông thôn*

- *Cấp nước đô thị:*

- + Đối với các thị trấn đã có hệ thống cấp nước: Tiếp tục duy trì công suất NMN Điện Biên Đông hiện trạng với công suất: 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Nguồn nước Nậm Son.

- *Cấp nước nông thôn:*

Định hướng phân vùng các công trình cấp nước tập trung và Hệ thống cấp nước phân tán.

- \* Định hướng phân vùng các công trình cấp nước tập trung:

- + Lợi dụng điều kiện thiên nhiên cũng như nguồn nước sẵn có để xây dựng các công trình chứa nước như: Bể, hồ vại địa kỹ thuật, ao... xây dựng đường ống dẫn, đào giếng để tạo nguồn nước sinh hoạt cho vùng nông thôn miền núi..

- + Xây dựng các bể hoặc các túi đựng nước mưa theo các hộ hoặc cụm hộ gia đình (tùy theo điều kiện cụ thể bố trí cho hợp lý) để có đủ nước cấp theo tiêu chuẩn thiết kế.

- + Ở những vùng bằng phẳng, gần công trình thủy lợi, gần sông suối có nguồn nước thường xuyên có thể sử dụng hình thức cấp nước bằng bơm nước mặt, hoặc lấy nước từ kênh mương vào cấp cho các xóm.



+ Đối với huyện Điện Biên Đông dân cư sẽ sử dụng nguồn nước Từ lưu vực Sông Mã với hệ thống suối tương đối dày với các suối lớn như suối Lư, suối Sam Măn, suối Nậm Ngắm...

\* Hệ thống cấp nước phân tán:

+ Giếng khoan lắp bơm tay: Được sử dụng cho những nơi dân cư thưa thớt hoặc quy mô chỉ vài chục gia đình.

+ Giếng thu nước ngầm tầng nông: Thường được gọi là giếng đào hoặc giếng khơi. Loại giếng này có rất nhiều trong tỉnh. Tuy nhiên do xây dựng không đảm bảo, bảo quản còn sơ sài trong quá trình sử dụng nên nhiều giếng có chất lượng kém.

+ Lu chứa nước mưa: Được áp dụng ở quy mô hộ gia đình ở những nơi khó khăn hoặc không thể khai thác được nước ngầm và nước mặt về phương diện kỹ thuật hoặc kinh tế với thể tích là 2m<sup>3</sup>. Trong quá trình thu hứng nước mưa cần loại bỏ nước mưa đầu cơn vì chứa nhiều cặn bẩn

- Cấp nước khu, cụm công nghiệp:

+ Cấp nước các khu công nghiệp: Do đặc thù địa hình miền núi bị chia cắt nhiều nên các khu công nghiệp được cấp nước cục bộ, tùy theo nguồn nước từng khu vực để có những lựa chọn phù hợp. Dự kiến xây dựng mới các nhà máy nước tập trung cho từng khu công nghiệp. Những cụm công nghiệp gần thành phố, các thị trấn có thể lấy nước sinh hoạt và sản xuất từ trạm cấp nước tập trung của thành phố và các thị trấn.

+ Cấp nước các cụm công nghiệp: Các cụm công nghiệp trên địa bàn Huyện gần các khu đô thị dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung của các đô thị. Các cụm công nghiệp xa khu đô thị sẽ được các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp đầu tư hệ thống cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước ngầm hoặc nước mặt.

➤ *Giải pháp cấp nước*

*a. Bảo vệ nguồn nước:*

+ Khu vực bảo vệ cấp 1: Nghiêm cấm các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản, sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

+ Khu vực bảo vệ cấp 2: Nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường

- Khu vực bảo vệ nguồn nước ngầm: cần khai thác hợp lý và bảo vệ tránh nguồn nước bị suy thoái và ô nhiễm:

+ Khu vực nghiêm cấm xây dựng: với bán kính 50m tính từ tâm giếng cấm xây dựng các công trình không phải là công trình cấp nước.

+ Khu vực hạn chế xây dựng: với bán kính 300m tiếp theo tính từ vùng nghiêm cấm, các công trình xây dựng tại khu vực này cần có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, cấm xả nước thải ra môi trường để tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra các sông.

#### *b. Cấp nước sạch đô thị:*

- Đối với các đô thị cũ đã có nhà máy nước tiến hành cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước cũ và thay thế các đường ống cấp nước đã hỏng đảm bảo nguồn cấp ổn định và lâu dài.

- Đối với các đô thị chưa có nhà máy nước tiến hành xây dựng mới các nhà máy nước và mạng lưới cấp nước đồng bộ để đảm bảo cấp nước đến các hộ dân.

#### *c. Cấp nước sinh hoạt nông thôn:*

- Các công trình cấp nước tập trung kém hiệu quả và sử dụng nước ngầm bị hạn chế dự kiến bỏ các công trình này và thay thế bằng mạng lưới đường ống mới lấy nước từ các đô thị và từ các nguồn lớn đảm bảo.

### **5.5. Định hướng cấp điện**

#### *5.5.1. Dự báo nhu cầu phụ tải*

Dự báo nhu cầu phụ tải điện Huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2021-2030 thông qua 05 nhóm phụ tải chính gồm:

Phụ tải điện Quản lý và tiêu dùng dân cư: nhu cầu điện cho phụ tải này được tính theo định mức sử dụng điện W/người đến giai đoạn quy hoạch theo các khu vực diễn hình khác nhau đặc trưng cho mức độ sử dụng điện.(theo QCVN 01:2021/BXD)

Phụ tải điện Thương mại - Dịch vụ: nhu cầu điện cho phụ tải này được tính theo % nhu cầu phụ tải điện sinh hoạt. (theo QCVN 01:2021/BXD)

Phụ tải Công nghiệp - Xây dựng: Định mức điện tiêu thụ cho từng khu, cụm công nghiệp của tỉnh được tính theo chỉ tiêu từ 0,1 - 0,25MW/ha đất quy hoạch sản xuất. (theo QCVN 01:2021/BXD).

Phụ tải Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản: Đối với tỉnh Điện Biên nói chung và Huyện Điện Biên Đông nói riêng, phụ tải này chủ yếu là nhu cầu điện phục vụ bơm tưới các vùng chăn nuôi tập trung, vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày.

Phụ tải Hoạt động khác: Phụ tải này được dự báo cho nhu cầu rạp hát, nhà chiếu bóng, nhà văn hóa, triển lãm khu di tích lịch sử, vui chơi giải trí, sân bãi thể thao, trường học, bệnh viện, chiếu sáng công cộng, kho bãi, thông tin liên lạc,....

#### *5.5.2. Định hướng phát triển*

Các định hướng phát triển chính giai đoạn này gồm:

Đảm bảo khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về nguồn NLTT

Phát triển hạ tầng điện lực và NLTT theo lộ trình, gắn liền với tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

Phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả NLTT, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia nói chung và tỉnh Điện Biên nói riêng;

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ NLTT.

#### *5.5.3. Tiêu chí phát triển công trình đường dây và TBA 110KV-220KV*

##### *a. Cấu trúc lưới điện*

- Lưới điện truyền tải 110kV, 220kV được thiết kế mạch vòng hoặc được cấp điện từ 02 đường dây đến đảm bảo cung cấp điện an toàn ổn định cho các phụ tải, ngoài ra còn phải có độ dự phòng cho phát triển các năm tiếp theo;

- Các đường dây trên không xây dựng mới hoặc cải tạo sử dụng cột thép nhiều mạch để tiết kiệm đất. Có thể thiết kế đường dây 220kV và 110kV đi trên cùng một cột.

- Sử dụng dây dẫn loại TACSR và GZTACSR để giảm tổn thất và tăng khả năng mang tải từ 1,5-2 lần đối với ACSR truyền thống.

##### *b. Tiết diện dây dẫn*

- Lưới 110kV: Dây dẫn trên không có tiết diện  $\geq 240\text{mm}^2$  hoặc cáp ngầm tương đương.

- Lưới 220KV: Dây dẫn có tiết diện tối thiểu  $\geq 400\text{mm}^2$  hoặc dây phân pha có tổng tiết diện  $\geq 600\text{mm}^2$ , có dự phòng để phát triển cho giai đoạn kế tiếp.

*c. Lắp đặt MBA, trạm điện*

- Lắp đặt ít nhất 2 MBA/TBA (trong đó:CS tối thiểu 125MVA đối với MBA 220kV và từ 25-63MVA đối với MBA 110kV), mang tải từ (70-80) % CS định mức để đảm bảo hiệu suất cao nhất.

- Hệ số công suất yêu cầu phải đạt  $\geq 0,92$ .

*5.5.4. Quy hoạch các giai đoạn phát triển*

*a. Lưới điện cao thế 110kV-220kV*

- Xây mới TBA 110kV Điện Biên Đông công suất 1x16MVA trong giai đoạn 2021-2025; hoàn thành công suất 2x16MVA giai đoạn 2026-2030.

- Lắp đặt MBA 110kV của Nhà máy thủy điện Sông Mã 1 với công suất 2x25MVA và đấu nối lưới điện 110kV tỉnh.

- Lắp đặt MBA 110kV của Nhà máy thủy điện Sông Mã 2 với công suất 2x16MVA và đấu nối lưới điện 110kV tỉnh.

- Lắp đặt MBA 110kV của Nhà máy thủy điện Sông Mã 3 với công suất 2x16MVA và đấu nối lưới điện 110kV tỉnh.

- Xây dựng mới tuyến mạch đơn 110kV từ TBA 110kV Điện Biên 2 đi TBA 110kV Điện Biên Đông; chiều dài tuyến 28Km với tiết diện cáp AC 240.

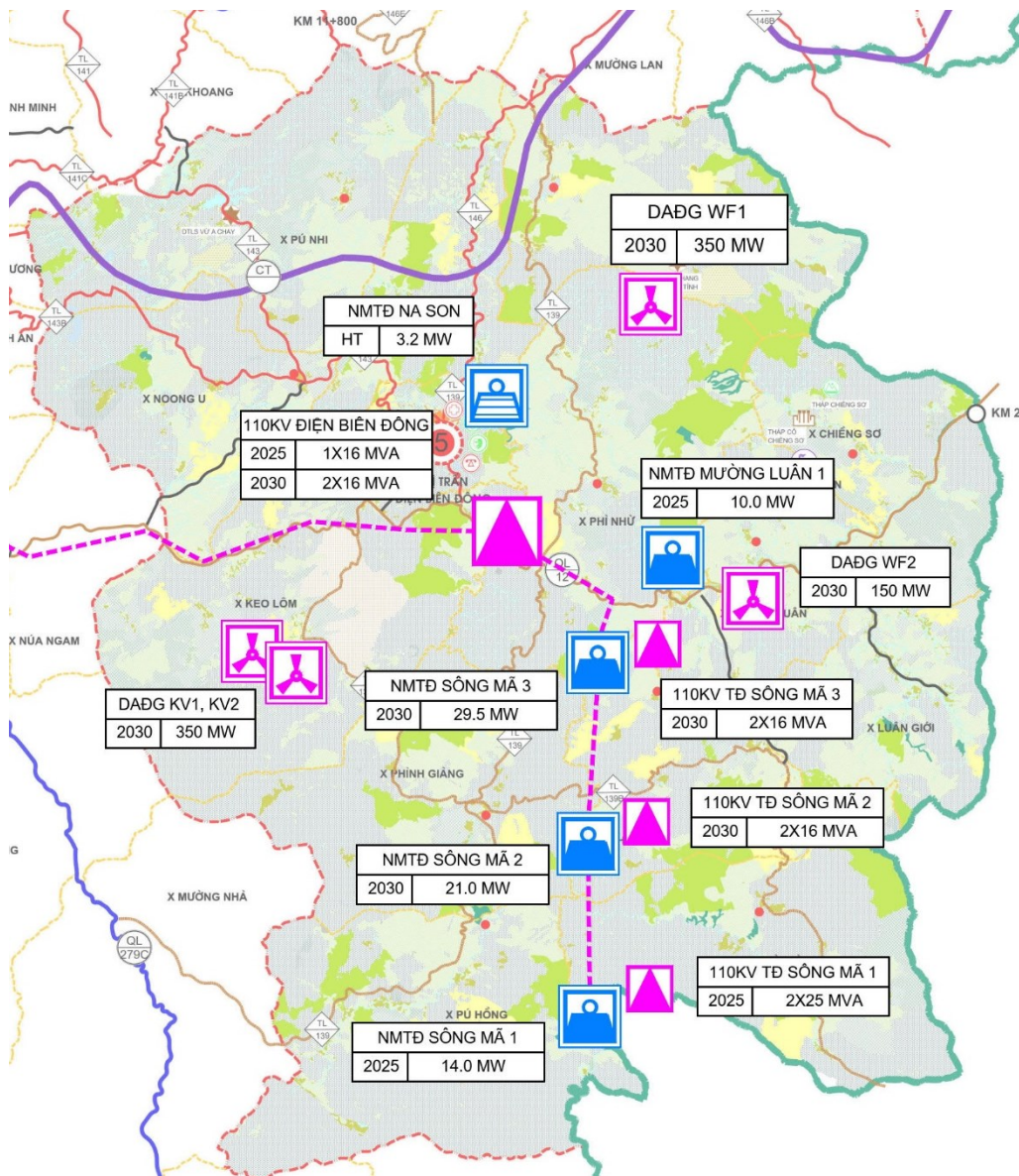
- Xây mới tuyến mạch đơn 110kV từ TBA 110kV Điện Biên Đông đi Nhà máy thủy điện Sông Mã 3; chiều dài tuyến 5.2Km với tiết diện cáp AC 240.

- Xây mới tuyến mạch đơn 110kV từ Nhà máy thủy điện Sông Mã 3 đi Nhà máy thủy điện Sông Mã 2; chiều dài tuyến 6.6Km với tiết diện cáp AC 240.

- Xây mới tuyến mạch đơn 110kV từ Nhà máy thủy điện Sông Mã 2 đi Nhà máy thủy điện Sông Mã 1; chiều dài tuyến 6.8Km với tiết diện cáp AC 240.

*b. Lưới điện trung thế*

- Tiếp tục duy trì và phát triển các cấp điện trung áp 22kV, 35kV theo kế hoạch của Cty Điện lực Điện Biên.



Hình 11: Định hướng phát triển cấp điện Huyện Điện Biên Đông

### c. Phát triển nguồn NLTT

Với lợi thế địa hình tự nhiên, kết quả nghiên cứu ở giai đoạn trước, Huyện Điện Biên Đông có tiềm năng lớn phát triển NLTT đặc biệt là thủy điện và điện gió.

- Nguồn Thủy điện: Đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 05 nhà máy thủy điện với tổng công suất 77,7MW, bao gồm:

+ Nhà máy thủy điện Na Son hiện trạng tiếp tục duy trì khai thác vận hành với công suất 3.2MW.

+ Hoàn thành, đưa vào vận hành 02 dự án thủy điện với tổng công suất 39.5MW gồm Nhà máy thủy điện Sông Mã 3 công suất 29.5MW và Nhà máy thủy điện Mường Luân 1 công suất 10MW.

+ Xây mới 02 dự án thủy điện với tổng công suất 35MW Nhà máy thủy điện Sông Mã 1 công suất 14MW và Nhà máy thủy điện Sông Mã 2 công suất 21MW.

- Nguồn Điện gió: Đến năm 2030 trên địa bàn huyện dự kiến có 04 dự án điện gió với tổng công suất 850MW (04 dự án đã có khảo sát dữ liệu gió, được Sở công thương tỉnh đề nghị bổ sung Quy hoạch điện VIII), bao gồm:

+ 02 Dự án điện gió KV1, KV2 với tổng công suất 350MW (điện gió KV1 175MW, điện gió KV2 175MW) tại xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông.

+ Dự án điện gió với tổng công suất 350MW tại xã Sa Dung, xã Phì Nhừ huyện Điện Biên Đông.

+ Dự án điện gió với tổng công suất 150MW tại xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông.

+ Phát triển Điện năng lượng mặt trời, điện gió (Đỉnh núi Keo Lôm, xã Keo Lôm); điện Năng lượng gió (Đỉnh núi Phì Nhừ, đỉnh núi Xa Dung).

## **5.6. Định hướng thông tin truyền thông**

### **5.6.1. Dự báo**

Nhu cầu toàn Huyện dự báo đến năm 2030 khoảng 36.000 thuê bao

Chuyển mạch: Nâng cấp trạm chuyển mạch mới cho toàn huyện với mục tiêu đáp ứng nhu cầu dự dụng trong tương lai.

+ Mạng ngoại vi:

- Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ.

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể tròn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Các công bề cáp và nắp bề đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

- Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp có đầu chống ẩm đi trong ống bề ngầm có tiết diện lõi dây phù hợp.

- Hệ thống thông tin liên lạc phải sử dụng công nghệ hiện đại, được thiết kế theo kiểu module, có cấu trúc gọn nhẹ, có khả năng đáp ứng việc thay đổi về tần số và công nghệ.

Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trục đường, nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị.

- + Mạng bưu chính: Do sự tăng trưởng về quy mô dân số và sự mở rộng của các đô thị mới đòi hỏi phải tăng thêm các điểm phục vụ bưu chính, cần xem xét quy hoạch các điểm phục vụ bưu chính gắn liền với sự mở rộng của các khu đô thị mới.

- + Mạng Internet: Mạng Internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Xây dựng các tuyến cáp từ trung tâm viễn thông Huyện đến các khu vực mới, đảm bảo cho tất cả các thuê bao được kết nối băng thông rộng. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

#### *5.6.2. Định hướng thông tin*

Quy hoạch định hướng chú ý nhiều hơn đến việc phát triển hạ tầng thông tin liên lạc theo hướng hội tụ, chia sẻ và dùng chung hạ tầng, sao cho đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng bộ, phù hợp với hạ tầng thông tin của tỉnh và các công trình khác, đảm bảo đủ hạ tầng cho các doanh nghiệp triển khai cung cấp dịch vụ.

Đối với các khu đô thị cũ: Thực hiện chỉnh trang lại hạ tầng thông tin liên lạc và sử dụng chung cơ sở hạ tầng. Cải tạo, điều chỉnh các trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) theo hướng các trạm BTS đa năng, thân thiện với môi trường phù hợp từng cảnh quan tại vị trí lắp đặt trong khu đô thị.

Đối với khu đô thị mới, các tuyến đường mở rộng: Yêu cầu đầu tư, xây dựng sẵn hạ tầng ngầm dùng chung cho hệ thống thông tin liên lạc đến tận nhà dân. Quy hoạch cần tính toán nhu cầu sử dụng của thuê bao di động, cố định, vị trí triển khai,

phát triển và nhân rộng mô hình xây dựng các trạm BTS dùng chung (biển quảng cáo, cột đèn, các khuôn hình trang trí, trạm hình cây phù hợp cảnh quan, thân thiện với môi trường, tại ngã ba ngã tư dùng hình cột đèn...), đa năng, thân thiện với môi trường tại các công viên, khuôn viên, khu trung tâm đô thị, trên nhà cao tầng phù hợp với cảnh quan trong các khu đô thị, đảm bảo mỹ quan đô thị mới.

Đối với trạm BTS: Sử dụng trạm hình cây phù hợp cảnh quan, thân thiện với môi trường. Tại ngã ba ngã tư dùng hình cột đèn. Dự kiến các vị trí xây dựng trạm BTS để đảm bảo khi sử dụng công nghệ 4G, 5G đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Định hướng quy hoạch bổ sung các trạm BTS đa năng thân thiện môi trường ở các công viên cây xanh công cộng với bán kính khoảng 300m/1 trạm.

## **5.7. Định hướng Thoát nước thải, Chất thải rắn, nghĩa trang**

### **5.7.1. Thoát nước thải**

#### **a. Chỉ tiêu Thoát nước thải**

*Bảng 7: Bảng chỉ tiêu thoát nước thải và thu gom xử lý nước thải*

TT	Phân loại đô thị	Tiêu chuẩn	Tỷ lệ cấp nước	Tiêu chuẩn thoát nước lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải
1	Đô thị loại 5				
	- Nội thị	120 lít/người.ngđ	100%	120 lít/người.ngđ	100%
	- Ngoại thị	100 lít/người.ngđ	90%	100 lít/người.ngđ	90%
2	Khu công nghiệp	45 m <sup>3</sup> /ha.ngđ	70% diện tích	45 m <sup>3</sup> /ha.ngđ	100%
3	Cụm công nghiệp	22 m <sup>3</sup> /ha.ngđ	60% diện tích	22 m <sup>3</sup> /ha.ngđ	100%
4	Dịch vụ công cộng	10-20% Q <sub>sh</sub>		10-20% Q <sub>sh</sub>	

#### **b. Quan điểm quy hoạch:**

##### **+ Nước thải sinh hoạt đô thị:**

Sẽ xây dựng các khu xử lý nước thải riêng cho từng đô thị, mỗi đô thị hình thức xử lý có thể xây dựng tập trung hoặc xử lý phân tán phụ thuộc vào vị trí và điều kiện địa hình để áp dụng.

- Các đô thị cũ: Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước hỗn hợp

+ Đối với các khu vực đô thị cũ đã có hệ thống thoát nước chung, sẽ xây dựng



hệ thống cống bao tách nước thải đưa về các nhà máy xử lý để làm sạch đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Đối với các khu vực đô thị xây dựng mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

- Các đô thị mới: Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa

Việc xác định cụ thể hình thức xử lý, quy mô, vị trí các khu xử lý trong từng đô thị phụ thuộc phần lớn vào địa hình, điều kiện kinh tế của các đô thị đó và sẽ được cụ thể hóa trong đồ án quy hoạch chung xây dựng của từng đô thị.

Công nghệ xử lý nước thải cho từng đô thị cũng sẽ khác nhau, ưu tiên sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại cho các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị lớn như thành phố, thị xã, còn với các đô thị nhỏ như thị trấn, thị tứ có thể sử dụng phương pháp xử lý sinh học tự nhiên bằng hồ sinh học, cánh đồng tưới, cánh đồng lọc...).

Nước thải sinh hoạt của từng đô thị phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 7222-2002 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

*c. Dự báo về phát sinh thoát nước thải sinh hoạt:*

Lưu lượng Thoát nước thải trên địa bàn huyện Điện Biên Đông đến năm 2030 là :

- Nước thải sinh hoạt sinh hoạt, công cộng khoảng: 11.500 m<sup>3</sup>/ngàyđêm
- Nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng: 528 m<sup>3</sup>/ngàyđêm

*d. Giải pháp quy hoạch:*

Khu vực đô thị huyện Điện Biên Đông

+ Thực hiện theo dự án, nước thải tại khu vực trung tâm huyện sẽ được thu gom chung cùng mạng lưới thoát nước mưa, sau đó qua hệ thống cống bao và giếng tách để tách riêng nước thải, mạng lưới cống bao. Các trạm bơm đặt ở những vị trí thích hợp để bơm nước thải về nhà máy xử lý được nhanh và an toàn nhất.

Sẽ bố trí trạm xử lý tập trung và phân tán phù hợp với vị trí và điều kiện tự nhiên địa hình.

Khu vực nông thôn:

- Các cụm dân cư sống tập trung, xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó theo hệ thống cống chung về các giếng tách nước thải, nước thải sẽ được xử lý tại các trạm làm sạch công suất nhỏ bằng các phương pháp hóa học hoặc sinh học tự nhiên tận dụng các ao hồ, bãi trồng cây...

- Các hộ dân sống phân tán, rải rác kiểu nhà vườn thì khuyến khích, hỗ trợ sử dụng xí tự hoại, bể phốt 3-4 ngăn hợp vệ sinh. Giai đoạn sau có thể xử lý nước thải theo cụm phân tán nhỏ sử dụng các hình thức xử lý làm sạch tự nhiên bằng giếng thấm, bãi lọc trồng cây....

- Khu vực các trại chăn nuôi gia súc lớn: sẽ sử dụng hầm biogas để xử lý phân, nước thải, đồng thời tận dụng khí đốt cho sinh hoạt.

### 5.7.2. Quản lý chất thải rắn

#### a. Chỉ tiêu chất thải rắn:

*Bảng 8: Bảng tổng hợp diện tích phân bổ đến thị trấn và các xã*

Loại đô thị	Lượng rác thải phát sinh (kg/người/ngày)	Tỷ lệ thu gom
Đặc biệt. Loại I	1,3	100%
Loại II	1,0	≥ 95%
Loại III, IV	0,9	≥ 90%
Loại V	0,8	≥ 85%
Khu công nghiệp	tối thiểu 0,3 (tấn/ha)	

#### b. Mục tiêu

*Giai đoạn 2020 đến năm 2025.*

- 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 95% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và 100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 80% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

(Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030).

*Giai đoạn sau 2025 đến năm 2030.*

- 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh được thu gom và xử lý.

- 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

(Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030).

- Dự báo tổng khối lượng CTR phát sinh, xác định phương thức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn; xác định các cơ sở xử lý chất thải rắn và phạm vi phục vụ đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn cho toàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn, phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm thiểu tối đa khối lượng chất thải phải chôn lấp.

*c. Dự báo về nguồn và khối lượng chất thải đến năm 2030.*

Khối lượng CTR trên địa bàn huyện Điện Biên Đông đến năm 2030 là :

- CTR sinh hoạt khoảng: 75,89 tấn/ngày.

- CTR công nghiệp khoảng: 6,0 tấn/ngày.

*d. Định hướng khu xử lý CTR tập trung của huyện*

- Rác thải của huyện Điện Biên Đông được thu gom và vận chuyển về khu xử lý thị trấn Điện Biên Đông (Bản Pá Chả, thị trấn Điện Biên Đông). Xử lý CTRSH; CTRCN thông thường TT.Điện Biên Đông và các xã phụ cận h.Điện Biên Đông với công nghệ xử lý Thu hồi thành phần có khả năng tái chế; Đốt, CTRSH quy mô nhỏ; Chế biến phân hữu cơ quy mô nhỏ; Chôn lấp hợp vệ sinh

- CTR y tế của các trạm y tế, phòng khám, bệnh viện tuyến huyện... được thu

gom và đưa về hệ thống xử lý CTR y tế của bệnh viện đa khoa của huyện

### 5.7.3. Nghĩa trang

#### a. Chỉ tiêu đất nghĩa trang

*Bảng 9: Phân cấp nghĩa trang theo qui mô đất đai và loại đô thị*

<b>Cấp nghĩa trang</b>	<b>Quy mô đất (ha)</b>	<b>Loại đô thị phục vụ</b>
Cấp I	> 60	Loại đặc biệt; loại I
Cấp II	> 30, 60	Loại II
Cấp III	10, 30	Loại III
Cấp IV		Loại IV; loại V

*Bảng 10: Bảng các chỉ tiêu an táng theo cấp nghĩa trang*

<b>Cấp nghĩa trang</b>	<b>Tỷ lệ đất an táng/diện tích tổng thể nghĩa trang (%)</b>	
	<b>Đất an táng mộ phần</b>	<b>Đất giao thông cây xanh, tâm linh và công trình phụ trợ</b>
Cấp I	45; 50	55; 50
Cấp II	>50; 55	>50; 45
Cấp III	>55; 60	>45; 40
Cấp IV	>60; 70	>40; 30

#### b. Mục tiêu:

Mục tiêu đến năm 2030

- Xây dựng nghĩa trang đáp ứng được đến năm 2030
- Xây dựng nghĩa trang thành công viên nghĩa trang, trong đó có những yếu tố mang tính tưởng niệm, tạo không gian tưởng nhớ đến người đã khuất với môi trường tự nhiên và không gian yên tĩnh.
- Đóng cửa, di dời các nghĩa địa vào nghĩa trang tập trung; quy hoạch chỉnh trang tôn tạo cảnh quan các nghĩa địa tại các xã, phường trên toàn tỉnh. Xác định vị trí và quy mô các nghĩa địa cần đóng cửa, di chuyển hoặc quy hoạch cải tạo mở rộng thành nghĩa trang tập trung tại các xã vùng nông thôn còn lại trên địa bàn
- Xét về mặt vệ sinh môi trường và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về diện tích táng do sự gia tăng dân số, cần tăng tỷ lệ hỏa táng.

#### c. Định hướng quy hoạch

Giai đoạn đến năm 2030, dự kiến xây dựng nghĩa trang tập trung diện tích khoảng 10 ha phục vụ cho huyện Điện Biên Đông

Huyện Điện Biên Đông đến năm 2030 Bố trí quy hoạch 1 nhà tang lễ.

Áp dụng công nghệ táng hiện đại cho nghĩa trang quy hoạch mới tại huyện.

Nghĩa trang nông thôn

- Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với qui mô dự kiến 5 – 10 ha.

Mỗi thị trấn huyện lỵ dự kiến quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng (nếu hai hoặc nhiều đô thị gần nhau thì sử dụng chung một nghĩa trang). Công nghệ táng là mai táng phù hợp (hung táng, cát táng).

Ngoài ra, tại khu vực nông thôn, mỗi xã có quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng, tuân thủ theo quy hoạch xây dựng nông thôn đã phê duyệt.

### **PHẦN THỨ 3: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

#### **1. Các giải pháp thực hiện**

##### ***1.1. Giải pháp đột phá***

- Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về thuế; tăng cường đôn đốc và thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu thuế trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ bản, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục tranh thủ nguồn lực của Trung ương, Tỉnh hỗ trợ ưu tiên đầu tư trước các dự án cấp thiết tạo bứt phá cho huyện.

- Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh, người trong độ tuổi lao động để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghiệp cho huyện nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, chế biến, xây dựng, năng lượng, nông nghiệp, công nghệ thông tin

- Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới căn bản và toàn diện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung.

##### ***1.2. Giải pháp về phát triển kinh tế***

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải bám sát nội dung các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Điện Biên Đông đến năm 2030, quy hoạch phát triển ngành, vùng sản xuất, khu dân cư, khu đô thị, gắn với chương trình dự án xúc tiến đầu tư và xây dựng lộ trình đầu tư... tạo điều kiện tối đa theo thẩm quyền để quản lý tốt quy hoạch, thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tiếp tục duy trì diện tích cây lúa nước, cây ngô, cây lúa nương và một số loại cây trồng khác đảm bảo ổn định an ninh lương thực; tăng cường các hoạt động khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng vào sản xuất; đẩy mạnh tiến độ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và đề án “chương trình mỗi xã một sản phẩm”. Giữ vững diện tích sản xuất nông nghiệp hiện có, nhất là diện tích cây lúa nước. Tiếp tục khai hoang, mở rộng diện tích lúa nước ở những khu vực được đầu tư công trình thủy lợi. Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng để có biện pháp phòng, chống dịch kịp thời.

- Từng bước đưa khoa học kỹ thuật vào phát triển đàn gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại, kết hợp với các mô hình kinh tế hộ gia đình; quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi; quan tâm đến công tác thú y, tăng cường các biện pháp phòng, chống các loại bệnh, dịch gây hại đối với đàn gia súc, gia cầm. Tận dụng diện tích đất bỏ hoang và đất sản xuất nương rẫy kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ cho phát triển chăn nuôi gia súc. Tập trung nguồn lực để phát triển chăn nuôi trâu, bò, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập cho người dân.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có để nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững trên cơ sở thực hiện quy hoạch 3 loại rừng, kết hợp hài hòa giữa sản xuất lâm nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp. Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có (Phân đầu đến năm 2030, 100% diện tích rừng hiện có được giao cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư quản lý, được giao khoán bảo vệ, được hưởng dịch vụ môi trường rừng); đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, trồng mới rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy hoạch; Kêu gọi và tạo mọi điều kiện để các nhà đầu

tư, đầu tư vào trồng cây Mắc ca và các loại cây trồng khác để tăng độ che phủ rừng, giữ nguồn nước và tạo công việc làm cho người lao động.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch kinh tế đúng định hướng; tranh thủ sự hỗ trợ và quan tâm của các cấp, các ngành; phát huy các thành phần kinh tế, huy động các nguồn lực sẵn có và nguồn lực bên ngoài để thực hiện các chương trình dự án đúng theo quy hoạch của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến; kịp thời tổng kết kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình làm kinh tế giỏi và có hiệu quả; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

- Huy động và quản lý tốt các nguồn vốn đầu tư; có giải pháp thu hút nhiều nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước, nhất là vốn trong doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh theo phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”; thực hiện các biện pháp thu hút, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế đến đầu tư trong huyện; chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh trong công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính.

+ Khai thác tối đa các nguồn vốn, hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đầu tư cho phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng (năng lượng, giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hóa...) các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tạo thêm nguồn thu từ quỹ đất ở địa phương.

+ Phối hợp cùng các ngành đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng để các thành phần kinh tế tiếp cận với các nguồn vốn dễ dàng, thuận lợi đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất, kinh doanh; triển khai các chính sách tín dụng nhà nước cho các doanh nghiệp có dự án thuộc các đối tượng hỗ trợ theo quy định.

+ Bám sát danh mục dự án kêu gọi vận động đầu tư của tỉnh để đầu tư các dự án có quy mô lớn thuộc các nhóm ngành năng lượng, du lịch, công nghiệp, khu đô thị, giáo dục, y tế; tranh thủ vốn tài trợ ODA đầu tư kết cấu hạ tầng.

### ***1.3. Giải pháp phát triển văn hoá – xã hội***

- Chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, nhằm phát triển văn hóa gắn giữ gìn bản sắc văn hóa vùng miền trong huyện; chú trọng xây dựng con người mới, phát triển văn hóa, văn nghệ theo định hướng Nghị quyết Trung ương và văn kiện Đại hội của Đảng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, tạo môi trường thân thiện với tự nhiên và sản phẩm sạch, an toàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển giáo dục – đào tạo, nhất là đào tạo nguồn lao động có tay nghề phục vụ các dự án lớn trên địa bàn.

- Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách an sinh xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Huy động tối đa học sinh trong độ tuổi đến trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Duy trì, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện; nâng cao tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực về giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao theo hướng “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; ưu tiên kêu gọi đầu tư các lĩnh vực xã hội bức xúc, nhất là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí.

#### ***1.4. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực***

##### ***1.4.1. Đào tạo nguồn nhân lực***

- Xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt.

- Nâng cao năng lực và cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp có chức năng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường.



- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất ở địa phương.

#### *1.4.2. Huy động các nguồn lực trong xã hội và cho phát triển nhân lực*

- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại doanh nghiệp, ngân sách tỉnh và huyện sẽ hỗ trợ một phần kinh phí. Tạo sự liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, các cơ quan tư vấn về phát triển kinh tế - kỹ thuật công nghệ, các doanh nghiệp với các trường đại học, các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật để hỗ trợ nhau trong vấn đề đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực có hiệu quả nhất.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, đào tạo nghề nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục, đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhân lực của huyện, trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động, trang bị kiến thức nhằm thay đổi tư duy kinh tế, tác phong công nghiệp cho người lao động.

- Để đảm bảo nhu cầu vốn cho phát triển nhân lực trong xã hội, cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn FDI, hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua xã hội hoá để thực hiện các dự án cho phát triển nhân lực.

#### *1.4.3. Đãi ngộ và thu hút nhân tài*

- Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh đã chuyển từ cạnh tranh giá cả sang cạnh tranh chất lượng, và điều này có nghĩa là chất lượng của nguồn nhân lực là lợi thế quan trọng hàng đầu để nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, huyện cần nỗ lực tập trung phát triển nhân lực của mình. Trong số các giải pháp thì phát triển giáo dục và đào tạo được coi là quan trọng nhất. Đây là ngành dịch vụ có tác động trực tiếp

đến phát triển nhân lực. Thật vậy, thực tế đã chứng minh hoạt động kinh doanh kém hiệu quả do người thuê lao động không thể tìm được lao động có chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Do đó bên cạnh chính sách đào tạo nguồn nhân lực thì chính sách thu hút người tài sẽ nhanh chóng cải thiện tình hình thiếu nhân lực cấp cao hiện tại.

- Có chính sách thoả đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện xây dựng và phát triển kinh tế. Ngoài cơ chế chính sách trực tiếp đối với cán bộ, chuyên gia giỏi, cần có các chính sách khuyến khích ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình) để cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác. Trước mắt, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ thuê các doanh nhân giỏi về tỉnh quản lý các doanh nghiệp.

- Huyện cần có chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các loại phụ cấp bằng tiền khác cho những chuyên gia, nhân tài về huyện công tác.

- Có cơ chế, chính sách đãi ngộ khác như: bổ nhiệm vào vị trí phù hợp với năng lực chuyên môn; giao các nhiệm vụ quan trọng để họ phát huy khả năng vốn có; cấp đất làm nhà ở, bố trí phương tiện đi lại...

### ***1.5. Lao động ngành***

#### ***1.5.1. Các nội dung cần tập trung***

Lao động các ngành của huyện Điện Biên Đông hiện nay có chất lượng chưa cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo, sử dụng được ngoại ngữ còn thấp so với các tỉnh lân cận.

Về số lượng:

- + Tăng nhanh lượng lao động các ngành kinh tế trọng điểm, bao gồm cả lao động trực tiếp và gián tiếp.

- + Đào tạo được đội ngũ lao động chuyên ngành với trình độ cao

- Về chất lượng:

- + Tăng khả năng sử dụng ngoại ngữ cho nguồn lao động

- + Trang bị các kiến thức cứu hộ cứu nạn cho lực lượng lao động trong các loại hình sản phẩm các ngành kinh tế chính

- Nâng cao nghiệp vụ

### *1.5.2. Các giải pháp phát triển*

#### *a. Giải pháp nâng cao chất lượng lao động*

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn lao động không báo trước, nhanh chóng đưa ra các yêu cầu và hỗ trợ về đào tạo đối với nhóm lao động chưa đạt tiêu chuẩn.

- Các đơn vị kinh doanh, doanh nghiệp, ... đưa ra các giải thưởng và các cơ chế lương, hỗ trợ hấp dẫn riêng đối với nhóm lao động biết ngoại ngữ, từ đó khuyến khích nhóm lao động trẻ và lao động đang có đầu tư trang bị các kiến thức về ngoại ngữ.

- Liên kết với các đơn vị đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh tổ chức các hội thảo, các cuộc thi, các buổi đào tạo ngắn về ngoại ngữ chuyên ngành.

#### *b. Giáo dục cộng đồng*

- Giáo dục cộng đồng áp dụng cho các cộng đồng địa phương hoặc lao động gián tiếp, với mục đích xây dựng điểm đến thân thiện và con người mến khách cho tỉnh Điện Biên

- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch và sản phẩm các ngành của tỉnh Điện Biên tới mọi người dân trong huyện, phổ biến các quy tắc ứng xử giúp đỡ khách du lịch tới mọi đối tượng dân cư.

### *1.5.3. Cơ chế chính sách*

- **Nâng cao năng lực bộ máy nhà nước:** Trong xu thế hội nhập quốc tế, sự cạnh tranh sẽ diễn ra ngày một gay gắt hơn, vì vậy cần gấp rút kiện toàn và nâng cao năng lực của tổ chức bộ máy hành chính, các cơ quan, ban ngành trong huyện có đủ khả năng và trình độ để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong chiến lược phát triển KT – XH của huyện.

Các cấp lãnh đạo, các ngành, cán bộ, chuyên viên cần nghiên cứu kỹ Luật Đầu Tư, Luật Doanh Nghiệp năm 2005 và các nghị định hướng dẫn thi hành, các cam kết WTO của Việt Nam để hướng dẫn các doanh nghiệp và nhân dân cùng thực hiện.

- **Tích cực thực hiện cải cách hành chính:** Tích cực thực hiện cải cách hành chính và nâng cao năng lực và hoạt động của bộ máy hành chính của huyện.

Thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của nhân dân, doanh nghiệp, nhanh gọn, chính xác, đúng luật. Thực hiện phương thức 1 dấu, một cửa. Phát triển dịch vụ hành chính công theo hình thức trọn gói..v.v...

**- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách kinh tế nhiều thành phần:**

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, đối xử bình đẳng, công bằng đối với tất cả các thành phần kinh tế tham gia bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dưới mọi hình thức. Thực hiện khuyến khích ưu đãi đầu tư cho các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo luật quy định như miễn giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức, vay vốn ưu đãi, tiền thuê đất giá rẻ...

Thực hiện tốt luật hợp tác xã sửa đổi nhằm phát triển về số lượng và chất lượng HTX, hoạt động có hiệu quả trong điều kiện hội nhập quốc tế.

**- Tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện có hiệu quả**

Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế cùng phát huy hiệu quả hoạt động, với phương châm chống độc quyền, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển theo định hướng của nhà nước. Phát triển kinh tế HTX để nâng cao sức mạnh của từng cá nhân, và tập thể. Khuyến khích thành phần kinh tế cá nhân phát triển nhằm phát huy tổng lực xã hội vào phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế hộ gia đình, thúc đẩy mô hình kinh tế trang trại hoặc các mô hình hợp tác công - nông nghiệp phát triển nhằm nhanh chóng đạt được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tạo mọi điều kiện cho công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty mẹ, công ty con nằm trên địa bàn huyện hoạt động tốt, phát triển mạnh về số lượng, chất lượng và quy mô...

Tạo mối liên kết có hiệu quả giữa tiến bộ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung ứng vốn - vật tư, sản xuất công nghiệp, nhất là CN chế biến, sản xuất nông nghiệp, phân phối lưu thông hàng hoá và đặc biệt là thu mua tiêu thụ sản phẩm để tạo đầu ra thông thoáng cho sản xuất phát triển.

Tổ chức tốt địa bàn lãnh thổ: tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức các đơn vị hành chính trên địa bàn huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

**- Thực hiện tốt các chính sách Nhà nước về phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực**

Thực hiện đầy đủ và sáng tạo các chủ trương và chính sách Nhà nước về ưu đãi đầu tư trong nước và nước ngoài theo Luật Đầu Tư, Luật Doanh Nghiệp mới năm 2005, nhằm tạo sự hấp dẫn đặc biệt để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn huyện và thu hút các nhà đầu tư bên ngoài đầu tư vào huyện

Không hình sự hoá các quan hệ dân sự và quan hệ kinh tế. Xử phạt nghiêm các hành vi buôn lậu, trốn thuế, làm và lưu thông hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm tạo sự công bằng trong giới kinh doanh. Các chính sách thuế khoán phải ổn định, hợp lý, trên cơ sở giảm nhẹ dần nhằm khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân yên tâm, phấn khởi tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh.

Giữ vững an ninh quốc phòng, nhằm đảm bảo cho sản xuất phát triển.

**- Chính sách phát triển nguồn nhân lực:** Tiến hành sắp xếp lại sản xuất trên địa bàn, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm giải quyết việc làm và tăng số lượng lao động tham gia trong các ngành kinh tế. Khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ người lao động. Phát triển các cơ sở dạy nghề và có chính sách thu hút lực lượng lao động về địa phương.

Để thực hiện thành công và hiệu quả các mục tiêu phát triển KT-XH của huyện từ nay đến năm 2030, điều kiện hết sức quan trọng là cần phải có một nguồn nhân lực có đầy đủ năng lực và trình độ. Vì vậy, huyện cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng yêu cầu ngay từ bây giờ. Đồng thời, phát triển mạnh việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn.

Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí trong huyện:

+ Phối hợp với trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Doanh nghiệp nhỏ và vừa của TW, của tỉnh để hỗ trợ các vấn đề doanh nghiệp yêu cầu về kỹ thuật công nghệ cũng như tập huấn về luật đầu tư, luật doanh nghiệp mới, các nghị định thi hành, bồi dưỡng về

quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược sản phẩm, thương hiệu, xúc tiến thương mại, đàm phán, ký kết hợp đồng .v.v... Đây là khâu hết sức quan trọng vì hiện nay Việt Nam đã gia nhập WTO, các doanh nghiệp phải nghiêm túc thực hiện các cam kết của Việt Nam và phải am hiểu thị trường thế giới để có các giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh mới có cơ may tồn tại và phát triển.

+ Tổ chức các trung tâm học tập công đồng, tăng cường các lớp huấn luyện các ngành nghề, khoa học, ứng dụng công nghệ mới cho nông dân, lao động CN-TTCN, thương mại dịch vụ, du lịch...

+ Tăng cường việc đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động của huyện bằng nhiều hình thức như liên kết với các trường đào tạo tại chỗ, gửi đi học tại các trường ở tỉnh, ở Hà Nội,...

+ Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin về kinh tế, khoa học - kỹ thuật...

Có chính sách đãi ngộ các nhà quản lý giỏi, các cán bộ, chuyên gia khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao ... để thu hút nguồn nhân lực.

Khuyến khích phát triển các trung tâm tư vấn tìm kiếm việc làm để huy động nguồn lao động xã hội trong huyện một cách hiệu quả nhất.

### ***1.6. Giải pháp nâng cao trình độ khoa học công nghệ***

Khoa học - công nghệ là chìa khoá cho tiến trình CNH-HĐH trên địa bàn huyện. Để đạt được mục đích đó, huyện Điện Biên Đông cần tăng cường việc ứng dụng KH-CN vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Trong nông nghiệp, ứng dụng các loại giống mới có năng suất chất lượng cao, khả năng chịu đựng tốt, thích ứng với điều kiện sinh thái của huyện. Kỹ thuật chăm sóc cây, con, công nghệ sơ chế và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Trong công nghiệp, ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất, chế biến các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập các tri thức về KHCN trong nhân dân thông qua việc thực hiện tốt các chương trình khuyến công, khuyến thương, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến dịch vụ. Các chương trình bồi dưỡng KHCN cho các doanh

ng nghiệp, các chương trình huấn luyện KHKT, khoa học thường thức ngắn hạn cho công nhân và nông dân...

Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới như: Được vay vốn với lãi suất ưu đãi, miễn giảm thuế cho các sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất bằng công nghệ mới.

Có chính sách khuyến khích các hình thức hoạt động chuyển giao, tư vấn KHCN vào sản xuất kinh doanh đối với cơ quan, cá nhân nghiên cứu KHCN và các dịch vụ này được miễn hoặc giảm thuế. Khuyến khích cán bộ KHCN tham gia các chương trình nghiên cứu, làm tư vấn, làm cộng tác viên cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ Phát triển mạnh hệ thống dịch vụ nông nghiệp trong huyện, kết hợp với sự trợ giúp của cơ quan khuyến nông tỉnh, để tổ chức trình diễn và chuyển giao các loại giống cây trồng vật nuôi và công nghệ mới cho hộ nông dân. Tổ chức tốt hệ thống dịch vụ thú y để phòng và nhanh chóng dập tắt các nạn dịch bệnh.

+ Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ thích hợp để phát triển TTCN và các sản phẩm làng nghề nhằm nâng cao hiệu quả và cải tiến mẫu mã. Trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch như: hệ thống sấy, hệ thống kho tàng, công nghệ bảo quản, sơ chế, chế biến các loại sản phẩm nông nghiệp như lúa, ngô, đậu đỗ, rau quả, trái cây... nhằm giảm tối đa tổn thất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, tạo đầu ra ổn định cho sản xuất, đáp ứng yêu cầu phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là tại các cơ quan khuyến nông, khuyến công, khuyến thương... có chính sách thu hút lực lượng cán bộ, chuyên gia khoa học - kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao, trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

### ***1.7. Giải pháp mở rộng thị trường***

Tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Coi trọng cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, cả thị trường truyền thống và thị trường mới. Tăng cường công tác thông tin kinh tế, thị trường, sản phẩm, giá cả.

Phòng Công thương làm tốt công tác thông tin kinh tế, nghiên cứu thị trường của huyện và chính sách phát triển thị trường đối với từng loại sản phẩm, hàng hoá.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh du lịch, thương mại, cung ứng vật tư, phân bón, nguyên liệu, máy móc, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất cũng như tiêu dùng trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác thông tin kinh tế, thị trường, sản phẩm, giá cả để các tổ chức kinh tế, người sản xuất nắm bắt kịp thời có kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu thị trường, chủ động xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa các khâu trong quá trình sản xuất, nhất là từ khi cung ứng nguyên liệu, vật tư kỹ thuật, tổ chức sản xuất cho đến khi tiêu thụ sản phẩm. Như vậy thương nghiệp huyện cần được sắp xếp, tổ chức, quản lý và phát triển theo hướng gắn kết chặt chẽ với người sản xuất, hình thành hệ thống đại lý cung ứng vật tư, phân bón, máy móc, thiết bị kỹ thuật, thu mua và tiêu thụ sản phẩm.

Tổ chức tham gia các hội chợ, triển lãm về các sản phẩm đặc thù của huyện, kết hợp giới thiệu các sản phẩm làng nghề, nông nghiệp truyền thống và kết hợp giới thiệu qua mạng Internet.

Tổ chức gắn kết sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch trong tỉnh, trong nước và khu vực để mở rộng thị trường.

### ***1.8. Giải pháp về quốc phòng – an ninh***

#### ***1.8.1. Công tác Quân sự - quốc phòng:***

- Quan tâm xây dựng thao trường, bãi tập, khu vực phòng thủ huyện đảm bảo quy định; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh đủ năng lực xử lý các tình huống xảy ra. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng.

- Tiếp tục bổ sung các quyết tâm, phương án tác chiến phù hợp với tình hình thực tiễn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy tác chiến của các cấp, các ngành, các lực lượng, xây dựng nền quốc phòng ngày càng vững chắc, đủ khả năng phòng thủ, bảo vệ địa phương trong mọi tình huống, góp phần củng cố thể trận phòng thủ của huyện, tỉnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.



- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện; xây dựng cơ quan quân sự các cấp vững mạnh toàn diện, đủ năng lực làm tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự theo chức năng. Tổ chức huấn luyện, diễn tập bảo đảm sát thực tế, an toàn; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

#### *1.8.2. Công tác đảm bảo an ninh trật tự:*

- Nắm chắc mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; bảo vệ an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước, địa phương; phân tích, đánh giá, dự báo tình hình liên quan đến an ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội trên địa bàn để chủ động đề ra giải pháp giải quyết.

- Phát hiện, ngăn chặn hiệu quả các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, các vụ việc nổi lên về an ninh chính trị để kích động, chống phá Đảng, Nhà nước. Đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm, đặc biệt tội phạm về ma túy, mua bán người, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản... góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội ở địa phương; phát huy sức mạnh tập thể của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT trong tình hình mới và công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng bảo đảm tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang huyện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và khả năng chiến đấu cao, sẵn sàng trong mọi tình huống, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong tình hình mới.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế đảm bảo hài hòa, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Điện Biên Đông và các nội dung đề ra trong nghị quyết Đại hội.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo

vệ Tổ quốc; phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang huyện, nhất là dân quân, tự vệ, các mô hình tự quản về an ninh, trật tự và lực lượng cốt cán trong các tổ chức, tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng- an ninh trên địa bàn.

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm các qui định của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với lĩnh vực này. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường hoạt động, công tác nghiệp vụ của các cơ quan Tư pháp kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các hành vi tham nhũng lãng phí.

### ***1.9. Phối hợp chặt chẽ giữa quy hoạch và kế hoạch***

Huyện cần thực hiện tốt việc tăng cường mối quan hệ công tác giữa quản lý quy hoạch và xây dựng kế hoạch để từng bước đưa các chương trình dự án ưu tiên đầu tư trong quy hoạch đã được phê duyệt vào kế hoạch thực hiện hàng năm.

Huyện cần thành lập “Ban quản lý, chỉ đạo thực hiện quy hoạch huyện” bao gồm: Đứng đầu là UBND huyện, các thành viên gồm có các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn trong đó phòng Tài chính kế hoạch là thường trực để triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn huyện một cách có hiệu quả. Ban chỉ đạo giúp cấp uỷ và UBND huyện xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch, trong đó xác định nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn thực hiện theo đúng quy hoạch đã phê duyệt.

Trên cơ sở định hướng của các ngành và các lĩnh vực trong quy hoạch, các phòng, ban, ngành của huyện cùng các xã, thị trấn phối hợp với các sở, ngành lập các quy hoạch chi tiết về xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị, cụm dân cư, giáo dục, y tế, văn hoá, hệ thống các chợ, siêu thị ... công khai quy hoạch tổng thể và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện để nhân dân trong huyện thực hiện và các đối tác bên ngoài nghiên cứu tham gia đầu tư.

Phòng Tài chính-kế hoạch huyện là cơ quan đầu mối giúp UBND huyện điều hành thực hiện quy hoạch, trong đó chú trọng việc xác định và triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt là các dự án đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội,

mang tính đột phá, tạo nguồn thu mới cho ngân sách. Thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện quy hoạch, phát triển những vấn đề không còn phù hợp với thực tế, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh quy hoạch theo định kỳ.

UBND huyện tích cực phối hợp thực hiện theo các chương trình, kế hoạch để đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình của Tỉnh và TW đầu tư xây dựng trên địa bàn, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cung cấp lao động và các điều kiện cũng như các dịch vụ hỗ trợ đi kèm.

## **2. Nguồn vốn và nguồn lực thực hiện**

Tập trung thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị bằng các nguồn vốn khác nhau, trong đó chú trọng nguồn vốn từ xã hội hóa với hình thức đối tác công tư (PPP). Hoàn thiện các công trình đang thực hiện dở dang bằng cách kết hợp các nguồn vốn và thể chế chính sách; theo thứ tự ưu tiên sẽ tập trung nguồn lực để trả nợ các công trình đã có phê duyệt quyết toán.

- **Huy động vốn từ ngân sách nhà nước:** Vốn ngân sách bao gồm ngân sách huyện, ngân sách tỉnh và Trung ương đầu tư vào các công trình thiết yếu như thủy lợi, giao thông, y tế và giáo dục. Ngân sách huyện chủ yếu là từ nguồn thu thuế và phí trên cơ sở thực hiện đầy đủ luật ngân sách nhà nước. Ngân sách Trung ương được huy động từ các nguồn vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn phi chính phủ khác.

- **Huy động vốn doanh nghiệp:** Bao gồm cả các các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước, vốn đóng góp của dân. Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp có vai trò ngày càng lớn trong đầu tư phát triển.

- **Huy động vốn từ quỹ đất đai:** Tiếp tục giao đất đến từng hộ gia đình, cho thuê đất dài hạn, thực hiện phương thức đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo ra nguồn vốn đầu tư cho địa phương. Bố trí sử dụng nguồn tài nguyên đất đai một cách hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế.

Chuyển đổi quỹ đất đai thành nguồn vốn bằng cách rà soát lại quỹ đất trên cơ sở xây dựng quy hoạch sử dụng đất đai của huyện, đặc biệt là vùng quy hoạch khu đô thị, từ đó tiến hành giao đất cho các ngành, các đơn vị, cơ sở, doanh nghiệp và cá nhân sử dụng theo phương thức cụ thể để huy động vốn.

Đầu tư một số tuyến đường giao thông quan trọng, gắn với một số công trình phúc lợi công cộng để tạo thêm quỹ đất mới có giá trị cao hơn.

Thực hiện phương thức đấu thầu các khu đất để huy động vốn.

- **Huy động vốn vay:** Xây dựng các dự án trọng điểm để được vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng của tỉnh, TW và các tổ chức quốc tế.

- **Tạo môi trường thông thoáng và có chính sách hấp dẫn để thu hút các nguồn vốn bên ngoài:**

Cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện để thu hút vốn đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp, cá nhân trong tỉnh, từ các tỉnh khác, và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, bao gồm các hình thức như hợp tác kinh doanh, liên doanh liên kết, đầu tư 100%, hình thức BOT,...

Xây dựng các dự án hạ tầng quan trọng, các dự án kinh tế cộng đồng có sức thuyết phục và hiệu quả, nhằm tranh thủ nguồn vốn tín dụng trong nước và vay vốn các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế như vốn ODA, vốn quốc tế tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn quốc tế tài trợ cho các dự án vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng kém phát triển...

- **Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại:** Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, hợp tác kinh tế với các đơn vị kinh tế lớn trong tỉnh, ngoài tỉnh.

- **Kết hợp huy động, sử dụng các nguồn vốn cho các chương trình một cách hợp lý:**

Chương trình đầu tư xây dựng, cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, thủy lợi: dùng vốn ngân sách, ODA, huy động theo hình thức BOT, BTO, BT, đóng góp của các doanh nghiệp và nhân dân.

Chương trình đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở ngành y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá thể dục thể thao: dùng vốn ngân sách kết hợp việc thực hiện xã hội hoá chương trình đầu tư bằng huy động sức dân, vốn đóng góp của dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư dân lập, các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

Chương trình đầu tư xây dựng và phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại: chủ yếu là thu hút các nguồn vốn từ các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kết hợp một phần vốn ngân sách cho công tác khuyến công, khuyến thương, xúc tiến đầu tư, thương mại.

Chương trình đầu tư xây dựng phát triển ngành nông nghiệp có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là phát triển cây ăn quả và chăn nuôi: vốn đầu tư cho chương trình này chủ yếu dùng các chính sách khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp, trang trại và các đối tượng khác bỏ vốn tự có và vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất. Ngoài ra ngân sách cũng cần tham gia một tỷ lệ hợp lý vào lĩnh vực hỗ trợ-hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư-thương mại, áp dụng công nghệ sinh học và giống mới.

### **3. Các chương trình, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư**

#### ***3.1. Nguyên tắc xác định dự án ưu tiên đầu tư***

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn.

- Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của huyện.

- Có tính cấp thiết, tháo gỡ, khắc phục những hạn chế, điểm nghẽn cản trở quá trình phát triển của huyện.

- Mang lại lợi ích kinh tế - xã hội tích cực, có tính lan tỏa sâu rộng giữa các vùng, miền.

- Phù hợp với cân đối tổng thể về nguồn lực.

- Đảm bảo về môi trường, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng.

- Phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn

Cụ thể:

- 1) Các dự án hạ tầng khung giao thông trục chính của huyện có tính chất đối ngoại, kết nối huyện với các khu du lịch, khu trọng điểm kinh tế của các địa phương lân cận, kết nối xuyên suốt nội bộ.

- 2) Các dự án chỉnh trang đô thị tập trung vào các hệ thống mương dẫn nước thải, xử lý thoát nước mặt, hệ thống an toàn giao thông

3) Quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu của các nhóm lao động trong các khu, cụm công nghiệp, nhân dân trong và ngoài địa phương.

4) Hạ tầng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thực hiện đồng bộ, nhất là hệ thống xử lý nước thải, thu gom rác thải công nghiệp.

5) Các dự án du lịch văn hoá, làng nghề, sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí gắn với các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái, các vị trí ưu tiên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

6) Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, cung cấp đầy đủ và ngày càng nâng cao trình độ nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp công nghệ cao.

### ***3.2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của huyện, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án***

- Nhóm tiêu chí ưu tiên về kinh tế: Phù hợp với các trụ cột ưu tiên phát triển trong quy hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu về quy mô kinh tế, tính khả thi về nguồn lực, thời gian thực hiện.

- Nhóm tiêu chí ưu tiên về xã hội: Phù hợp với các ưu tiên phát triển về xã hội trong quy hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu về xã hội như lao động, việc làm, thu nhập, văn hóa, an toàn và công bằng xã hội.

- Nhóm tiêu chí về môi trường: Phù hợp với các ưu tiên về bảo đảm môi trường trong quy hoạch như tiêu chuẩn xả thải, mức độ xử lý ô nhiễm môi trường, các quy chuẩn trong quản lý môi trường...

- Nhóm tiêu chí về an ninh quốc phòng: Phù hợp với ưu tiên bảo đảm về an ninh quốc phòng.